



SỐ 6 ● THÁNG 9 - 1967

|                 |     |                                                               |
|-----------------|-----|---------------------------------------------------------------|
| NGUYỄN SỸ TẾ    | 1   | Dấu chân : Cuộc bầu cử 3-9                                    |
| BÙI XUÂN BẢO    | 4   | Ý thức quốc gia                                               |
| TRẦN VĂN TUYỀN  | 16  | Con người trong cộng đồng Q.G.                                |
|                 | 31  | Quan niệm của người Quốc gia về hòa bình                      |
| TÙ KẾ TƯỜNG     | 49  | Thơ: Một đoạn trong cơn mưa ngắn                              |
| THẠCH CHƯƠNG    | 54  | Thơ dịch                                                      |
| VIÊN LINH       | 63  | Viết ở hòa hưng                                               |
| VŨ KHẮC KHOAN   | 74  | Ngộ nhận (liếp theo)                                          |
| JAMES BALDWIN   | 91  | Phỏng vấn Malcolm X và Martin Luther King về vấn đề Đen Trắng |
| HOÀNG NGỌC BIÊN | 119 | Ngoài lề                                                      |

## Cuộc bầu cử 3-9

TAM đặt vào trong dấu ngoặc cái tiến trình của một toàn thể chính trị rộng lớn có tính cách toàn cầu, xét như một hiện tượng độc lập và thu hẹp, cuộc bầu cử ngày 3 tháng 9 với những kết quả biểu kiến đã thành tựu trong vai trò phát hiện một hình ảnh về miền Nam và một số vấn đề sinh tử của nó.

Không cần phải nhắc làm gì những trở huyền nào thô tục đã diễn trong thời gian tranh cử, bởi chẳng cử riêng xứ này, bất cử ở đâu dù trong chế độ độc tài hay dân chủ, sân khấu chính trị cho đến nay vẫn là hoạt trường của các bản năng được giải phóng. Chỉ xét đến nội dung của cuộc vận động tuyên truyền, những đề tài tranh cử, người ta cũng phải nhìn thấy cái hình ảnh của một cuộc sinh hoạt chính trị

Chủ nhiệm sáng lập  
VŨ - CÔNG - TRỰC

Chủ biên  
VŨ - KHẮC - KHOAN

Thư ký tòa soạn  
THANH - TÂM - TUYỀN

Tòa soạn  
95B, Gia-Long, SAIGON

Ngân phiếu  
B. BÙI-THỊ HÒA-KHANH

Thư từ bản thảo  
Ô. VŨ - KHẮC - KHOAN

nát bấy. Chưa bao giờ người ta chịu thú nhận tình trạng chia rẽ, phân hóa trong hàng ngũ quốc gia một cách hùng hồn đến như thế. Tất cả bấy nhiêu người tranh đua cũng đều bập bềnh những tiếng nói giống nhau gần gũi nhau — trừ một đôi giọng vô ý thức cổ tình trời cao tre trước và vô duyên — và người ta ngạc nhiên biết bao khi thấy họ không thể nào xích gần được với nhau. Nếu những người còn bất buộc phải hy vọng, cố gắng tìm nhận diện cái mặt tích cực của cuộc vận động tranh cử, thì cũng chỉ thấy là một dịp tốt xác nhận công khai hai nguyện vọng chính: Hòa bình và công bằng xã hội — hai đề tài chủ chốt của cuộc tranh cử.

Nhưng kết quả cuộc đầu phiếu mới thật phát giác nhiều sự kiện quan trọng:

1.— Nó chôn vùi loại chính khách chủ trương mãi kiêu Phạm-Huy-Cơ.

2.— Nó tiến đưa vào bảo tàng viện lịch sử những nhà cách mạng Vũ - Hồng - Khanh - Nguyễn-Hòa-Hiệp.

3.— Nó đưa lên tiền trường sân khấu chính trị những mẫu chính khách loại « thời trang kiêu Trương-Định-Dzu.

Và cuối cùng là hai tướng lãnh đắc cử với một đa số khoảng chừng 35%.

Từ cuộc tranh cử đến kết quả ghi nhận

hình ảnh miền Nam hiện ra mập mờ, còn nhiều hỗn độn. Tất cả mọi người đều mặc nhiên thừa nhận muốn hướng tới một miền Nam hòa bình, không Cộng sản nhưng có công bằng xã hội. Tuy Hòa bình như thế nào, công bằng xã hội thì hành theo đường lối nào thì dường như quan niệm còn mông lung hăm hồ và đó có thể kể như nguồn gốc của sự chia rẽ trầm trọng. Phải nhận là trung thực với tình hình miền Nam lúc này, cái sự kiện chính quyền trong những ngày tới chỉ được sự tin nhiệm của một đa số yếu ớt. Do đó nhiệm vụ của hai tướng lãnh đắc cử thật là nặng nề, khó khăn. Làm thế nào cho đa số tin nhiệm gia tăng, chính quyền vững mạnh theo đúng tiến trình dân chủ? Nghĩa là làm thế nào tạo được một nội dung cụ thể xác thực cho hai quan niệm Hòa bình và Xã hội tại miền Nam để có thể tập hợp những phần tử phân tán tán mác quanh các liên danh đối lập. Đó phải là mối lo toan chính yếu của những người lãnh đạo miền Nam trước một đoạn đường mới.

VẤN ĐỀ

# NGUYỄN - SỸ - TÊ

## ý - thức quốc - gia

M Ỏ I khi có một biến động lịch sử lớn lao qua hệ đến vận mạng của một xứ sở, ý thức quốc gia ở nơi đó lại được người ta kêu gọi tới — với nhiều âu và hy vọng pha trộn.

Trong lịch sử, người ta đã từng chứng kiến sự lập thành hay sự mai một của một số quốc gia trong cộng đồng nhân loại. Thế kỷ trước, có người đã chào mừng sự « xuất hiện của những quốc gia tân tiến » như là dấu hiệu của « kỷ nguyên giải phóng » và như là kết quả của những « tiến bộ khoa học ». Thế kỷ này, nơi thì thờ phụng quốc gia những mưu dựa vào sức mạnh của quân sự và kinh tế mà chinh phục và biến dạng thế giới ; nơi thì lâm cảnh suy vi thảm thương của ý thức quốc gia trước sự công phá của đế quốc chủ nghĩa và quốc tế chủ nghĩa. Cự đoạn này đánh là một thất bại, nhưng cự đoạn kia cũng chẳng phải là một thành công.

Nhìn riêng nước Việt, ý thức quốc gia đã nhiều lần bừng sáng và chứng tỏ sức mạnh cùng thành quả của nó trong công cuộc phá vỡ những xâm lăng khủng khiếp để bảo tồn lãnh thổ và ngôn ngữ của người Việt. Nhưng

ĐỀ 6

hầu hiệu « Nước của con Rồng cháu Tiên — Bốn ngàn năm văn hiến — Nam quốc Sơn hà Nam đế cư... » chẳng phải chỉ là những huyền thoại để vuốt ve trí tưởng tượng của dân gian trong những giờ khắc rồi rồi. Nhưng rồi ý thức quốc gia có thành tích đó, ta phải nhận rằng hiện đang ở thời kỳ đòi truy nã nặng nề sau những đợt tấn công liên tiếp của đế quốc và quốc tế.

Bài tiểu luận này thành khẩn suy nghĩ lại vấn đề trên những dữ kiện lịch sử và xã hội nước nhà và những tiến bộ của những ngành khoa học nhân văn thế giới. Quan niệm và hành động của ta phải như thế nào để làm sáng tỏ một ý thức quốc gia chân chính ?

Trên phương diện nhận thức, người ta đã biến mình rất nhiều cho sự tất yếu của thực thể quốc gia trong cộng đồng nhân loại. Cũng xin nhắc lại như là một khởi điểm, mong rằng những đam mê trở thành do dự, và những do dự khiến người ta đặt lại vấn đề, xét lại thái độ.

Trước hết, những lý do lịch sử. Trong kiến trúc sinh động của nó, nhân loại được cấu tạo thành từng nhóm đoàn kết yếu. Mặc dầu những vận hành phối hợp, ly tán, thành lập, mai một... của chúng, những nhóm đoàn đó vẫn tồn tại. Những tôn giáo lớn, những triết lý chính trị lớn bằng giảng dạy lòng yêu nước, tinh thần quốc gia cho con người. Những nỗ lực của các chế độ độc tài theo chiều hướng quốc tế nhằm tiêu diệt ý thức quốc gia rút cục rồi cũng thất bại ; đó là sự tan rã của những đế quốc cổ kim, đông tây ; đó là sự phân hóa trong hàng ngũ của phe quốc tế thời mới. Nhận biết cái sức mạnh của ý thức quốc gia, những mưu đồ chính trị phía bên này cũng như phía bên kia vỹ tuyến một quốc gia còn nhằm kích động tinh thần quốc gia của quần chúng để tạo nên sức mạnh cho mình. Ta



không phủ nhận rằng xã hội nhân loại càng ngày càng tiến tới một cộng đồng thống nhất chặt chẽ hơn, nhưng song song với sự phát triển quốc tế đó cũng lại có sự phát triển của quốc gia và của con người. Giữa quốc gia và quốc tế, không phải chỉ có xung khắc mà còn có hòa hợp; không phải chỉ có rất một thứ xung khắc hủy diệt giải quyết theo kiểu Tây phương mà còn có xung khắc xây dựng và tiến bộ.

Sau nữa, xã hội học, tâm lý học và sinh vật học cũng hằng nhấn mạnh vào bản năng tập thể của con người. Bản năng đó chỉ được thật sự củng cố trong đời sống quốc gia, nghĩa là trong những điều kiện chung về địa lý và lịch sử của một xứ sở, những điều kiện chung đó tạo nên những cộng đồng ngôn ngữ, tập quán, luật lệ, phong tục... thậm chí tâm địa cho con người. Tất cả, theo lẽ di truyền, lắng xuống vô thức của con người làm nên cái mà người ta thường gọi là dân tộc tính, mà tâm lý học gọi là vô thức dân tộc. Có quyền lực nào, kể cả khoa học, có thể thống nhất được cho nhân loại mọi điều kiện sinh hoạt trên đây hay không? Chưa nói tới điều kiện địa lý và lịch sử, nơi ngay điều kiện bình thường hơn là ngôn ngữ, ta cũng thấy ngay rằng ngôn ngữ đầu phải chỉ là một hình thức; vì lại ngôn ngữ, hiểu theo nghĩa toàn diện, cũng lại được tạo nên bởi nhiều điều kiện khác trong đó có điều kiện lịch sử. Cho nên phong trào «thế giới ngữ» hồi đầu thế kỷ này sớm rơi vào chỗ vô nghĩa là một lẽ tự nhiên vậy.

Nhìn vào xã hội học Đức thời mới, với khoa điển hình luận (typologie), ta thấy Max Weber và Tonnies cũng đề cao kiểu mẫu cộng đồng quốc gia. Ý chí của con người — ý chí sâu xa và ý chí quy

định — người ta phân biệt những nhóm đoàn gia đình, học đường, xưởng thợ, các hội đoàn, đảng phái, tôn giáo... và người ta phải công nhận rằng quốc gia là kiểu mẫu cộng đồng (danh từ cộng đồng hiểu theo nghĩa sâu xa và trọn vẹn của nó) lý tưởng, đầy đủ và thuận lợi nhất cho sinh hoạt toàn diện của con người trong cái đa tiến tới một hòa hợp nhân loại. Do đó, đứng ngón từ chính trị và đứng trên phương diện quốc tế mà xét, người ta gọi hợp chủng quốc Hoa Kỳ, (états) nhưng rồi vẫn chỉ có một quốc gia Hoa Kỳ, một Mỹ quốc (nation) mà thôi. Nói về liên bang cũng có nhiều hình thức, cấp bậc. Liên bang chỉ là một kỹ thuật tổ chức, một kỹ thuật pháp lý; quốc gia mới là một thực thể sâu xa.. Với đầu óc hẹp hòi kỷ thị, thừa hưởng từ đế quốc, người ta có thể nói tới một «nước» Nam kỳ, Trung kỳ, Bắc kỳ nhưng rồi vẫn chỉ có một «quốc gia» Việt Nam không hơn không kém.

Quốc gia là một thực thể tổng hợp, sâu xa trọn vẹn và tất yếu là như thế. Sự suy vi của ý thức quốc gia nói trên kia cốt yếu do những quan niệm sai lầm về quốc gia mà sinh ra. Ở một phương diện nào đó, ta đã nói tới một cái đa quốc gia hướng vào quốc tế. Vậy quốc gia không thể coi là một cứu cánh cuối cùng. Cứu cánh xa hơn quốc gia tất nhiên là cộng đồng nhân loại, và xa hơn nhân loại lại còn vũ trụ và muôn loài. Ngày nào những mâu thuẫn hủy diệt giải quyết xong ở cấp bậc dưới, người ta mới có thể đi lên cấp bậc trên. Yếu tố thời gian là một điều kiện không thể lãng khinh. Ý thức quốc gia rồi cũng theo chiều đó thời gian đó mà tiến hóa, và quốc gia, cũng như con người, mãi mãi vẫn còn trong cộng đồng nhân loại.

Nhận định trên để đưa tới một chủ trương tai hại, đó là chủ nghĩa quốc gia cực đoan. Chủ nghĩa này thường



đưa xứ sở vào những phiêu lưu quốc tế nguy hại cho chính sự sinh tồn của nó; trường hợp Đức, Nhật trong thế kỷ này là những thí dụ điển hình. Mặt khác, thái độ cực đoan thường giam hãm một quốc gia trong cảnh cô độc, thiên cận, chậm tiến. Những chủ trương bế quan, tỏa cảng kiểu các vua đời Nguyễn chính sách Monroe của Mỹ quốc chẳng còn phương áp dụng nữa. Những cử chỉ « mẹ hất con khen hay, dân tộc ta tài, dân tộc ta giỏi » đã trở thành những trò khôi hài làm mất hết ý nghĩa của tinh thần quốc gia cùng với những huyền thoại gác liễn vào đó. Sự tìm hiểu và hợp tác quốc tế bao giờ cũng là một điều kiện thiết yếu cho sự sinh tồn và hưng thịnh của quốc gia. Trong công tác này, thái độ cảm thông và phục thiện thật là quý giá. Cái tự cao, tự đại của một số người kiểu hãnh một cách ngây thơ về một vài thành công quân sự, kinh tế của quốc gia mình thường đưa tới những cử chỉ xuân động; họ quên rằng ngoài cái tâm địa của dân tộc mình, những giá trị của quốc gia mình còn có bao nhiêu tâm địa và giá trị khác.

Tránh những sai lầm trên, ta thử phác họa nội dung của một ý thức quốc gia lành mạnh và tiến bộ. Nói một cách tổng quát, quốc gia phải là chỗ dung dưỡng con người, là cái đã giúp con người phát triển toàn diện hướng tới toàn thể tha nhân và vũ trụ. Con người, Quốc gia và Nhân loại chỉ có thể tiến bộ nếu tiến bộ song song. Ta đang ở kỷ nguyên trưởng thành của con người và của Tập thể trên con đường say tưởng và khoa học.

Đi vào những vấn đề căn bản đặt ra cho con người quốc gia, ta thấy ngay hướng giải quyết của những người chân chính. Gia đình là một tập thể nhỏ bé, nặng khía cạnh tình cảm, không thể nào lấn át được quốc gia, điều đó đã quá rõ: chế độ gia đình trị không thể nào tồn tại, con người nặng đầu óc gia đình không thể nào làm việc nước. Sự xung đột giữa nước (états), địa phương quốc gia cũng dễ bề thanh toán bằng luật pháp,

tổ chức tiên bang... Sự xung đột gay gắt nhất còn lại là xung đột giữa quốc gia, đảng phái và tôn giáo. Ta hãy dừng lại với những đảng phái và tôn giáo lớn có tầm quan trọng quốc tế.

Vào thời mới, đảng phái thường bao hàm một ý thức hệ hẳn hoi, nhưng rồi ý thức chính trị vẫn là phần căn bản và tổ chức đảng phái cốt yếu là một công cụ có thể thêm bớt, xếp đặt lại. Quốc gia không thế. Như đã trình bày trên kia, nó là một thực thể tổng hợp toàn diện và sâu xa. Do xác định đó, trong mối tương quan quốc gia — đảng phái, địa vị ưu tiên tự nhiên rơi vào phía quốc gia, và sự thành công quốc tế của một đảng phái cũng còn tùy thuộc ở công nghiệp của nó nơi quốc gia.

Vấn đề tôn giáo, nhất là ở nước ta, có phần tế nhị hơn. Lịch sử lâu dài của tôn giáo nhắc nhở bản chất thiêng liêng của nó là trông coi cái phần hồn, cái phần tâm linh của con người. Vậy nếu nó phải làm chính trị thì điều đó cũng có thể chấp nhận được nếu vì vạn bất đắc dĩ, để tự bảo vệ. Cho nên sự cam kết sâu xa của một tôn giáo cho một đảng phái chính trị chỉ là một lạc hướng iam suy giảm chính nó mà thôi. Người ta nhấn mạnh vào sắc thái quốc tế của những tôn giáo lớn có tổ chức cơ quan lãnh đạo, điều khiển chặt chẽ trên nhiều quốc gia. Nhưng từ phía quốc tế này hay từ phía quốc gia kia lý do đương nhiên vẫn là sự tự trị quốc gia, thái độ ở ngoài tranh chấp chính trị và xa hơn nữa sự trường tồn và hưng thịnh của quốc gia.

Sau cùng, điều mà người viết những trang này muốn nhấn mạnh là cái chiều sâu cần có trong ý thức quốc gia thời mới này. Ý thức quốc gia không phải chỉ thu hẹp vào việc nhận thức những hiểm nguy hiện tại hay những lợi quyền gần kề của quốc gia. Mỗi quốc gia có một quá khứ sống trải, một tương

lai để thực hiện cho nó. Ý thức quốc gia là ý thức những sở trường, sở đoản của quốc dân mình căn cứ vào lịch sử, những quyền lợi và trách nhiệm của quốc gia mình trong hiện tại đối với cộng đồng thế giới, cái kiểu mẫu lý tưởng trong tương lai mà nó phải tiến tới, các vai trò mà nó phải đảm sau này trên trường quốc tế, tóm lại ý thức cái chiều đo thứ tự làm nên vận mạng và giá trị của nó.

Những minh xác về nhận thức trên đây cho ta thấy ngay rằng trên phương diện tổ chức và hành động, ý thức quốc gia phải là mối chăm lo thường xuyên của mọi tầng lớp quốc dân, từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Ta thử bàn về những mục tiêu và những phương cách tổng quát trong công cuộc phát huy và xây dựng ý thức quốc gia. Trước hết, mọi người phải thỏa thuận với nhau về một ý thức hệ tổng quát. Như đã biện luận trên kia, ý thức hệ đó một mặt phải căn cứ vào lịch sử và địa lý quốc gia, một mặt phải có tính cách mở ngoà và sẵn sàng dung nạp nhiều phần tử, nhiều phe phái, để bắt kịp đà tiến hóa của nhân loại lợi dụng kịp thời những chinh phục mới của mọi ngành khoa học. Những gặp gỡ cởi mở, những hội thảo kiên trì, sự hoạt động tập thể trong mọi phạm vi... đều là những điều kiện thuận lợi giúp cho con người hiểu nhau hơn, dứt bỏ nghi kỵ và thành công hơn trong việc đi tìm cái lý tưởng chung đó.

Trong khuôn khổ của ý thức hệ đó rồi, ta phải biết phát triển những sở trường, giảm thiểu những sở đoản của đồng bào ta. Phải tạo ra cho quốc gia một nếp sống có một sắc thái riêng nếu không là độc đáo. Trong việc đi kiếm tìm sự độc đáo, phải biết tránh sự lập dị, phải nối kết với những giá trị cổ truyền đã được thử thách hay không phương hại cho nếp sống mới và tiến bộ. Nếp sống này muốn được sâu xa cần

phải có sự giác ngộ, sự đoàn kết và kỷ luật. Khi ta đã ít về lương (số ít bao giờ cũng thiệt) thì ta lại càng phải xuất sắc về phẩm. Phải làm sao tạo nên một kiểu mẫu làm người điển hình cho dân tộc, phá bỏ mọi mặc cảm tự ti cũng như tự tôn, ung dung và kiêu hãnh một cách chính đáng về cái nhãn hiệu quốc gia của mình. Một điều thường bị lãng quên: Người ta có thể tạo nên sự ngưỡng mộ, sự kính nể cho quốc gia mình không phải chỉ bằng những thành tích mới mà còn bằng những đức tính cổ truyền của nhân loại, sự lương thiện, lòng can đảm, đức hy sinh, sự chịu đựng nhẫn nhục... Chiều sâu tuyệt đối của đức tính cũng là nét độc đáo vậy. Và trong bước đi bất gặp thế giới, ta hãy chú trọng vào nội dung của các phong trào hơn là hình thức. Hãy theo nếp người xưa làm một công cuộc đồng hóa tiên quyết với dữ kiện lịch sử và địa lý quốc gia những gì ta muốn du nhập từ ngoài... Đó chỉ là những điều sơ đẳng trong một bài học thực hành để tạo mọi xã hội, một quốc gia xứng đáng. Nhưng nghĩ cho kỹ, tiến tới được thanh công vẫn là cả một nghệ thuật sống, một nghệ thuật có trọng lượng, có dung tích nhân loại. Nhìn vào quốc gia ta, nếu như hiện tại cơ thương đau thì cũng lại cơ một phúc nhỏ nơi sự cho việc phát động một tinh thần quốc gia hùng mạnh: chưa bao giờ Việt Nam được người ta nhắc nhở, xót thương và kham phục bằng trong giai đoạn lịch sử này của nó.

Đề tiến tới những mục tiêu kể trên, phương thức đặc lực nhất ngay nay phải kể là chính trị, giáo dục và xã hội. Chính trị, bởi đó là mối lo toan khẩn thiết của mọi người trong thời đại mới, và là giải pháp ưu tiên trước các giải pháp khác cho chiến cuộc Việt-Nam ta. Chính trị còn là điều cấp thiết để kết hợp dân chúng, tạo uy quyền quốc gia, kỷ luật trong hàng ngũ quốc dân. Một nền chính trị như vậy phải sáng suốt, tài tình, kiên quyết, nhìn xa trông rộng để cứu



nguy quốc gia khi cần, để có năng lực tạo nên sức mạnh và vinh quang cho xứ sở trong mọi lúc. Nền chính trị đó quả là chưa có nơi quốc gia ta vậy.

Nhưng một nền chính trị không có giáo dục sẽ chẳng được lâu bền. Nền giáo dục mới phải có tính cách thực tiễn, khoa học và xã hội một cách rõ rệt. Nó phải mạnh dạn chối bỏ tính cách lý thuyết sách vở đã làm hỏng bao nhiêu thế hệ liên tiếp rồi. Một nền giáo dục có tính cách tích cực, trao phó trách nhiệm, nâng đỡ sáng kiến, nối kết sự đắc thắng của cá nhân với sự thành công của tập thể tỏ ra cần thiết hơn lúc nào hết. Trong nền giáo dục xã hội, ta biết hẳn thế lực của những phong trào. Đó là lý do khiến ta chớ nên lãng khinh hình thức, ta phải biết lợi dụng nó để mà đem ý thức quốc gia vào các phong trào. Chính cái hình thức này dễ tác động quần chúng một cách mạnh mẽ và tới một tầm mức nào đó thì hình thức cũng tại ảnh hưởng mạnh mẽ đến nội dung nếu không là quyết định nó. Ta đã có dịp ghi nhận rằng ngôn ngữ chẳng phải chỉ là một hình thức, sự miệt thị ngôn ngữ vừa gây tai hại cho tư tưởng vừa làm tan rã ý thức quốc gia. Và đứng trên phương diện xã hội mà nhận xét thì những phong trào tân sinh hoạt, chẳng phải không bao hàm một ý nghĩa sâu xa chuyển hướng xã hội.

Với chính trị và giáo dục phối hợp, các phong trào xã hội sẽ được phát động và nuôi dưỡng một cách dễ dàng hơn. Và một khi những phong trào này được gây ra theo ý muốn có kế hoạch thì cả cái vận hành của xã hội cũng phải nghiêng theo. Người ta đã phản nân nhiều và từ lâu về tình trạng vô kỷ luật vô trách nhiệm, ích kỷ, bừa bãi của xã hội ta. Chẳng ngược đường đi tìm nguyên nhân mà trách cứ đê quốc hay quốc tế, ta phải nhận phần lỗi về chính trị và giáo dục của mấy chục năm ròng gần đây: sự vắng thiếu một nền chính trị sáng suốt lâu bền, một nền giáo dục lấy quốc dân làm đối tượng, lấy sinh

hoạt cụ thể của xã hội làm mục đích.

Mục tiêu và phương thức tổng quát để gây dựng ý thức quốc gia là thế. Ta phân phối các trách nhiệm, các vai trò như thế nào? Trên hết, ta phải nói tới vai trò của chính quyền. Chừng nào còn một bộ máy công quyền lười biếng tham ô, chừng ấy chẳng có thể nói tới ổn định xã hội, thăng tiến quốc dân, xây đắp quốc gia. Bởi lẽ tắc kinh niên và trầm trọng này, cần phải có một hành động mạnh bạo cương quyết nếu không là cách mạng để gạt bỏ quá khứ. Trong công tác này, khẩu hiệu « Cần người trong sạch và thiện chí trước người có khả năng, thạo việc » thật là ứng nghiệm. Đây chẳng phải là một ước mơ không tưởng khi mà gương Tunisia sau khi thu hồi độc lập, chỉ trong vòng một tháng đã có thể ráp lên được một bộ máy công quyền xứng đáng vẫn còn đó.

Hỗ trợ mạnh mẽ cho công cuộc trên là trách nhiệm và vai trò của các nhà lãnh đạo tôn giáo và đảng phái. Trong công cuộc lâu dài này, ta phải tin tưởng chắc chắn ở sự thẳng thắn cuối cùng tất yếu của đạo đức và lẽ phải. Thật là một nhầm lẫn nếu không là một bệnh hoạn khi người lãnh đạo đoàn thể đã chỉ dạy giáo, khuôn nắn cho đoàn viên vâng theo mệnh lệnh của mình và giữ kỷ luật riêng trong tập thể của mình. Đứng trên phương diện tình cảm và tổ chức thì trong công cuộc giác ngộ quần chúng, tôn giáo và đảng phái lại còn có ưu thế hơn chính quyền vì dấu sao giữa dân chúng và chính quyền vẫn có một ngăn cách nếu không là cái thế đối dựng với nhau. Và riêng ở điểm giáo dục xã hội và chính trị này thì đảng phái và tôn giáo lại gần lại với học đường. Từ một vài trường hợp ngoại lệ, nhất là trong những chế độ độc tài, học đường vẫn được quốc dân ngấm nhìn với một nhãn quan ưu đãi, không nghĩ rằng đó cũng là một bộ phận của chính quyền. Đã đến lúc người ta phải tuyên nhận tính cách

độc lập của giáo dục như người ta đã xác nhận tính cách cho quyền tư pháp chẳng? Dầu sao, học đường, tôn giáo, đảng phái cũng không thể độc quyền chiếm cứ quốc dân. Tất cả phải là một thỏa thuận, một chính sách chung, nhìn xa trong tiền đồ của tập thể. Phải cơ ngũ hóa xã hội nhưng chẳng phải để mà để bề kiểm soát và thống trị mà là để giúp cho chính những cơ ngũ đó có điều kiện để mà phát triển, tiến bộ.

Tất cả những biện luận trên đây chưa xét tới một thực trạng hiện tại của nước ta, thực trạng mà ta có giải quyết được một cách xứng đáng mới mong những nỗ lực tổ chức và hành động trên đây đem lại kết quả mong muốn. Đó là cảnh chiến tranh và chia cắt của đất nước ta. Bình thường những tác động trên đã khó khăn, gặp hoàn cảnh này lại càng phải đương đầu với những thử thách, khó khăn gấp bội, đòi hỏi nỗ lực phi thường và kế hoạch riêng biệt. Nhưng mà giải quyết chiến tranh và chia cắt như thế nào để không lỡ cơ hội cho những người quốc gia bên đây và bên kia vỹ tuyến lại là một vấn đề khác. Dầu sao hai nỗ lực song song giải quyết chiến tranh và xây dựng ý thức quốc gia, cũng giúp đỡ lẫn nhau và tỏ ra cần thiết như nhau.

Ý thức quốc gia, danh từ tầm thường hay màu nhiệm, vẫn là một thực thể xưa cũ trong sinh hoạt của con người. Để khỏi bị lãng quên, để khỏi phải sống vất vưởng theo cái đà hồn nhiên của sinh lý xã hội, ý thức quốc gia cần phải được đặt lại thành vấn đề một cách nghiêm trọng, được giải quyết một cách sâu xa và thấu đáo, gạt bỏ mọi thành kiến, mặt cảm, quyền lợi thiển cận và đam mê nhất thời.

Trong bất luận cảnh ngộ nào, một ý thức quốc gia đơn hậu vẫn là làm sao cho mỗi một người dân trở thành một cán bộ có trách nhiệm, một người thợ có tài năng, tích cực xây dựng và bảo tồn quốc gia để hiến dâng cho cộng đồng nhân loại.

NGUYỄN SỸ TẾ

## BÀI SẼ ĐĂNG

Thạch - Chương — *Lévi Strauss, hoàng hôn của nhân bản chủ nghĩa* ● Thanh Nam — *Viết về Đình Hàng* ● Trần - văn - Nam — *Văn nghệ hiện thực hay viễn mơ* ● Tuy-Hồng — *Những sợi sắc không (truyện dài)* ● A. R. Grillet — *Truyện ngắn*.



# BÙI XUÂN BÀO

## Con người trong cộng - đồng quốc - gia

*Trong khuôn khổ cuộc hội thảo về mục tiêu Quốc gia do Viện Đại Học Đà Lạt tổ chức vào tháng 7 vừa qua, giáo sư Bùi Xuân Bào, một thân hữu từ buổi đầu của Vấn Đề đã thuyết trình về đề tài « con người trong cộng đồng quốc gia ». Từ quan điểm một người Thiên chúa giáo, ông đã nhìn và đặt vấn đề trong một nỗ lực tiến sát đến với một quan niệm sẽ phải trở thành của cộng đồng trong những ngày tới.*

*Chúng tôi trích đăng những phần chính yếu của bài thuyết trình với mục đích giới thiệu một nỗ lực cần thiết trong tinh thể hiện nay của chúng ta.*

**T**RƯỚC hết, phải cố gắng để hiểu hai danh từ chủ chốt trong đề tài : *con người và cộng đồng quốc gia*. Ý niệm con người là một trong những ý niệm mà người ta thường thường tưởng biết rõ, nhưng hề có ai hỏi đến thì có cảm tưởng là không biết. Con người là một cái gì cực kỳ phức tạp và đầy mâu thuẫn. Người ta thường cho rằng con người khác thú vật ở chỗ vươn lên một lý tưởng. Thế mà khi nào thấy một người sa ngã lầm lỗi, người ta cũng hay nói : « Ông ấy chẳng qua là một con người ».

Con người có một giá trị cao quý nhất trong vũ trụ,

nhưng vì giá trị đó mà con người nhiều khi bắt buộc phải hy sinh cho tổ quốc, cho tôn giáo, hay là một lý tưởng cao cả nào khác. Nếu những lý tưởng đó bị chà đạp thì phẩm giá con người không được toàn vẹn. Nếu đứng về quan điểm triết học và nhất là siêu hình học thì lại càng khó định nghĩa con người, vì mỗi lý tưởng quan niệm con người theo mỗi cách. Chúng ta không gạt bỏ các lý thuyết trên vì dù sao đó cũng là kết quả của những cố gắng của các bậc hiền triết đã đào sâu tư tưởng của con người và về con người. Nhưng trước hết chúng ta hãy nhìn con người trong ta và xung quanh ta,

Con người là một thể xác và một tâm linh. Với thể xác, con người gần con vật. Nhưng với tâm linh con người khác hẳn với con vật, không ai chối cãi việc đó. Thể xác và tâm linh liên lạc mật thiết với nhau. Trong đời sống bên trong có một phần tiềm thức bắt nguồn trong những đòi hỏi của xác thịt. Dù sao, sau khi thuyết phân tâm học của Freud và thuyết con người kinh tế của Marx được thịnh hành trong gần nửa thế kỷ ở Âu châu, đại đa số nhân loại và một số đông nhà triết học và khoa học vẫn tin rằng tâm linh vẫn có một phần biệt lập dù nhỏ đến đâu và con người chỉ là con người khi nào sống theo phần tâm linh, nghĩa là khi phần tâm linh điều khiển được xác thịt.

Bây giờ nhìn kỹ trong chính ta, chúng ta nhận thấy trong đời sống tâm linh nhiều khía cạnh chính phức tạp ảnh hưởng lẫn nhau : trí-tuệ, ý chí, tình cảm, luân lý. Nhưng con người là con người sống với đồng loại và ở giữa hoàn vũ. Những giây liên lạc chiều ngang nối liền con người này với con người khác đó là đời sống xã hội những giây liên lạc chiều cao nối liền con người với một cái gì cao cả hơn con người. Cái gì đó có thể là Thượng Đế đối với những người có một tôn giáo, đó cũng có thể là một lý tưởng về con người ở trần gian mà thôi, trong một số lý thuyết nhân

bản vô thần; cái gì đó cũng có thể là một lý tưởng quốc gia, ở bao nhiêu anh hùng dân tộc, cũng có thể là một lý tưởng xã hội ở những chiến sĩ xã hội hăng say và chân thành. Nói như vậy tôi không theo thuyết tương đối về lý tưởng của con người, nghĩa là tôi không cho rằng tất cả các lý tưởng đều có một giá trị ngang nhau. Tôi chỉ muốn nói rằng ở một con người nào cũng có một chiều hướng thượng, sự thể hiện của chiều hướng thượng làm cho tâm linh phần đông được thỏa mãn nhất là tín ngưỡng tôn giáo, vì vậy cho nên dù rằng khoa học đã tiến bộ rất nhiều, dù rằng những thuyết duy vật đã ảnh hưởng rất lớn vào quần chúng, mà tôn giáo vẫn tồn tại ngay tại các nước tiền tiến trong đó khoa học đã tiến bộ đến cao độ. Chiều hướng thượng vẫn có ở nhiều người không có tín ngưỡng tôn giáo và lý tưởng gia đình quốc gia hay xã hội đối với họ có tính cách tuyệt đối như một tôn giáo.

Nói như vậy tôi cũng không muốn nói rằng người có tôn giáo không có lý tưởng quốc gia và xã hội, khi cần họ cũng biết chết cho quốc gia xã hội nhưng họ tích hợp (intégrer) lý tưởng quốc gia xã hội vào trong lý tưởng tôn giáo, họ lồng quan niệm quốc gia xã hội vào trong đức tin của họ. Họ có thể hy sinh tính mạng cho cái mà họ cho là «tổ quốc trần gian» cũng như họ cũng có thể hy sinh tính mạng cho cái mà họ cho là «tổ quốc linh hồn» và trong công giáo chẳng hạn khi họ chết cho tổ quốc trần gian họ cũng tin rằng họ cũng phục sự tôn giáo của họ vì tôn giáo dạy cho họ rằng một phần quan trọng trong phẩm giá con người cũng nằm trong sự sống của của tổ quốc.

Đời sống nội tâm của con người nối liền với đời sống quốc gia xã hội theo bề ngang và hướng thượng theo một lý tưởng quốc gia hay xã hội được xem như một tôn giáo đều được soi sáng bởi lý trí. Lý trí cho ta nhận thức được và những vật hữu hình và vô hình xung quanh ta. Sinh v

học hiện nay cho ta biết rằng trong một số thú vật ở bậc cao của lịch trình tiến hóa của sinh vật cũng có một tia thông minh, nhưng chỉ ở con người mới có ý thức toàn vẹn vì óc não (cerveau) đạt đến một trình độ phức tạp mà những con vật dù thông minh đến đâu cũng không thể có được. Như vậy sinh vật học hiện tại chứng minh hai điều quan trọng:

— Đời sống trí tuệ và đời sống thể chất liên lạc mật thiết qua óc não có thể xem như bản lề giữa thể xác và tâm linh.

— Chỉ có con người mới có một sự nhận thức hoàn hảo.

Nhận thức hoàn hảo đó, các triết gia cho là nhờ lý trí. Lý trí là yếu tố quan trọng nhất trong bản thể con người. Lý trí soi sáng mọi ý nghĩ mọi tình cảm, mọi tư tưởng, mọi hành vi của con người. Nhờ lý trí con người mới biết phải trái, nếu người không dùng lý trí để hành động thì bị bản năng hay thú tính điều khiển. Ngay trong đời sống nhục dục làm cho con người gần thú vật nhất, con người cũng đã đạt lý trí và tâm linh vào đó: chữ yêu có hai nghĩa, nghĩa linh thần và nghĩa xác thịt, và tình yêu giữa trai và gái chỉ có ý nghĩa đầy đủ bao hàm hai nghĩa đó và đưa đến hôn nhân. Đó chỉ là một ví dụ chứng tỏ tất cả đời sống của con người vật chất cũng như tinh thần đều do tâm linh và lý trí soi sáng và hướng dẫn.

Nhờ lý trí và ý thức, con người phân biệt được phải trái, có thể lựa chọn được giữa cái tốt và cái xấu và vì có thể lựa chọn được, nên con người mới có tự do, và vì có tự do nên mới có trách nhiệm về hành vi cử chỉ của mình.

Lý trí là yếu tố quan trọng nhất của bản chất con người, và tự do làm cho tất cả những hành động của chúng ta thành những hành động của những con người. Nhưng tự do của con người tự nó giới hạn lấy nó. Vì nếu dùng tự do để xóa bỏ tất cả thú tính, nếu tự do không theo mệnh lệnh của



lý trí, thì hành động đi ngược lại bản chất của con người. Tự do tinh thần chỉ là tự do thật sự của con người khi chúng ta lựa chọn giữa những hành động hợp với luân lý vì tự do luôn luôn phải được soi sáng bởi lý trí, phải hướng con người về việc phải chứ không phải hướng về việc trái. Khi tôi có quyền lựa chọn nghề nghiệp tôi ưa thích, tôi được hoàn toàn tự do, vì mọi nghề nghiệp đều hữu ích, tôi có thể chọn giữa nhiều chính thể, vì nhiều chính thể hợp với nước tôi, tôi không có quyền chọn làm trộm cướp, giết người cướp của, vì những hành động đó không những làm nguy hại cho nhân quần xã hội mà trái với lương tâm và lý trí.

Vì những lẽ trên, tự do tinh thần của con người ngay tự nó là để người chọn giữa những điều phải chứ không cho phép chọn điều trái. Chúng ta thấy rằng tự do tinh thần áp dụng vào luân lý chỉ cho ta quyền chọn những điều hợp với luân thường đạo lý, áp dụng vào gia đình xã hội chỉ cho ta quyền chọn giữa những hành vi và thái độ ít nhất là không hại nếu không hữu ích đối với gia đình xã hội.

Vì vậy cho nên tự do, và tự do theo nghĩa đó, đã được xem là yếu tố quan trọng nhất trong phẩm giá con người. Và khi nói đến tự do của con người trong đời sống quốc gia, thì cũng nói đến tự do đó, nghĩa là một tự do nếu không hữu ích thì ít nhất cũng không nguy hại cho quốc gia.

Như tôi đã trình bày ở trên, một trong những bản tính của con người là sống với kẻ khác. Do đó mới có gia đình xã hội, quốc gia. Trong các hình thức sống hợp quần, chúng ta nên phân biệt ở đây hai hình thức mà trong ngôn ngữ hàng ngày chúng ta thường lẫn lộn với nhau: hình thức cộng đồng và hình thức hiệp hội (tôi tạm dịch 2 chữ *communauté* và *société*). Jacques Maritain đã định nghĩa minh bạch hai hình thức đó. Tôi xin tóm tắt ý kiến của ông như sau: Hai ý niệm cộng đồng và hiệp hội tuy rất gần nhau nhưng vẫn khác biệt, Cộng đồng gần bản tính thiên nhiên và đời sống thực tế

và tình cảm của con người hơn, hiệp hội dựa vào lý trí và khả năng tinh thần của con người nhiều hơn. Một hội nhà văn hay nhà khoa học, một hội thể dục hay một chính đảng, một hãng buôn, một xí nghiệp là những nhóm người có hiệp hội tinh vì một số cá nhân đã đồng lòng hợp lại để theo đuổi một mục đích nhất định và những phương tiện mà các hội viên đã thỏa thuận trước khi nhập hội. Trong một cộng đồng, mục tiêu là một sự kiện có sẵn trước những quyết định của trí tuệ và ý chí. Trong một cộng đồng đã sẵn có một cơ cấu tâm lý tiềm tàng gồm những mối tình cảm và những tập quán chung. Trong một hiệp hội, những yếu tố khách quan và hợp lý có một vai trò chủ chốt và quyết định. Cộng đồng đã tạo thành do bản năng và di truyền trong những trường hợp và một khuôn khổ lịch sử nhất định; hiệp hội xuất phát từ lý trí và nghị lực luân lý (1). Những người cùng sống trong một địa phương, trong một chủng tộc, cùng dùng một ngôn ngữ, cùng ở trong một giai cấp xã hội, tự nhiên hợp thành những cộng đồng.

Trong thế giới hiện đại, quốc gia (nation) là một cộng đồng đầy đủ, phong phú, phức tạp và có trình độ cao nhất. Đời sống quốc gia bắt đầu khi một nhóm người sống trên một lãnh thổ và có một lịch sử chung nhận thức được rằng họ có một bối cảnh tâm lý, những quyền lợi và những nguyện vọng chung. Một quốc gia là một cộng đồng của những con người biết được rằng lịch sử đã gây cho họ một đời sống chung, làm cho họ thiết tha với kho tàng dĩ vãng và ôm ấp một mơ hoài bão và ước mơ.

Khi một dân tộc có ý thức quốc gia và đặt nền móng cho một cơ cấu chính trị để quản trị quốc gia; thì họ lập thành một hiệp hội chính trị (*société politique*). Cộng đồng

(1) JACQUES MARITAIN: *L'homme et l'état*, Presses Universitaires de France, 1953, tr. 2-3.

quốc gia và hiệp hội chính trị liên lạc mật thiết với nhau vì cũng những con người đó sống trong hai hình thức hợp quần, nhưng ở hai bình diện khác nhau. Trong cộng đồng quốc gia, con người sống một đời sống tự nhiên, trong hiệp hội chính trị những con người cùng nhau tạo ra những cơ quan để bảo vệ và khuyến xung những quyền lợi quốc gia. Toàn thể những cơ quan đó là nhà nước (état). Nhà nước là một phần của hiệp hội chính trị và được hiệp hội chính trị giao phó trọng trách cai trị quốc gia.

Vì vậy tác dụng của nhà nước là phụng sự cộng đồng quốc gia, do đó phụng sự con người trong cộng đồng quốc gia. Nhà nước chỉ có quyền hành do cộng đồng quốc gia giao phó qua hình thức của hiệp hội chính trị và phải hoàn toàn tôn trọng tự do con người ngoại trừ những trường hợp vi phạm công bằng, làm thiệt hại đến đời sống hay quyền lợi của kẻ khác, phá rối cuộc trị an.

Nhà nước còn có bổn phận thực hiện những điều kiện để cho cộng đồng quốc gia được phồn thịnh, phong phú về mọi mặt và con người toàn diện được nảy nở.

Một nhà nước hợp với tự do con người nhất phải là dưới một chế độ dân chủ chân chính. Dân chủ thực sự trọng nội dung hơn hình thức. Nữ Hoàng Anh là Quốc trưởng của một nước dân chủ. Thủ tướng Hitler của cộng hòa Đức quốc từ 1932 đến 1945 là một nhà độc tài chuyên chế dùng một chính đảng và một chủng tộc để thống trị dân tộc các nước Cộng hòa theo kiểu Sô viết lợi dụng một giai cấp xã hội để thực hiện một chế độ độc tài. Chỉ có một chính thể dân chủ chân chính mới hợp với tình trạng các quốc gia trong thế giới ngày nay, đó là chính thể được định nghĩa theo câu nói trứ danh của ABRAHAM LINCOLN: « Chính phủ của dân, bởi dân, vì dân ». Trong một nước dân chủ thực sự cần có tiếng nói của đối lập vì thiểu số có thể soi sáng được đa số.

Trong những vấn đề tế nhị hay phức tạp nhiều khi thiểu số thấy rõ hơn đa số. Và lại theo nguyên tắc dân chủ, những chính đảng bị thiểu số cũng có quyền bày tỏ công khai ý kiến của mình và chỉ trích chính phủ nếu cần.

Trong mọi lãnh vực của đời sống quốc gia, nhà nước phải áp dụng một chính sách đa tính (Politique pluraliste), khuyến khích những sáng kiến cá nhân, giúp đỡ những nhóm người thành lập những công ty, hiệp hội để tránh độc quyền của nhà nước. Một trong những khuyết điểm trầm trọng của chế độ cộng sản là tư bản hoàn toàn vào tay nhà nước. Kinh nghiệm đã chứng minh rằng khi làm việc vì quyền lợi của mình hay của một nhóm trong đó mình có dự phần thì người ta hăng hái và tận tụy hơn là khi làm việc như một công chức, và như thế lợi tức được nhiều hơn và cần lao còn đem lại một niềm vui và hy vọng, trong lúc đó các tổ chức công quân, muốn được lợi tức nhiều phải dùng một kỷ luật thép như ở các nước Cộng sản và biến con người thành một guồng máy trong bộ máy khổng lồ của nhà nước hay một con vật sản xuất. Một chính sách đa tính vừa làm quốc gia được phồn thịnh vừa trọng tự do của từng nhóm hay của cá nhân, và đồng thời sinh hoạt quốc gia được sống động, có nhiều sắc thái, người dân được đặt trong một khung cảnh xã hội văn hóa, kinh tế dồi dào, trong đó họ sử dụng tự do để lựa chọn những sản phẩm, những nghề nghiệp ưa thích.

Trên đây chúng ta bàn một cách khái quát đến trọng trách của nhà nước, dụng cụ của ý chí chính trị, của cộng đồng quốc gia để phụng sự con người. Nhìn về tình hình Việt



nam hiện tại, chúng ta phải thấy cộng đồng quốc gia bị cái đòi hỏi của chủ nghĩa và một chế độ mà những người quốc gia chân chính không thể chấp nhận, tôi muốn nói chủ nghĩa và chế độ cộng sản, vì chúng chà đạp con người Việt nam với bản tính của con người muốn thuở nhưng đã hun đúc bởi mấy ngàn năm lịch sử văn hóa, với bao nhiêu tín ngưỡng, tập quán, với những nếp sống và tâm lý đặc biệt của dân tộc ta. Và ở đây, cũng vì muốn bảo vệ tự do và giá trị của con người nên có những người không thể dung nạp được chính sách và lối tranh đấu của cộng sản.

Nhưng cuộc tranh đấu chống Cộng chỉ có ý nghĩa nếu ở miền Nam Việt nam chúng ta có hy vọng một ngày không xa lắm chúng ta tìm lại được một cộng đồng quốc gia theo ý nghĩa đầy đủ của nó, nghĩa là một cộng đồng quốc gia trong đó con người Việt có thể tự do nảy nở theo những chiều hướng của nó, một cộng đồng trong đó những nhu cầu và nguyện vọng xứng đáng của chúng ta được thực hiện ít nhất là một phần nào.

Những nhu cầu về thể xác: ăn đủ no, mặc đủ ấm, làm việc vừa sức, không đến nỗi qua nhọc nhằn để có đủ thời giờ suy tư, sống đời sống gia đình tham gia vào công việc làng mạc. Ngạn ngữ ta có câu: « Có thực mới vực được đạo. » Khi người ta lâm vào cảnh khốn cùng, đầu tắt mặt tối vì miếng cơm manh áo, thì đừng nói đến quốc gia xã hội. Sự cơ cực làm mất hết liêm sỉ, nhiều khi bắt buộc phải sinh nhai với những nghề bất lương, con người mất hết phẩm giá, không còn có tự do nữa, vì gia cảnh túng bấn không cho họ đủ điều kiện vật chất để lựa chọn giữa phải trái.

Những nhu cầu vật chất được gắn liền với nguyện vọng công bình xã hội. Ở nước ta, không những các giai cấp xã hội qua cách biệt nhau, mà giai cấp cần lao lại quá kham khổ và không đủ miếng ăn. Ở các nước tiền tiến, tình hình xã

hội cũng chẳng lấy gì làm hoàn hảo, nhưng ít nhất những người thợ thuyền có một đời sống vật chất có thể gọi là đầy đủ. Ở Âu châu, một người thợ chuyên môn có thể mua góp một căn nhà gồm hai ba phòng, có thể mua xe hơi đi làm việc và trong nhà có máy vô tuyến truyền thanh, truyền hình. Ở nước ta một người công chức cao cấp nếu làm ăn lương thiện chưa chắc đạt đến mức sống đó. Hiện nay, với giá sinh hoạt lên vùn vụt, đã bắt đầu hình thành một hạng vô sản mới là đa số công chức. Chắc quý vị còn nhớ vụ một công chức buổi tối phải chờ khách trên xe gắn máy bị xe hơi cán. Các báo cũng có đăng tin nghiệp đoàn cyclo tại Nha trang kiện một giáo chức hành nghề bất hợp pháp bằng cách đạp cyclo buổi tối để kiếm thêm tiền, Còn nói gì đến những người không có lương bổng chắc chắn, tay làm hàm nhai ở thôn quê cũng như ở thành thị. Hiện nay tại các đô thị lớn có nhiều ngoại kiều trú ngụ, nhiều người đạp cyclo, lái taxi hay làm bồi kiếm được khá nhiều tiền, những chiến đấu viên tại các Bar cũng thế. Sự phồn thịnh đó chỉ là giả tạo và nhất thời. Riêng về trường hợp của một số người tôi vừa kể trên thì họ đã từ bỏ phẩm giá con người. Một mặt khác, tệ đoan tham nhũng càng ngày càng trầm trọng. Xã hội ta đang đi đến chỗ thoái hóa đến cực điểm, cần một sự cải tạo mạnh mẽ, cộng đồng quốc gia đang tan rã vì những đức tính cần thiết để gắn bó những con người trong xã hội gần như không còn nữa, và giá trị con người hình như chỉ là một kỷ niệm.

Về mặt giáo dục văn hóa cũng khó lòng mà lạc quan hơn. Kiểu học từ chương, trọng mảnh bằng hơn là sự hiểu biết thực sự, tuy bị chỉ trích nhưng vẫn tồn tại ngay, ở Đại học tinh thần sưu tầm nghiên cứu thật là hiếm hoi. Thế hệ đang lên phần đông mất tin cậy vào thế hệ đáng

lẽ phải diu dặt họ. Một hệ thống giáo dục lỗi thời mà từ mấy năm nay ai ai cũng chỉ trích nhưng không biết khi nào mới bắt đầu cải tổ. Nhưng trước khi cải tổ giáo dục, phải tìm một đường lối giáo dục không những để đào tạo những kỹ sư, những bác sĩ, những luật sư, những dược sĩ, v.v... mà còn đào tạo những con người biết đạo làm người thì nhiên hậu sự chuyên môn của họ mới ích quốc lợi dân và giúp cho họ tiến tới mãi mãi trong nghề nghiệp, trong công việc tiếp xúc hay cộng tác với những đồng nghiệp cũng như giúp cho chính họ có một đời sống bên trong càng ngày càng phong phú. Cổ nhiên trong một nước chậm tiến như nước ta, chuyên nghiệp, kỹ thuật và khoa học phải là những môn ưu tiên, và phải đánh đổ thành kiến trọng chữ khinh nghề. Nước chúng ta cần phải được kỹ nghệ hóa để thoát khỏi vòng chậm tiến. Nếu chúng ta biết dùng những khám phá mới mẻ của khoa học thì sẽ tạo những điều kiện đặc biệt cho con người này nở thêm lên. Máy móc thay vào nhân lực sẽ dễ cho giới lao động có nhiều thì giờ nghỉ ngơi, giải trí lành mạnh, trau dồi văn hóa, hiểu biết chính trị và giúp ích nhiều trong con đường đi đến dân chủ. Ở các nước tiên tiến, sự tiến triển của cơ giới, sự tự động hóa cơ giới (automation), sẽ trong một ngày không xa lắm hoàn toàn thay thế sức lực của bắp thịt và lúc đó người thợ sẽ chỉ dùng trí thông minh để điều khiển máy móc. Lúc đó con người sẽ làm việc theo khả năng đặc biệt của con người là làm việc với trí thông minh mà thôi. Thời kỳ mà người ta than thở rằng người thợ trong một xí nghiệp làm việc như cái máy và vì thế càng ngày càng mất nhân tính, sắp chấm dứt ở các nước tiên tiến. Ở nước ta thì phải chờ một thời gian khá lâu, nhưng nếu chúng ta có một chương trình giáo dục về khoa học và kỹ thuật, chịu dành một ngân sách xứng đáng (về việc

nghiên cứu khoa học tại nước nhà, có một chương trình đào tạo giáo sư và gửi sinh viên du học, thì việc sử dụng cơ giới để thay thế hoàn toàn nhân lực không phải là một mơ ước quá xa xăm.

Nhưng trong lúc hướng về khoa học, chúng ta cũng không nên quên rằng nhân văn cũng không kém phần quan trọng. Nhân-văn thật ra không trọng chữ, từ chương, nhưng đặt trọng tâm vào nội dung, phương pháp nghiên cứu và cách vận dụng tư tưởng. Khoa học và nhân văn là hai thái cực của hiểu biết, phải giữ thế quân bình và bất giằng liên lạc giữa hai thái cực đó thì mới có thể xây dựng một nền văn hóa phong phú. Khoa học và tư tưởng nếu mỗi bên đi sâu vào con đường của mình thì sẽ gặp nhau. Một PASCAL, một TEILHARD DE CHARDIN, và gần đây một OPPENHEIMER chứng minh điều đó. Những tiến bộ của sinh vật học đã cho ta biết rằng bộ não của người là bộ phận của tự do. Tôi xin dẫn sau đây một đoạn văn của một nhà sinh vật học, B.S PAUL CHAUCHARD : « một cách khách quan, sự phức tạp hóa của bộ óc con người đã làm nảy nở ra ý thức suy nghĩ, nghĩa là năng khiếu phán đoán và tự chủ. Nói tóm lại, bộ não của con người đã là cơ quan của tự do » (Objectivement, la complexification cérébrale humaine a permis l'apparition de la conscience réfléchie c'est à dire l'aptitude au jugement, à la maîtrise. En un mot, le cerveau humain apparaît normalement comme l'organe de la liberté » ) (Humanisme et la science, 1960 tr. 92-93)

Dân tộc ta có một truyền thống văn-hóa đẹp đẽ và có tinh cách nhân-bản đã được kết tinh trong những văn phẩm tuyệt tác mà thế giới đã bắt đầu biết và men phục. Đó là một di sản tinh-thần cần được bảo vệ và phát huy theo đà tiến triển của văn-hóa nhân loại. Nhưng một mặt khác, nếu chúng ta không quan-niệm văn-minh khoa-học và kỹ thuật theo tầm quan-trọng của nó trong thế-giới ngày nay, thì nước ta sẽ phải



luôn luôn ở trong tình-trạng chậm - tiến. Khi nào chúng ta có đủ những nhà khoa học và kỹ thuật tài giỏi dùng khoa học để biết thêm về con người và phụng sự con người, những nhà tư tưởng thâm thúy đào sâu thêm những bí hiểm của con người thì chúng ta sẽ có một nền văn-hóa thăng bằng, đầy đủ, một nền văn hóa nhân bản thực sự hợp với thời đại. Và cộng đồng quốc gia sẽ hưởng thụ gia tài quý báu đó và cũng mở mặt với năm châu. Dù rằng giáo-dục cần phải đáp ứng những nhu cầu cấp bách của nước nhà, những nhà giáo dục đừng quên rằng các con em không thể chỉ được xem như những dụng cụ cho một tương lai nào đó của xứ sở. Họ là những người, những con người đang lớn lên. Phải giúp cho họ tìm thấy họ, chúng ta đừng thay thế họ để lựa chọn họ cho họ, chúng ta chỉ hướng dẫn để họ khỏi sai đường. Phải để đặt khi giúp họ lựa chọn ngành học. Năng khiếu và chỉ hướng của con người không thể nào đo lường một cách máy móc được, và nhất là không nên bắt buộc thanh thiếu niên học những môn dù là lợi ích tức thời đối với cá nhân, gia đình hay quốc gia, nhưng trái với nguyện vọng của họ. Tôi nghĩ đến một sinh viên mà tôi được biết, muốn xuất dương học âm nhạc nhưng phải ghi tên học kinh tế để được phép du học. Mỹ thuật cũng là một ngành quan trọng của văn hóa, cái đẹp cũng là một xu hướng căn bản của con người. Không ai chối cãi rằng hiện nay nước ta cần nhiều kỹ sư, bác sĩ, họa sĩ và nhạc sĩ, nhưng nếu chờ ngày nào chúng ta đủ chuyên môn kỹ thuật mới cho người đi học mỹ thuật thì biết bao nhiêu tài năng bị mai một vì một chính sách giáo dục quá trọng về hiệu lực thiết thực đối với quốc gia mà xem nhẹ giá trị con người.

★

Cộng đồng quốc gia không phải là một cái máy khổng lồ để xây dựng một nền kinh tế hùng hậu, cũng không phải là một hiệp hội lập ra với một mục đích nhất định do lý trí và thông minh quyết định. Cộng đồng gồm những con người cụ thể, với những nỗi yêu thương vui buồn luyện tiếc, những nguyện vọng riêng biệt, nghĩa là gồm những tiểu vũ trụ huyền bí sống động với đời sống thể xác và tâm linh nhưng gắn bó với nhau vì một gia tài lãnh thổ, kinh tế, lịch sử và tinh thần chung, vì một ý chí gìn giữ, khuyếch trương gia tài đó trong sự tôn trọng tự do, quyền lợi của mỗi người, an ninh trật tự chung và công bằng xã hội. Cộng đồng quốc gia phải phụng sự con người nhưng con người cũng phụng sự quốc gia bằng lương tâm nghề nghiệp, bằng tranh đấu cho quốc gia.

Một cộng đồng quốc gia tôn trọng con người là một cộng đồng mở rộng để hiểu biết cảm thông với những quốc gia khác. Dưới những sắc thái tập quán, tâm lý riêng biệt của một dân tộc còn có con người khái quát, con người muôn thuở vì vậy trong một cộng đồng có tính cách nhân bản không xảy ra sự kỳ thị chủng tộc, không có lòng ích kỷ quốc gia của những nước trong đó một chế độ độc tài chuyên chế cắt xén con người, chỉ tôn thờ một chủng tộc như Đức Quốc Xã hay một giai tầng xã hội như các nước cộng sản. Thuyết nhân bản nếu áp dụng được trong cộng đồng quốc gia sẽ là mầm mống cho một nền hòa bình chân chính và vĩnh cửu. Với điều kiện đó, cái mà người ta gọi là cộng đồng quốc tế mới có thể thực hiện được.

Nhưng đối với nước ta hiện nay, đó chỉ là một viễn ảnh. Việc cần kíp là tập trung tất cả niềm tin của dân tộc để xây dựng lại giang sơn. Trong tình thế đặc biệt khó khăn của nước nhà, nếu chúng ta gạt bỏ mọi đổ kỵ, mọi nghi ngờ, đề gắng tin nhau hầu xây dựng lại một cộng đồng quốc gia trong đó con người Việt có thể sống với những tự do cần thiết, thì

chúng ta vẫn còn hy-vọng. Ngày mai, nếu quốc dân ta được tự do chọn và biết chọn đúng những người đại-diện của mình thì may ra hòa bình chân chính có thể vẫn hồi được. Và với hòa bình, sự bảo đảm nhân phẩm và tự do của con người mới được thể hiện.

BUI XUAN BAO

Đã phát hành

CÁT LẦY

THANH - TÂM - TUYỀN

GIAO ĐIỂM xuất bản

## TRẦN VĂN TUYỀN

Quan niệm của người  
Quốc gia về Hòa Bình

**D**ƯỚI đây là những phần chính yếu của bài thuyết trình của L.S Trần văn Tuyền tại cuộc hội thảo tại Đà Lạt trong tháng 7 vừa qua. Bài thuyết trình của ông Tuyền gồm hai phần chính: Trình bày các dữ kiện và đi tìm một đường lối hòa bình.

Trong Phần thứ nhất tác giả phân tích ý nghĩa cuộc chiến tranh hiện tại, tìm hiểu thực tại của nó và nhắc lại những đề nghị hòa bình cho V.N cùng các lý do thất bại. Trong Phần thứ hai tác giả xác định một quan niệm hòa bình và nhìn trước những vấn đề mà hòa bình sẽ đặt ra cho miền Nam V.N. Chúng tôi trích đăng những đoạn đầu của hai phần là những đoạn quan trọng nhất bởi ở đây với tư cách của một người quốc gia có hoạt động tranh đấu, ông Tuyền đã kiểm điểm lại những thất bại của phong trào quốc gia từ trước đến nay đồng thời nêu xướng một quan niệm hòa bình — ông gọi là hòa bình cách mạng — có nhiều điểm phù hợp với quan niệm đã từng được trình bày trên VẤN ĐỀ số 4 trong bài NGHĨ VỀ CHIẾN TRANH và HÒA BÌNH của Nguyễn Trùng Kiềm.



## Ý NGHĨA CUỘC CHIẾN TRANH HIỆN TẠI : LỊCH SỬ CỦA 27 NĂM CHIẾN TRANH :

Tới nay chúng ta đã trải qua 27 năm chiến tranh, thực ra không phải là một cuộc chiến tranh duy nhất liên tục 27 năm. Thực ra chúng ta có 4 cuộc chiến tranh khác nhau; khác nhau về hình thức, bản chất, về chiến lược, chiến thuật nhưng tuy là 4 loại khác nhau mà vẫn là một, vì có những liên hệ nhân quả mật thiết.

1) Cuộc chiến tranh thứ nhất chỉ là một phần bộ của thế chiến thứ hai 1940-45

2) Cuộc chiến tranh Quốc-Cộng 1945-46

3) Cuộc chiến tranh kháng chiến chống Pháp 1945-1954

4) Cuộc chiến tranh Quốc-Cộng hiện nay 1959-1967

### 1) CUỘC CHIẾN TRANH THỨ NHẤT :

Về cuộc chiến tranh thứ nhất, tôi sẽ không nói nhiều vì dân tộc chúng ta chỉ là một nạn nhân hay chỉ tham gia một phần nhỏ và cũng là bất đắc dĩ. Tôi chỉ có một nhận xét về sự cộng tác của một số người cách mạng chánh trị quốc gia cộng tác với Nhật như các ông Dương Bá Trạc, Trần Trọng Kim và chánh phủ của ông, các đoàn thể như Đại Việt Quốc Gia Liên Minh, Đại Việt Quốc Xã, Thanh Niên Ái Quốc, Phục Quốc Đồng Minh Hội, Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên. Những người, những đoàn thể « quốc gia » ấy đã bị thất vọng vì họ đặt quá nhiều hi vọng ở người Nhật. Họ thất bại trong việc vận động đề đòi độc lập, thống nhất V.N. Vì họ cộng tác với người Nhật mà không làm được gì mà trái lại chỉ phụng sự quyền lợi của

người Nhật cho nên quốc dân nghi ngờ lòng ái quốc của họ, miệt thị họ, oán giận họ, rồi hướng theo một phong trào Cộng sản : Mặt trận « Việt Nam Độc lập Đồng Minh » (Việt Minh). Đến khi Nhật bại trận, những người quốc gia cộng tác với Nhật mang nặng cái mặc cảm « người của kẻ chiến bại » mà tự ý nhường lại vai trò lãnh đạo dân tộc cho Cộng Sản, tuy không đồng đảo, nhưng khôn khéo hơn, may mắn hơn vì họ có liên lạc với đồng minh như Trung Hoa, Hoa Kỳ. Do đó mà Việt Minh lên cầm quyền vào mùa thu 1945 và sự suy đồi uy tín, thế lực của người Q.G bắt nguồn từ đó.

### 2) CUỘC CHIẾN TRANH THỨ HAI :

Bản chất cuộc chiến tranh này là bản chất một cuộc nội chiến giữa các đảng Cộng Sản và Quốc Gia. Cộng Sản nắm được chánh quyền rồi, họ tìm cách tiêu diệt những người quốc gia.

Ở Bắc, các lãnh tụ quốc gia, phần thì đứng vào hàng ngũ thua trận nên phải lẩn tránh; phần thì lưu vong nước ngoài chưa về cho nên Cộng Sản cũng cố được cơ sở và quyền bính. Họ khủng bố các đảng viên Quốc Xã, V.N Quốc Dân Đảng, Đại Việt. Một số bị bỏ ngục, một số bị giết, một số khác cố thủ một vài địa điểm như Vĩnh Yên, Bắc Giang, Hải Ninh chống lại chánh phủ Hồ Chí Minh. Mãi tới cuối năm 1945, khi các lãnh tụ lưu vong trở về, hàng ngũ Q.G chống Cộng mới khá vững chắc và mở rộng được khu vực ảnh hưởng Cộng Sản và Quốc Gia bắt đầu cuộc xung đột vũ trang từ đó.

Ở Nam Bộ, ngay từ đầu cuộc kháng chiến (tháng 9/1945), Cộng Sản đã xung đột với các nhóm Đề tứ, các đoàn thể quốc gia. Lợi dụng cuộc lộn xộn do Pháp gây ra, họ giết hại những lãnh tụ không đồng chánh kiến với họ như Hồ

Văn Ngà, Phan Văn Hàm, Huỳnh Văn Phương... giết hại người Cao Đài, Hòa Hảo.

Một số đông người quốc gia kháng chiến (Cao Đài, Hòa Hảo, Đệ Nhị, Đệ Tam sư đoàn) đã rời bỏ hàng ngũ kháng chiến vì sự tàn bạo của Cộng Sản để trở lại về cộng tác với người Pháp. Thêm lần nữa, những người quốc gia lại mất lập trường dân tộc, lại mất một chánh nghĩa.

Cũng trong thời kỳ đó (đầu năm 1946) trước sự đe dọa của người Pháp, các đảng phái quốc gia ở miền Bắc đã đạt quyền lợi dân tộc lên trên quyền lợi các đảng phái, gạt bỏ lợi hiềm, thù hận mà nhận đoàn kết với Cộng Sản để chống xâm lăng Pháp và thành lập một chánh phủ liên hiệp (tháng 3/1946).

Các lãnh tụ Quốc gia đã bị lừa. Chánh phủ liên hiệp lập ra để kháng chiến mà bỗng trở thành một chánh phủ đầu hàng Pháp, ký kết với Pháp tạm ước 6/3/1946 cho Pháp đề bộ lên Bắc Việt.

Cuộc thí nghiệm đoàn kết Quốc Cộng này đã đi tới sự tan rã trong hàng ngũ dân tộc và hàng ngũ Quốc gia, làm cho những người này mất lập trường chống Pháp, lập trường cố hữu từ trước ngày khởi nghĩa Yên Bái.

Cộng Sản dựa vào Pháp để tiêu diệt những người G.G. ở rải rác khắp nơi. Máu đã đổ ở Hà Nội, ở Hải Phòng, ở Hải Ninh, Đập Cầu, Việt Trì, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Yên Bái, Hưng Yên, Hải Dương. Hàng vạn người bị giết hay bắt giam vào những trại tập trung. Các lãnh tụ đảng phái Q.G. lưu vong sang Trung Hoa.

Các đảng phái đối lập bị tiêu diệt, rồi khi Cộng Sản phá liệt với người Pháp, ngày 19 - 12 - 1946, họ dĩ nhiên và đương nhiên ở vào vị trí lãnh đạo quốc gia kháng chiến.

### 3) CUỘC CHIẾN TRANH THỦ BA :

#### KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

Thực ra, khi đó cuộc kháng chiến này vẫn tiếp diễn ở Bộ kể từ tháng 9-1945. Trong khi nhân dân Miền Nam chống Pháp thì Cộng sản đã phản bội thỏa hiệp với Pháp ở Bắc. Tình cảnh những người quốc gia lúc này thực là bi đát. Trên kia tôi đã nói tới việc các đoàn thể quốc gia như Cao Đài, Hòa Hảo bị bỏ buộc phải bỏ hàng ngũ kháng chiến về cộng tác với Pháp. Những người quốc gia khác thì chia hai phái : một số tranh đấu trong hàng ngũ kháng chiến, số bất đắc dĩ sống trong khu vực người Pháp vì họ hiểu lòng thề nào sống với Cộng sản. Số người này có người ở Pháp, có người thân kháng chiến, có người trầm mền... với Pháp lại dùng mọi thủ đoạn để mua chuộc, chia rẽ đồng người sống trong vùng họ. Sự chia rẽ trầm trọng trong hàng ngũ quốc gia bắt nguồn từ đó.

Ngoài những người quốc gia kể trên, còn có một số người khác tưởng có thể dựa vào thể chánh trị quốc tế cao trào giải phóng các dân tộc bị trị để tranh thủ độc lập bằng cách dùng phương pháp chánh trị, ngoại giao. Do đó họ thành hình giải pháp chánh trị gọi là « giải pháp quốc gia », thực hiện sau khi cựu Hoàng Bảo Đại ký kết với Pháp hiệp định Elysée (tháng 3-1949).

Giải pháp này đã thất bại vì hàng ngũ quốc gia chia rẽ ; thái độ ngoan cố của người Pháp. Và cái gọi là « chính quyền quốc gia » lập ra từ 1949, đối nhân dân chỉ là một chính phủ bù nhìn trong tay Pháp và độc lập kiểu Pháp cũng như độc lập kiểu Nhật, chỉ là một độc lập nửa vời không làm thỏa mãn nguyện vọng của nhân dân.

Pháp thất trận, phải ký với Cộng sản hiệp định Genève 1954 chia V.N. thành hai miền hành chánh và hứa với chánh



phủ Hồ Chí Minh sẽ giải quyết các vấn đề chánh trị trong một cuộc Tổng tuyển cử để thống nhất hai miền vào năm 1956. Nhưng chánh quyền quốc gia đã thoát ly được ảnh hưởng của Pháp, buộc Pháp phải rút lui, và do đó chế độ chánh trị quốc gia của chúng ta đã trưởng thành và lần lần thành một quốc gia độc lập thật sự.

Chánh phủ của tổng thống Ngô Đình Diệm đã có công xây dựng nền tảng của nhà nước V.N. Nhưng trong chánh sách gây lại uy tín, quyền hành cho nhà nước, chánh phủ đã gặp nhiều khó khăn nhất là đối với các giáo phái. Tuy uy quyền nhà nước đã thống nhất trên bề mặt nhưng chánh sách đã gây thêm những cuộc phân tán trong quốc dân. Một người bất mãn (Cao Đài, Hòa Hảo, Việt Nam quốc dân Đại Việt) đã vũ trang chống lại chánh quyền. Cộng sản cũng lợi dụng cơ hội tổ chức các cuộc phá hoại. Theo hiệp định ngưng chiến, quân đội kháng chiến phải tập kết ra Bắc. Nhưng trước khi rút đi, Cộng Sản đã để lại một phần lớn lực lượng trung kiên, cán bộ Cộng sản lui vào bí mật, tổ chức thành một hệ thống nằm vùng vững chắc. Họ vẫn giữ ở những mật khu, chiến khu làm nơi huấn luyện cán bộ, cất giấu rất nhiều vũ khí, đạn dược, tiền bạc. Phong trào phá hoại của họ mỗi ngày một lớn.

#### 4) CUỘC CHIẾN TRANH THÙ TỬ : CHIẾN TRANH QUỐC-CỘNG.

Sau năm 1956, thấy không còn hi vọng thống nhất đường lối tổng tuyển cử, một mặt cộng sản thúc đẩy phong trào chống đối chánh phủ ; giúp đỡ họ về mặt vũ tiền bạc, cán bộ, huấn luyện, tổ chức họ thành một lực lượng đại qui mô ; một mặt Cộng sản tích thân hoạt động. Một

là những việc ám sát, khủng bố các viên chức của chánh phủ, rồi lần lần tới cuộc chiến tranh du kích. Họ tăng cường phong trào khủng bố, chiến tranh du kích bằng cách giữ những tù đã được tập kết ra Bắc sau khi được huấn luyện kỹ g trở về miền Nam. Năm 1960, họ thành lập Mặt trận Giải Phóng Miền Nam để làm binh phong cho cuộc chiến tranh giành đảo của họ.

Chánh phủ V.N Cộng Hòa phải kêu gọi sự giúp đỡ của nước bạn, nhất là Hoa Kỳ (tới bây giờ chỉ giúp V.N. tiền bạc, vũ khí). Từ năm 1965, tình hình trở nên ác liệt đến nỗi quân Hoa Kỳ phải trực tiếp tham chiến và phải áp dụng chiến lược leo thang chiến tranh : gửi bộ binh qua Nam Việt Nam đánh các căn cứ của Cộng Sản.

Qua những trang lịch sử đầy huyết lệ, đầy kinh nghiệm, có hai nhận định :

**NHẬN ĐỊNH 1 :** Cuộc chiến tranh bắt nguồn từ một mâu thuẫn.

a) trước hết là mâu thuẫn giữa người Quốc gia và người Cộng sản về quan niệm dân sinh, về quan niệm chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa.

b) Mâu thuẫn trong hàng ngũ người quốc gia ; mâu thuẫn hay ít ra là cách biệt, giữa người cầm quyền và dân ; mâu thuẫn giữa những nguyện vọng của nhân dân : đói, công bằng, dân chủ, và tình trạng thực tế.

c) Mâu thuẫn giữa hai khối quốc tế Cộng sản và Tự Do, cho Hoa Kỳ, Liên Xô, Trung Cộng đương nhiên phải ủng hộ đồng minh của phe họ. Hoa Kỳ và khối Tự Do giúp Miền Nam Việt Nam ; Trung Cộng, Liên Xô và các nước cộng sản giúp đỡ miền Bắc.

d) Mâu thuẫn giữa những quyết định của các nước tại nghị Genève năm 1954 : lập Hòa bình mà không định rõ : căn bản Hòa bình và điều kiện bảo vệ hòa bình.

## MUỐN GIẢI QUYẾT CHÍNH TRỊ ĐỂ LẬP LẠI HÒA BÌNH THÌ PHẢI TIÊU DIỆT TẤT CẢ NHỮNG MẪU THUẦN ĐÓ.

**NHẬN ĐỊNH 2 :** Bài học 27 năm qua là một bài học quý giá.

a) Phải quốc gia chúng ta vì uơon hèn, vì thiếu nghị xết, vì khí khái sảng, vì thiếu tổ chức, thiếu chuẩn bị nên đã để cho Cộng sản cướp được chánh quyền và cướp lại cả chánh nghĩa (giải phóng dân tộc, cách mạng xã hội).

b) Chánh quyền quốc gia không có uy tín đối với nhĩ dân vì phải dựa vào uy thế ngoại quốc mà sống và không làm thế mãi được những nguyện vọng của nhân dân.

c) Đảng phái, tri thức thuộc phe quốc gia không là tròn vai trò lịch sử của mình, vì đã không biết tổ chức nhĩ dân, không có đường lối thích ứng, không có phương phi đấu tranh hữu hiệu, không chịu tham gia việc nước.

*Tôi không trách ai,*

*Tôi không ăn hận,*

*Tôi muốn chúng ta nhớ những bài học ấy để tự bổ tự sửa.*

## BẢN CHẤT CHIẾN TRANH :

Cuộc chiến tranh ở V.N. là một cuộc chiến tranh quái lạ :

— là một cuộc huynh đệ tương tàn mà lại có bản chất của một cuộc chiến tranh giữa hai quốc gia (nhà nước riêng biệt.

— là một cuộc chiến tranh giữa người V.N. và người V.N. mà có tính cách quốc tế, cả thế giới tham dự, kẻ giúp

Việt-Nam Cộng-Hòa, kẻ giúp Cộng Sản, kẻ dùng trung gian dàn xếp.

— là một cuộc chiến tranh trong đó những vũ khí cõ kinh, bàn chông, tên độc được sử dụng chống với những vũ khí tối tân có những tên kỳ lạ : « mìn răn », « chó lười »,

— Có người bảo đây là cuộc chiến tranh xâm lược do Bắc Việt gây ra và dùng Mặt Trận Giải Phóng làm công cụ, do Cộng Sản Bắc Kinh thúc đẩy, giúp đỡ để thực hiện mộng chinh phục thế giới.

— Cộng Sản la lối đây là cuộc chiến tranh xâm lược của Hoa Kỳ. Cuộc chiến tranh « giải phóng » của họ là cuộc chiến tranh ái quốc, chống đế quốc và tay sai để thực hiện tự do, công bằng độc lập, dân chủ...

— Thực ra, bản chất của chiến tranh này rất phức tạp. Không thể nói đây là một cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ vì từ 1954 tới 1960 Hoa Kỳ chỉ giúp V.N. về mặt kinh tế, xã hội. Tới khi Cộng Sản bắt đầu tấn công đại quĩ mô (1960) thì số cố vấn Hoa kỳ mới chỉ tới 685 người. Số này tới tháng 11-1965 — khi Bắc Việt đã gởi trên 20.000 quân sĩ vào Nam — mới lên tới 16.500 người.

Vai trò của Hà Nội, Bắc Kinh cũng phải đặt cho đúng chỗ.

Trên kia tôi đã nói hồi năm 1954-55, trước khi tập kết ra Bắc, Cộng Sản đã tổ chức nằm vùng và đã giữ được những căn cứ để làm nơi xuất phát cuộc khuấy đảo của họ.

Tuy nhiên, việc xâm nhập của Bắc Việt chỉ bắt đầu bằng một số tương đối ít (từ năm 1955 tới năm 1960 : 20.000 người). Chỉ từ 1960 trở về sau việc xâm nhập mới trở nên quan trọng.

— Vai trò của Bắc Kinh cũng không nên phóng đại đến nỗi cho rằng Mặt Trận Giải Phóng bị Bắc Kinh chi phối hoàn toàn.

Ảnh hưởng của Bắc Kinh về lý thuyết và chiến lược, chiến thuật, ngoại giao, về việc cung cấp vũ khí lương thực có



quan trọng thực nhưng yếu tố đó không phải là yếu tố chính yếu trong sức mạnh của địch.

### VẬY THỰC TÁNH CUỘC CHIẾN TRANH NÀY LÀ GÌ ?

a) Hiển nhiên cuộc tranh chấp giữa hai miền Nam Bắc, bắt đầu là một cuộc nội chiến, đã vượt khỏi giới hạn một cuộc huynh đệ tương tàn mà thành ra một trong những cuộc chiến tranh nóng bỏng giữa hai thế giới Cộng Sản và Tự do: giữa một bên là Việt Nam Cộng Hòa và các đồng minh trong đó Hoa Kỳ là chính yếu, một bên là Việt Nam dân chủ Cộng Hòa, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam cùng các đồng minh của họ trong đó Liên Xô và Trung Cộng là hai phần tử quan trọng.

b) Cuộc chiến tranh này là do đảng Cộng Sản V.N. hoạch định, phát khởi, tổ chức, điều khiển, tiếp tế dưới một hình thức thông dụng của Cộng Sản : hình thức « Mặt Trận ».

Họ áp dụng một kỹ thuật cổ điển : mới đầu lập các ngoại vi tổ chức, Phụ Nữ giải phóng, Thanh Niên giải phóng, Công Nhân giải phóng v.v... do cán bộ Cộng Sản làm nòng cốt rồi kết hợp những tổ chức này thành một hệ thống vững chắc : Mặt Trận Giải Phóng, đặt dưới quyền chỉ phối của xứ bộ Đảng Lao Động (tức Cộng Sản) biến thành đảng Cách Mạng Nhân Dân.

c) Cuộc chiến tranh này chỉ là khía cạnh quân sự của một phong trào cách mạng rộng lớn mà Cộng Sản gây ra theo một chiến lược của Cộng Sản mệnh danh là Chiến tranh Khuyển Đảo, chiến tranh Nhân Dân.

Theo chiến lược mới này thì cách mạng không còn là đảo chánh hay bạo động để hủy phá những thể chế cũ. Cuộc khuyển đảo sẽ được thực hiện bằng cách huy động quần đại quần chúng để tiêu diệt những mâu thuẫn, bạo ngược, bất công xã hội, để xây dựng một xã hội mới.

Cộng Sản đã khôn khéo lợi dụng bất mãn của nhân dân, khai thác những lỗi lầm, thất bại, yếu ớt của chính quyền quốc gia mà lôi kéo nhân dân theo họ.

Không phải toàn thể nhân dân đã đi theo Cộng Sản như Cộng Sản thường khoe khoang. Chỉ có một số nhân dân đứng bên hàng ngũ Cộng sản :

1) Có người bị cưỡng ép mà theo Cộng Sản,

2) Có người bị cảm dỗ thực tình vì tánh chất cách mạng của tổ chức Cộng Sản (dân V.N. từ 100 năm nay vẫn thích tham gia những hoạt động bí mật chống chánh quyền); bị cảm dỗ vì tánh cách lãng mạn của các lý thuyết duy vật sử quan, đấu tranh giai cấp, duy vật biện chứng, mà tuyên truyền khéo léo của Cộng Sản đưa lên hàng « huyền thoại ».

3) Nhưng nguyên nhân chính làm cho người ta thân Cộng, theo Cộng, là vì người ta bất bình, phản uất đối với thực tế xã hội ; vì người ta thấy nguyện vọng chánh đáng bị miệt thị ; lòng ái quốc, hi sinh bị lợi dụng, lừa dối. Sau 80 năm bị đô hộ, bị nô lệ, bị áp bức, bị xiềng xích, bị hành hạ, bị bóc lột, người dân V.N. khao khát độc lập, thống nhất, khao khát tự do, dân chủ, khao khát công bằng, công lý.

Chế độ quốc gia tuy không áp bức, khe khát như chế độ độc tài Cộng Sản, nhưng ta phải nhận chân rằng độc lập của chúng ta còn có nghĩa là sống nhờ tiền bạc ngoại viện, sống nhờ sự giúp đỡ của quân đội ngoại quốc ; dân chủ, tự do của chúng ta chỉ là những hứa hẹn : công bằng, công lý mới chỉ là những nguyên tắc, những ý định, những tương hành vi toại.

4) Thêm vào đó, chúng ta phải kể những kỹ thuật tổ chức, tuyên truyền tinh vi, lợi hại của cộng sản trong quần đại quần chúng.

Nói tóm lại cuộc chiến tranh này tuy là một cuộc phá hoại có võ trang của Cộng sản, nhưng cũng có những lý do

âm lý (cuộc cách mạng chưa thành, đất nước chưa thống nhất để lại chia hai); lý do chánh trị (chánh sách lỗi lầm hay chống đường lối của những người ở chánh quyền); lý do xã hội (bất công, chênh lệch xã hội); lý do lý tưởng, chánh sách quốc tế (chiến tranh lạnh, nóng giữa hai ý thức hệ).

Tựu chung, cuộc chiến tranh quân sự chỉ là một khía cạnh, một giai đoạn của một cuộc tranh đấu cách mạng rộng rãi hơn, phức tạp, lâu dài hơn.

Chính vì chúng ta đã hiểu như vậy nên mới nói tới « cuộc chiến tranh thứ hai », « cuộc chiến tranh kia », và đã nhấn mạnh vào ý nghĩa cuộc cách mạng xã hội, cách mạng nông thôn, phát triển cách mạng. Tiếc rằng những cuộc cách mạng này, danh thì to mà thực chất thì mới chỉ là một bảo thai hay một cây nhỏ.

## ĐI TÌM MỘT ĐƯỜNG LỐI HÒA BÌNH

### I) QUAN NIỆM VỀ HÒA BÌNH

Như trên tôi đã nói, cuộc chiến tranh hiện tại chỉ là một khía cạnh của chiến tranh toàn diện, một cuộc chiến tranh cách mạng mà bản chất phức tạp vì bao trùm nhiều yếu tố :

a) yếu tố thứ nhất là chánh sách khuynh đảo của Cộng Sản để thôn tính Miền Nam rồi từ đó tràn qua miền Đông Nam Á và thế giới.

b) Cuộc chiến tranh cũng là cuộc tranh đấu và cuộc tranh đấu cho nguyện vọng chánh đáng của dân tộc : độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do và công bằng xã hội.

c) Một yếu tố khác là sự suy nhược về uy thế, tín nhiệm của chánh quyền đối với quần chúng nông thôn vì chánh quyền không bảo vệ được dân, không hướng dẫn dân, không thực hiện được nguyện vọng của dân.

d) Một yếu tố khác là sự can thiệp quốc tế để giúp đỡ hai bên.

Cuộc chiến tranh đã là cuộc chiến tranh cách mạng thì hòa bình của chúng ta cũng phải là một hòa bình cách mạng.

### THẾ NÀO LÀ MỘT HÒA BÌNH CÁCH MẠNG ?

1) Chiến tranh cách mạng của Cộng sản là một cuộc chiến tranh dựa vào yếu tố nhân dân thì hòa bình cách mạng cũng phải lấy yếu tố nhân dân làm cơ sở. Chiến tranh sẽ quyết định ở sự thu phục lòng dân. Ai được dân thì người đó sẽ thắng.

2) Mục tiêu cuộc chiến tranh cách mạng Cộng Sản là thực hiện những nguyện vọng chánh đáng của nhân dân. Mục tiêu của thuyết hòa bình cách mạng cũng phải là thực hiện những nguyện vọng chánh đáng của nhân dân.

Chiến tranh cách mạng cộng sản chủ trương tiêu diệt những mâu thuẫn bạo tàn và bất công, thì hòa bình cách mạng cũng phải cố gắng tiêu diệt những mâu thuẫn bạo tàn, bất công (còn đây rầy trong xã hội); những hệ thống tổ chức thối nát, lạc hậu để thỏa mãn nguyện vọng nhân dân bằng cách xây dựng một trật tự mới trong đó con người được tự do, được giải thoát khỏi mọi áp bức của chánh quyền, của đói rét... và có cơ hội phát triển tài năng nhân phẩm của mình.

3) Cuộc chiến tranh cách mạng của Cộng sản áp dụng một kỹ thuật tổ chức vận động quần chúng tinh vi lợi hại thì hòa bình cách mạng cũng phải áp dụng một kỹ thuật hữu hiệu trong việc tổ chức và vận động quần chúng, nhất là quần chúng nông thôn, cốt để huấn luyện quần chúng, giải trừ ảnh hưởng tuyên truyền của địch, đồng thời tổ chức



nhân dân tự vệ, tự cường.

4) Cuộc chiến tranh cách mạng của Cộng Sản ở V.N. là một cuộc cục bộ cuộc tranh chấp giữa hai khối Cộng sản và tự do. Chúng ta là một dân tộc yếu nhỏ cho nên hòa bình của chúng ta phải được cả hai khối bảo đảm thì mới hi vọng bền vững.

5) Ta đã thấy Cộng sản khôn khéo sử dụng chiêu bài Mặt Trận Giải phóng, khai thác ý thức dân tộc, khai thác tình cảnh đói rét, nghèo khổ, chênh lệch xã hội để gây ra căm thù, rồi tuyên truyền vận động, thúc đẩy tạo ra chiến tranh. Hòa bình cách mạng của chúng ta cũng phải là một cuộc hòa bình trong đó sự đói rét, nghèo khổ, bất công không còn đất sống.

6) Hòa bình của Cộng sản chỉ là một phương thức mới để tranh đấu, một trạng thái khác của chiến tranh vì mục tiêu cách mạng vẫn còn và họ vẫn cứ tiếp tục cuộc chiến tranh cách mạng. Hòa bình của Cộng sản như vậy thì hòa bình của chúng ta không thể là một thứ hòa bình « khi xem hoa nở khi chờ trăng lên » mà phải là một thứ hòa bình tranh đấu. Chiến lược của chúng ta đòi hỏi trước hết một cuộc cách mạng ngay trong tâm trạng của người quốc gia, diệt bỏ tinh thần cầu an, thụ hưởng, vọng ngoại, ích kỷ, vụ lợi. Chúng ta phải can đảm nhìn vào sự thật, nhận trách nhiệm, nhận lỗi lầm của chúng ta và chấp nhận ưu điểm của địch.

## NHỮNG VẤN ĐỀ SAU HÒA BÌNH

Sau khi chiến tranh chấm dứt rồi, chúng ta sẽ phải đương đầu với những khó khăn mới và lúc đó không phải là các đồng minh Hoa Kỳ, Úc, Hàn..., có thể giúp ta được như trong thời kỳ chiến tranh vì đó là những vấn đề nội bộ của

chúng ta. Chúng ta sẽ phải nghĩ tới chuyện chuyển tình trạng chiến tranh sang tình trạng hòa bình, băng bó các vết thương chiến tranh, chuyển kinh tế thời chiến sang kinh tế thời bình (việc này Giáo Sư Vũ Quốc Thúc đương nghiên cứu), bình thường hóa những sinh hoạt xã hội, tìm việc cho quân nhân giải ngũ, giải bán bar thất nghiệp... Chúng ta sẽ phải nghĩ tới việc thống hiệp những người, những thế chế của MTGPMN vào trong cộng đồng quốc gia. Việc này là một việc khó khăn, tế nhị và nguy hiểm vì cũng như 1954 Cộng Sản sẽ rút lui vào bí mật và sẽ chờ cơ hội thuận tiện để lại xuất đầu đầu tranh đấu bằng phương pháp hợp pháp hay bất hợp pháp. Ta không nên quên rằng một yếu tố sức mạnh của họ là kỹ thuật tổ chức nhân dân, và bên phía chúng ta những người quốc gia thì hàng ngũ rời rạc, vô kỷ luật, tổ chức rời rạc. Đó là một điều phải làm chúng ta suy nghĩ mà bỏ khuyết để kiện toàn hàng ngũ chúng ta.

Tôi không có tham vọng trong một bài thuyết trình giải bày đầy đủ tất cả khía cạnh của vấn đề hòa bình và cũng không có ảo tưởng trong một buổi hội thảo, chúng ta có thể thảo luận rộng rãi vấn đề, tôi không nói đến vấn đề giải quyết. Tất cả hoài vọng của tôi là đặt vấn đề một cách khách quan, với vài ba chỉ tiết để làm đề tài cho quý vị suy nghĩ và dự luận quốc dân thấy một phần nào những khúc mắc của vấn đề. Tôi cũng sẽ không đề cập tới một giải pháp cụ thể vì nó còn tùy thuộc những yếu tố thời gian, tâm lý, chánh trị, ngoại giao mà tôi không biết.

Tôi xin kết thúc bài thuyết trình bày bằng một vài cảm nghĩ đề xin quý vị duyệt chính nếu có lỗi lầm.

— Nói tới hòa bình tôi không khỏi nghĩ tới một hội

ngợi hòa bình tại Genève năm 1954, không khỏi nghĩ tới nỗi buồn tủi của một dân tộc nhược tiểu khi thấy các cường quốc họp nhau để quyết định vận mệnh của mình mà bất chấp đến sự hiện diện của mình.

— Tôi cũng nghĩ đến cách làm việc của chánh quyền quốc gia lúc bấy giờ: đi dự hội mà không chuẩn bị dự luận, không chuẩn bị hậu thuẫn nhân dân, không chương trình, đường lối?

— Tôi nghĩ tới tác phong những lãnh tụ quốc gia khi phải đối đầu tranh đấu với Cộng sản: trốn tránh trách nhiệm như chánh phủ Trần Trọng Kim, trao chánh quyền và chánh nghĩa cho Việt Minh vì khi khải sảng, hay ngày thơ liên kết với Cộng sản mà không đề phòng như khi các đảng phái quốc gia thành lập Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội hay lập chánh phủ liên hiệp với Cộng sản hồi tháng 3-1946 để rồi bàng vạ phần tử ưu tú nhất của đất nước bị hi sinh một cách oan uổng!

Tôi vẫn biết tình trạng V.N. Cộng Hòa 1967 không giống như V.N. 1945-1946 hay quốc gia V.N. 1954.

Chúng ta đã trưởng thành, trở nên một quốc gia độc lập. Vận mạng chúng ta sẽ do chúng ta — toàn dân — định đoạt mặc dầu chúng ta biết rằng vận mạng chúng ta chỉ là một con chốt trên bàn cờ quốc tế.

Chúng ta đã có một đám quần chúng khá giác ngộ vì đã sống trong 27 năm chiến tranh, đã trải qua bao nhiêu biến cố, kinh nghiệm chính trị. Chúng ta đã có một bộ máy nhà nước khá vững chắc, có một đạo quân đông đảo, vũ trang đầy đủ làm hậu thuẫn.

Và nay đây chúng ta đang xây dựng một hệ thống chính trị căn bản ở nhân dân.

Chúng ta cũng có những người bạn giàu mạnh, chân thành. Nhờ vậy, nỗi khó khăn của chúng ta đã đỡ một phần

nào. Nhưng đó chỉ là một phần nhỏ.

— Chúng ta muốn làm dân một nước độc lập, chúng ta muốn dân chủ, tự do thì chúng ta phải nhận lấy trách nhiệm, trách nhiệm trong chiến tranh cũng như trách nhiệm trong hòa bình.

— Chúng ta phải can đảm nhận lấy trách nhiệm đó, phải có sáng kiến, phải biết tổ chức, phải biết hy sinh, phải biết tranh đấu hữu hiệu.

— Chúng ta đã bước vào chiến tranh mà không chuẩn bị, không đường lối, không chánh sách! Nay ta muốn hòa bình, chúng ta hãy tự hỏi:

— Chúng ta muốn hòa bình nhưng chúng ta đã chuẩn bị hòa bình chưa?

— Các người lãnh tụ của chúng ta đã ý thức được nhiệm vụ của họ, ý thức được khó khăn của việc chưa?

— Chúng ta đã sắp đặt đội ngũ, nghiên cứu kế hoạch chiến lược, chiến thuật để tranh đấu trong hòa bình đối với Cộng Sản chưa?

— Trong việc tìm kiếm và xây dựng hòa bình, vấn đề thiết yếu số 1 của chúng ta là chuẩn bị tinh thần, kỹ thuật: hành động tích cực để hòa bình sớm gần lại.

— Để hòa bình không phải là một cuộc lừa bịp quốc tế vì có danh dự, uy tín lực lượng các cường quốc bảo đảm.

— Để hòa bình không phải là một giai đoạn chuẩn bị chiến tranh của cộng sản.

— Để hòa bình không phải là hòa bình của Hoa Kỳ, của Trung Cộng, của Liên Xô, của Cộng sản V.N. mà là hòa bình của chúng ta, của những người quốc gia V.N:



HÒA BÌNH TRONG TỰ DO, DÂN CHỦ, TRONG PHẠM  
GIÁ CON NGƯỜI, ĐỂ LÀM MÔI TRƯỜNG CHO SỰ NGHIỆP  
XÂY DỰNG MỘT XÃ HỘI MỚI, XÂY DỰNG TRÊN CÔNG BẰNG  
XÃ HỘI, TRÊN SỰ ĐOÀN KẾT, THỐNG NHẤT CỦA DÂN  
TỘC — NẾU CÓ THỀ ĐƯỢC, CỦA TOÀN THỂ DÂN TỘC.

TRẦN VĂN TUYỀN

Đã phát hành

## NGƯỜI GIẾT NGƯỜI

Lý hoàng Phong

Văn Xã xuất bản

## TỪ - KỂ - TƯỜNG

*Một đoạn trong cơn  
mưa ngắn*

Tôi vẽ bóng mặt trời  
Trên trang, dân tộc mới  
Hãy rút lớn hồi còi  
Báo tin và bước tới

Những người tận cõi xa  
Màu chiều lên phơi phơi

Chim lại hát vang cảnh  
Hoa tươi cùng búp nõn  
Người reo trong vườn xanh  
Trái sầu quay sức mơn

Tặng em và tặng em  
Trang ân tình màu nhiệm

Một tảng trời vỡ đó  
 Quanh ruộng mạ ngọt ngào  
 Rót êm đềm lời nhỏ  
 Mùa gặt hái trên cao

*Gửi K. H.*

Bây giờ là đầu tuần,  
 Trên con dốc có cây xanh  
 Anh nằm ngủ và nhớ  
 Lưỡi dao đeo xệ bên lưng em đã tặng  
 Nhân ngày sinh nhật mười lăm tuổi

Lưỡi dao em mua ở chợ bán đồ sắt  
 Như anh mua em ở chợ bán hoa  
 Cửa lão già suốt năm đầy bệnh tật  
 Những đóa hoa tươi đeo khoen  
 Cười cợt  
 Khi chúng ta mới nắm tay nhau

Bây giờ nó vẫn nằm trong bao da  
 Làm cho túi áo anh nặng trĩu  
 Lưỡi dao có những tua  
 Làm bằng nắng nhạt của mùa hè  
 Lúc em về biển nghỉ mát

Bây giờ anh có nó để nhớ em  
 Để vuốt ve chơi  
 Để đâm thử vào tim  
 Hay để ngậm trong miệng làm tằm xĩa răng  
 Sau mỗi giấc ngủ buồn bã vì thiếu vắng em  
 Cùng cánh thư đầu tuần mang về từ miền bắc cực

Một ngày thứ hai đầu tuần  
 Những con tem thoi thóp trên bao thư xanh  
 Anh viết tên em bằng nỗi nhớ mong

Ấp ủ

Vò vọng  
 Như một xác lá trôi bèo bồng trong tim

Một ngày thứ hai đầu tuần  
 Những chiếc xe đồ lúc lắc đi qua  
 Thân thể anh nổi gồ ghề như đường nhựa  
 Dưới thành phố chúng ta  
 Anh khô héo như bụi gió  
 Bay tròn trên thỉnh không bao la

Bây giờ anh có nó để thủ hặn em  
 Vì nỗi nhớ khao khát



Những con tem im lặng, nin thờ  
Và đầy chết  
Buổi chiều không mưa trên rừng cây

/

Em

Người yêu của tôi  
Bây giờ em ở xa xôi một chỗ nào miền bắc cực  
Giá rét  
Cô đơn  
Có nhớ những đóa hoa đeo khoen  
Và lưỡi dao uất ức  
Đang nằm trong túi áo anh  
Cùng bức thư chắc chắn phải cháy tan ở  
thời ợ

Tặng người chết

Mưa lãnh những hòn sỏi vào tim  
Ưa máu  
Tôi không còn anh vĩnh viễn không còn anh  
Nhưng mưa thì qua đi  
Tôi gọi  
Một lần sau cùng

Như tôi đã ném hòn đất, những hòn đất

Của quê hương đen  
Của lòng tôi bình thản  
Cùng sự nhớ thương nặng  
Xuống phần mộ người chết

Tôi không quyến rũ nổi anh  
Bằng nghĩa địa xanh  
Những đóa hoa mời đón  
Những trái cam ngọt sót của giấc ngủ  
Mùa thu  
Nàng thảo bâng hoàng như lá

Mưa buồn bã vì mưa vô tình  
Chàng đã vĩnh viễn bay xa  
Như mây xám  
Ôi cơn mưa trong nghĩa địa xanh  
Ngập tràn nỗi nhớ

Tôi muốn khóc vì tôi muốn cười  
Trong không khí yên  
Nào ai biết  
Nào ai biết chàng thi sĩ chết khô tim  
Vào một ngày giá rét.

TÙ KẾ TƯỜNG

# THẠCH CHƯƠNG

VẤN ĐỀ 6

## thơ dịch

*y sobre el ancla un estrella  
y sobre la estrella el viento  
y sobre el viento la vela!*

RAFAEL ALBERTI

### «SI MI VOZ MURIERA...»

*Si mi voz muriera en tierra,  
llevadla al nivel del mar  
y dejadla en la ribera.*

*Llevadla al nivel del mar  
y nombradla capitana  
de un blanco bajel de guerra.*

*¡ Oh mi voz condecorada  
con la insignia marinera :*

*sobre el corazón un ancla*

### «VỊ BẰNG TIẾNG NÓI TA CHẾT ĐI...»

Vị bằng tiếng nói ta chết đi trên trái đất,  
thì hãy mang nó ra ngoài biển  
và bỏ mặc nó trên bờ.

Hãy mang nó ra ngoài biển  
và phong nó làm thuyền trưởng  
một chiến thuyền màu trắng.

Ồ tiếng nói ta được tuyên dương  
bằng những huy chương thủy thủ :

trên trái tim một mỏ neo  
và trên mỏ neo một vì sao



và trên vì sao ngọn gió  
và trên ngọn gió cánh buồm!

RAFAEL ALBERTI

*y dejas mi deseo en una espada,  
como el toro burlado, como el toro.*

MIGUEL HERNÁNDEZ

« COMO EL TORO... »

*Como el toro he nacido para el luto  
y el dolor, como el toro estoy marcado  
por un hierro infernal en el costado  
y por varón en el ingle con un fruto.*

*Como el toro lo encuentro diminuto  
todo mi corazón desmesurado,  
y del rostro del beso enamorado,  
como el toro a tu amor se lo disputo.*

*Como el toro me crezco en el castigo,  
la lengua en corazón tengo banada  
y llevo al cuello un vendaval sonoro.*

*Como el toro te sigo y te persigo,*

« NHƯ CON BÒ RỪNG... »

Như con bò rừng anh ra đời dễ than van  
và đau khổ, như con bò rừng anh chịu mang  
bên sườn

một dấu sắt nung hỏa ngục  
và như giống dực anh mang trong háng một  
trái cây.

Như con bò rừng anh thấy vô cùng nhỏ bé  
tất cả trái tim anh vô lượng,  
và cùng khốn mặt tương tự một nụ hôn,  
như con bò rừng anh dấu dễ đoạt tình yêu em,

Như con bò rừng anh lớn lên trong rừng phạt,  
anh tầm lười trong tìm

và khoác trên cổ một ngọn gió tây vang dội.

Như con bò rừng anh rượt theo em và đuổi  
bắt em,  
và em treo dục vọng anh trên ngọn kiếm,  
như con bò rừng bị chế nhạo, như con bò rừng.

MIGUEL HERNÁNDEZ

### TESTIMONIOS

*Las ruinas de la luz y de las formas  
glorifican, Amor, tu densa sombra,  
la sombra en que se agolpan mis latidos,  
árbol vivo en relámpagos crecido,  
ante el rumor cofuso de los siglos.*

*Un dios, Amor, frenético y oscuro,  
un vivo dios sin nombre y sin palabras,  
mueve al silencio tenebroso in cantos,  
a mi lengua deshecha en alarido,  
al universo lento en una llama*

*que en su seno de fuego oculta a otra,  
insaciable, secreta y temerosa ;*

*por esa llama gimen ruisenores, y  
atraviesan la noche niños, formas,  
torbellinos de semen, llanto, gritos,  
hasta romper los bordes de la tierra  
su exasperada inundación de espuma,*

*por esa viva llama muere el mundo  
alzado en amorosos resplandores  
y las mujeres corren por la tierra,  
locos caballos en sedientos cauces,  
como negros corrientes de latidos,  
hasta envolver en su terrible aliento  
al inmóvil lucero de mi carne ;*

*por esa tibia llama rueda sangre,  
estalla una tormenta en mis oídos,  
enmudece mi lengua calcinada,  
corremos por un puente de latidos  
hasta tocar la muerte y el vacío ;*

*por esa oculta llama apago al mundo,*



*arraso lo que vive sin amarla,  
reconozco su forma entre las sombras  
y me hundo en su sangre, para siempre.*

OCTAVIO PAZ

## CHỪNG NGÔN

Những hoang tàn của ánh sáng và bóng hình  
ngồi ca bóng đen dày đặc của mi, hỡi Tình Yêu,  
bóng đen những hơi thở ta ủa tràn tới hồn hèn,  
loài cây sống lớn lên trong những tia chớp,  
trước tiếng ồn ào hỗn độn của chính nó,

Một vị thần, hỡi Tình Yêu, cuồng loạn và  
tối đen,  
một vị thần sống không tên và không lời,  
chuyển niềm im lặng đen tối thành bài ca,  
lưỡi bắt lực của ta thành tiếng hét,  
vũ trụ chậm tri thành ngọn lửa  
mà trong lồng ngực cuồng nộ nó còn dấu đi  
một ngọn lửa khác,

## VẤN ĐỀ 6

chưa nư đã, bí mật và kinh hoàng ;

chính bởi ngọn lửa này mà loài họa mi than van,  
chạy suốt trong đêm những con trẻ, bóng hình,  
những cơn lốc tinh trùng, giòng lệ và tiếng kêu la,  
cho đến khi bọt nước thành trận lụt thịnh nộ  
phá vỡ tung cỗi bờ trái đất ;

chính bởi ngọn lửa sống đó mà thế giới chết đi  
dâng lên cao trong những hào quang tinh yếu  
và những đàn bà chạy lang thang trên trái đất,  
những con ngựa cuồng trong những dòng nước  
khô,  
như những dòng suối đen tiếng tim đập,  
cho đến khi chúng phủ kín bằng hơi thở kinh  
hoàng

vì sao mai bất động là da thịt ta ;

chính bởi ngọn lửa ấm đó mà máu đỏ,  
một cơn bão tố vỡ vào tai ta,  
lưỡi ta đốt thành than căm nín,  
chúng ta chạy qua một chiếc cầu tim đập  
cho tới khi với tới sự chết và chân không ;

chính bởi ngọn lửa bí ẩn đó mà ta dập tắt đi thế giới,

san phẳng những gì sống mà không tình yêu,  
ta nhận ra hình dáng nó trong những miền  
bóng tối  
và ta đắm vào máu nó, đến vô cùng.

OCTAVIO PAZ

Đã phát hành

**Một chỗ nào khác**  
VIÊN LINH

Nhà xuất bản Trình Bày ấn hành

**VIÊN LINH**  
*viết ở hòa hưng*

M U A tầm tả dọc đường ra ngoại ô. Buổi chiều, con đường chính nối liền nơi Liên ở với thành phố vắng ngắt. Từ một chỗ ngồi rộng rãi trên xe buýt, tôi ngắm nhìn cảnh vật phía dưới với sự hân hoan thân thiết quen thuộc. Con đường gồ ghề, ngàu nước, chiếc xe trống, bông bênh. Cơn mưa đổ xuống khi xe vừa rời trung tâm thành phố, lúc một số hành khách đã lần lượt xuống trên những trạm đã qua. Lúc xe bắt đầu ra ngoại ô, mưa đã mờ mờ, ào ào, và chỉ còn hai người trên xe. Một người đàn bà trạc ngoài ba mươi tuổi, thân hình đầy đặn, khuôn mặt bầu bĩnh nhưng không nặng nề, với cặp lông mày xanh mượt, rẽ tóc mai mịn màng và chiếc miệng xinh xắn, đầm đăm sự ngọt dịu dữ dội. Tôi nhìn rõ khuôn mặt nàng khi hai người khách cuối cùng, dường như là hai mẹ con, bước xuống khỏi xe, ở trạm cuối của thành phố. Chiếc xe khởi ra ngoại ô lúc chỉ còn người đàn bà và tôi, không kể người tài xế suốt dọc đường không quay nhìn lại và người bán vé, lúc ấy đang ngồi nói lại các cuống vé ở băng ghế sau cùng. Đường vắng, mưa mờ mờ, chiếc xe lồng cồng chạy rào rào trong màn nước trắng xóa. Dường như nó đã bỏ qua hai trạm mà không



đứng lại, một trạm có lẽ không có khách, một trạm có một người mặc áo toí đứng co ro trong hiên một tiệm hơi tóc. Có thể đó là một người chờ xe về ngoại ô, nhưng có thể đó là một người đứng trú mưa. Ông ta không ra hiệu gì cho người tài xế. Chiếc xe chậm lại, người đó nhìn dỗi theo nhưng không làm một cử động nào. Người tài xế chần chờ trong vài ba giây, và chiếc xe tiếp tục chạy. Lúc ấy người đàn bà ngồi bên ghế phía trước quay nhìn lại. Tôi nhìn rõ mặt nàng. Lúc nàng ngoái cổ nhìn xuống, tôi thấy rõ. Sau đó, trong lúc nàng còn đang nhìn thấy tôi, tôi dơ tay xem giờ. Năm giờ mười. Khi ngừng lên, tôi đưa mắt qua một khung cửa kính không kéo hết. Nước mưa chảy xối xả từ đó xuống thành xe, và chắc là loang ướt trên mặt ghế. Ngoài kia, những mặt nhà đen tối, lướt thướt. Những người đứng im dưới một chân tường, bên một cánh cửa. Tôi ngó người đàn bà tự hỏi nàng vừa ngoái lại làm gì. Nhìn người đàn ông lỡ xe lúc chiếc xe bỏ trạm hay nhìn lòng xe trống. Đường như là sau đó nàng cũng xem giờ trên đồng hồ tay. Nàng cúi xuống. Anh Tư, tới trạm này tốp lại đi. Người bán vé nói lớn trong tiếng mưa và tiếng chuyển động ào ào. Phải có khách để chở. Coi, ông xuống đây? Tôi lắc đầu. Còn ba trạm nữa mới tới nơi Liên ở. Tôi nhớ chắc vậy. Tuy cả tuần nay tôi mới trở lại con đường này, song tôi nghĩ là mình không thể lầm được. Tầm băng cạnh một cột đèn xi măng, bên tay trái là ngõ Liên ở. Tôi chưa nhìn thấy tấm băng đó. Cô Hai xuống quăng nào cô Hai. Người đàn bà quay lại nhìn tôi. Rồi nàng phác tay về phía trước mặt. Xưởng Dệt. Chỗ đó có xa hơn chỗ tôi phải tới.

Chiếc xe đỗ lại như lời người bán vé yêu cầu. Không ai xuống. Quãng cuối con đường về ngoại ô, cũng không ai

lên. Đã bão mà. Chạy lẹ mà về. Người tài xế nói mà không nhìn lại. Chiếc xe tiếp tục chạy.

— Chuyển cuối cùng hả ông. Tôi quay lại hỏi người bán vé. Dạ, hết chuyến này tại tôi nghỉ. Trở lại bên là sáu giờ rồi...

Ông ta vừa trả lời tôi vừa móc túi áo ngực lấy thuốc lá. Tôi cũng lấy thuốc ra hút. Tôi phải đứng lên ra mời lửa nhờ chiếc quạt máy của ông ta. Hai chân xoạc, hai tay dơ cao, tôi đánh đu với sự bồng bềnh. Khi điệu thuốc đã cháy, tôi đứng lại ở khoảng sân sau, nhìn lại về quãng đường đã qua, thoải thoải dưới chân, qua khung kính vàng ủa màu nhya cũ và màn mưa trắng xóa. Đã nhiều tuần nay tôi mới xuống với Liên. Nhiều tuần, những ngày chẳng hẹn, nhưng mỗi buổi chiều tôi vẫn nghĩ đến ngôi nhà đó.

Cúi nhìn con đường chuyển động, tôi nghe sự thân mến ngọt ngào. Con đường đá lởm chởm, những ổ gà, một đoạn đường sỏi băng qua, một dấu vết định khác như những cái móng ngựa sáng bóng, nằm rời trên đá. Thật ra, tôi không muốn nhìn lại quãng đường này. Sự thân mật âm thầm đã không tách rời được. Tôi đã đi lại nhiều lần qua miệt này, nhớ từng cái cột điện, những tiệm nước, tiệm giặt ủi còn chịu lại ít tiền, tiệm hơi tóc treo đầy hình tài tử, con ngựa vào khu nghĩa địa xanh ngắt, cái giếng sâu hút cạnh một ngôi mộ xây, cũ kỹ. Ông tới chưa ông. Câu hỏi thân nhiên, nhưng chỉ dành cho một mình tôi. Lúc này chỉ một mình tôi đang đi, tuy bên cạnh có một người đàn bà đi cùng một con đường. Tôi định không quay lại. Nhưng tôi muốn nhìn thấy người đàn bà đó, Nàng vẫn ngồi im, ngó qua khung kính bên cạnh người tài xế. Tôi cười với người bán vé, trở về chỗ ngồi. Chiếc xe bỏ thêm một trạm nữa. Trời vẫn mưa tầm tã, và ở đoạn cuối của con đường, không ai lên với chúng tôi cả.

Người tài xế bỗng nhún còi âm 7. Tiếng còi kín kín đặc đặc trong mưa. Chiếc xe phải đỗ hẳn lại. Tôi không muốn đứng lên xem chuyện gì, nhưng chờ đợi một điều gì đó xảy đến. Người tài xế dựng đứng tấm lưng trên vai tròn của chiếc ghế sắt, cầu nhàu. Ngang thành cửa sổ phía tay mặt, một cái bóng thấp thoáng hiện ra, rồi đi dọc theo hông xe. Chiếc xe lại tiếp tục chuyển bánh. Người tài xế ngoái cổ lại nhìn theo cái bóng đã cản đường. Một tiếng hét chói, chiếc xe khựng lại. Phía đầu xe một chiếc quang gánh đồ tung, người đàn bà nhà quê miền Bắc sợ hãi nỡ một nụ cười. Bà ta cúi nhanh thu nhặt đồ hàng, chạy tạt vào vệ đường. Chiếc xe tiếp tục chạy. Không ai nói một lời nào. Mưa tầm tã.

Tôi nín tay lên thanh sắt vịn trên trần xe, ngó ngang những mặt nhà vừa khởi bật đèn. Những khoảng ánh sáng vàng vọt của miền ngoại ô tạm bợ. Dường như tôi có trông thấy một vài hình bóng quen thuộc nào đó. Những hình bóng từ bao giờ rồi vẫn qua lại lần thẩn ở vùng đất này, tươi cười héo úa im lặng như một tấm hình đã được chụp từ lâu, phía sau có ghi rõ ngày tháng làm kỷ niệm. Tôi đã cất cần thận tấm hình đó ở một trang sách trong đồng sách trên bàn viết. Chỉ những lúc rất tỉnh cờ mới thấy lại nó. Cúi nhìn. Một phút đứng lại. Bối cảnh không điển hình, những người không hấp sắc. Lật mặt sau, những chấm vàng ố đã nổi trên mặt giấy cứng. Một phút đứng lại, cái nhìn im, nụ cười im. Thế giới xa, ở trong, chìm xuống lặng lẽ, chao nghiêng vì mất hẳn. Như một tấm truyền đơn rơi trong một bể nước sâu chòng trành và cuối cùng mờ nhạt nằm im dưới đáy xám xanh yên lặng.

— Tôi chưa ông ?

Tôi cười ngượng ngập cúi tìm một dấu mốc bên đường

Một tiệm giặt ủi. Một tiệm hớt tóc. Một cột đèn xi măng, Dường như tôi đã đi qua.

Trong khi tôi tìm kiếm, chiếc xe vẫn lăn bánh. Tôi không thấy chắc một điều gì trong cái chuyển động lênh kênh và cơn mưa mù mù trong ánh điện ngoại ô.

— Chuyển xe cuối cùng hả ông ? Tôi hỏi lại người bán vé.

— Cuối cùng mà. Xong chuyến này tại tôi về.

— Mưa quá. Tôi không xuống được. Lát quay lên tôi xuống cũng được chứ ?

— Chạy đi anh Tư.

Người bán vé gật đầu, nói vọng lên phía tay lái. Người tài xế dường như không nghe thấy, nhưng chiếc xe vẫn tiếp tục chạy. Ông ta dường như không nghĩ tới tôi nữa.

Tôi bước dần lên phía cửa trước, chăm chú nhìn người đàn bà đã đổi khác. Nàng không còn ngồi ở chỗ cũ, cạnh cửa sổ phía tay mặt. Lúc này nàng đã choàng lên chiếc áo toí đồ chói. Màu đỏ rực rỡ mỗi khi xe chạy qua ngang một cửa tiệm sáng trưng. Mưa đã bay nghiêng, hắt chéo vào tới gần lòng xe. Chỗ nàng ngồi ban nãy lóng lánh lớp nước sáng.

Lần này người đàn bà quay lại phía tôi vứt đi cái vẻ nghiêm trang. Tôi không mang áo. Tôi nói với nàng. Thành ra phải đi nốt quãng đường này. Tôi nói tiếp. Lát xe trở lên ông xuống cũng được. Nàng trả lời, ngó lại tấm áo vừa choàng lên người, nhưng vẫn không có vẻ muốn cắt đứt câu chuyện.

Tôi lên hẳn sàn trống đầu xe, đứng tựa lưng vào lớp lưới sắt ngăn đôi toa hành khách với phòng máy của người lái xe. Như thế tôi quay lưng lại với ông ta, nhìn đối diện người đàn bà. Tôi chỉ cho nàng thấy trời mưa :

— Nếu lát nữa còn mưa, tôi vẫn không xuống được.

— Lát chắc tạnh ông ạ, không thì cũng ngớt.

— Trạm tôi xuống không có chỗ trú.



— À, chắc đầu ngõ. Đầu con ngõ đi vào cư xá?

Tôi gật đầu. Vâng. Tôi không biết nói gì hơn. Tôi nghĩ tới con ngõ nhỏ giờ này đã lầy lội, hai bên là cây cối miền nằng. Vú sữa, là một loại cây thấp có răng cưa. Con ngõ dẫn vào thẳng một nhà thờ. Trước khi tới nhà thờ, rẽ về phía tay trái là một khu nghĩa địa nhỏ, tay phải là cư xá nơi Liên ở. Đây là những dãy nhà một tầng, thấp, mái xi măng đỏ hoặc xanh, mặt nhà chỉ rộng lối hơn ba thước, giáp tường nhau. Trước mỗi nhà thường có một hàng rào gỗ sơn xanh, vàng, đôi khi xen một lớp hàng rào sắt đục lỗ màu cứt ngựa. Mỗi dãy mười căn thỉnh thoảng nhỏ lên một bờ gạch trong có dây treo, cây vú sữa, một cái chum gạch hay chỉ là một bờ gạch trơn ngăn cách hẳn nhà hai bên hàng xóm, dùng làm chỗ đậu xe. Một chiếc Simca aronde cũ, một xe Jeep mang số nhà binh. Tôi nhớ lại ngôi nhà Liên ở. Căn thứ hai ngay đầu dãy, mới xây lại mặt tiền, trước nhà lát đá hoa, rộng lối hai thước. Căn nhà luôn luôn mở ngõ, tôi thường đi chậm lại khi ngang qua, không nhìn vào.

— Cô Hai, sắp tới xưởng Dệt rồi cô Hai.

Người bán vé lên tiếng lớn, Mưa hơi ngớt. Tiếng nói bay mất biệt về phía sau, ngoài khung cửa gió. Người đàn bà đứng hẳn dậy mặc lại áo. Nàng suýt ngã chúi về phía trước nếu không có vai dựa của hàng ghế trước mặt. Nàng mỉm cười cúi xuống nhìn những cái nút nhựa, cũng màu đỏ, mà nàng đang cài vào lớp khuyết hẹp. Tôi nhìn thấy những móng tay sơn đỏ của nàng. Những móng tay thô kệch mà trước đó tôi không tưởng đến.

Tôi rời chỗ dựa, đi về phía sau và ngồi xuống một bàn ghế khi chiếc xe đỗ lại. Người đàn bà bỗng làm tôi bất ngờ

— Lát ông xuống chắc mưa sẽ tạnh.

— Vâng. Tôi mong thế. Tôi hơi nhồm đậy lúc trả lời.

— Còn nếu vẫn mưa, ông đi luôn?

Tôi nhìn nàng rất rõ. Tôi không hiểu ý nàng thì chiếc mũ đỏ, may liềm-áo, đã được kéo lên. Rồi nàng biến mất bên thành xe. Lúc chiếc xe chạy lại, tôi thấy nàng đứng im bên cột điện có gắn ngang tấm biển kẻ vài hàng chữ, dưới vẽ một mũi tên rất xấu xí.

Tôi cười sục sục trong cổ họng trong khi chiếc buýt lồng chạy nốt quãng đường cuối cùng. Trong nháy mắt chiếc xe lượn ngang một ngã ba, lùi lại và quay đầu trở về thành phố.

— Bỏ mẹ nó đi đúng rồi. Mưa thế này làm gì còn ai. Người bán vé cười nói với tôi. Chiếc xe không chạy hết quãng đường hạn định, bỏ bến cuối cùng không tới.

— Về cho lẹ. Người tài xế cười ha hả. Tôi không cười nữa, im lặng. Bất chợt thân thể tôi, từ hai cánh tay trần, nổi lên những chấm trắng, những gai lạnh của một ngày mưa dài.

Căn nhà, khác mọi lần, đóng kín. Tôi vào tới nơi khi cơn mưa đã dứt hột, tự hỏi nếu trời vẫn tiếp tục mưa lớn, tôi có bỏ đi luôn như người đàn bà cùng xe đã nói hay không? Dù sao mưa đã tạnh. Dọc đường vào, những hạt nước đọng trên cây rơi lác đác chỉ làm người đi qua ướt chút ít trên mái tóc dày không thấm tới da đầu. Tôi đứng im trước cửa, trong bóng tối. Thường khi giờ này Liên đã trở về. Tôi cúi tìm một vết xe trên mặt đất trước hiên nhưng không thấy. Có thể đêm nay Liên tại tới thăm một vài người bạn. Khi rút thuốc hút, đứng dựa lưng vào tường, tôi nghe

ra sự tĩnh mịch xung quanh.

Mặc dù còn sớm, dãy nhà đối diện chỉ còn hai ba căn đèn. Một trong những căn đó mở radio nghe chương trình ca Bắc. Cũng may, họ sẽ không thấy tôi về đây. Những cái nhìn lạnh lẽo, những con mắt chậm chậm. Tôi không kể gì tới họ, tới lời hàn huyên mà tôi cho là vô thường vô phạt, ở ngoài mình, của những kẻ dư thì giờ. (Dư thì giờ, tôi không làm sao hiểu được chữ ấy. Tôi chưa bao giờ thấy tôi được ở không để nghĩ về những kẻ khác. Không kể ngay những gì tôi nói về tôi chưa chắc đã đúng. Song Liên khó chịu vì họ. Nàng ở một mình, sự nhòm ngó đồng nghĩa với một tĩnh từ xấu).

Trong bóng tối của cả mái hiên và quãng đường không có ánh đèn, không có cột điện, tiếng gió reo gần gũi, có hình. Những chuyện đùa đùa cột vô tình, xa lạ. Không khí chìm bật, như một lồng ngực chưa lấy lại được hơi thở đều hòa sau khi bị xối nước. Tôi cũng vậy, đột nhiên cảm thấy mình nặng nề, vương vãi, tiếng tim đập nghe rõ từng nhịp mạnh.

Một người nào đó từ khoảng nghĩa địa đang đi vào ngõ. Một đường lầy lội bị khua động. Tuy nhiên, tôi không nghĩ là Liên đang trở về. Một bóng tối kéo dài, một vệt mờ đục giăng trước mắt tôi. Cái bóng đi qua, vội vã, lúi húi. Sự chờ đợi thật buồn chán, lạnh lẽo. Người thân nhất trở thành kẻ kêu gọi những đoàn tượng vô vọng, ghét giận. Căn nhà đóng kín, nín thính như một chiếc hộp cứng to tướng. Hay Liên đi ngủ sớm. Tôi lắng nghe phía trong. Gió chạy xuống từ những mái nhà, hàng vũ sữa kêu xào xạc. Tự dưng tiếng Radio tắt bật. Im lặng hồng vào tri óc, tôi thẳng thốt buồn nản, Liên đã ngủ, một mình. Tôi muốn nghe một tiếng động. Không có gì cả. Chiếc giường trải chiếu vắng tanh, đôi gối một mình, chiếc mùng không được bỏ xuống. Ngang một giây thép giữa nhà là tấm màn gió màu xanh, che khuất đồ đạc hỗn tạp phía trong,

không cho thấy căn nhà thật ra là bỏ ngõ, bởi một gia đình đã dọn đi. Sự có mặt của Liên chỉ làm điều ấy rõ rệt hơn. Nàng cũng sống tạm bợ ở đó, như căn nhà để chờ những đầu danh trống trên tường, tạm bợ một sinh hoạt tẻ nhạt, hiu quạnh, vắng hẳn tiếng cười. Tiếng cười, không Liên à, anh không còn nghĩ tới từ lâu. Những gì mà anh hình dung thấy giữa chúng ta không có một cử động nào, một hình ảnh nào được coi như sự tươi vui. Nếu anh có nghĩ đến sự rạng rỡ soi sáng khuôn mặt em, sự rạng rỡ ấy không phải là tiếng cười. Đó là niềm hy vọng, sự tin cần ở một ngày mai bất trắc, một sự thật bất toàn. Da mặt căng nở, khỏe mắt rạn vỡ, đó chỉ là một mặt nước tách rời để lọt xuống đáy sâu một vật nặng. Như miệng em nuốt chim một tiếng nấc làm lệ trào ra ngay đó, ở cặp mắt. Hay hơn thế nữa, tràn ra từ lỗ mũi. Anh sẽ ôm lấy em nếu bấy giờ anh ở đó. Chẳng bao giờ anh ở đó. Anh chỉ tới đó, ghé qua đó. Tiếng cười là một bông hoa có giờ khắc nở tung, sự khổ não là một mùa vô tình. Anh chỉ nghĩ đến sự hiu hắt, cái nhạt nhẽo, lép vế, khô bong, một ban tay rơi rã, những móng khô, cứng, mặt da chết, tất thảy. Chẳng bao giờ anh ở đó. Chúng ta một mình bên cạnh nhau, mỗi người cố sức là một góc bù, bởi đều bị ám ảnh hạnh phúc là sự êm đềm, một mặt phẳng, một con đường thẳng. Ví dụ vậy. Như em biết, nơi anh sống nào phải một thiên đường. Ngưỡng cửa ngôi nhà anh cao vợi vợi. Anh phải trèo dốc để trở về, nhưng chỉ cần nhắm mắt cũng bước ra khỏi. Lúc này đây anh đang ra khỏi và đi kiếm tìm em. Anh đã đến một ngôi nhà đóng cửa. Em đi đâu trong lúc này?

Thình lình tôi nghe một tiếng nói. Một người nào đó, đen ngòm, đã đứng trước mặt tôi. Ông làm gì ở đó. Tôi đợi chủ nhà.

— Chủ nhà, họ dọn đi rồi.



— Tôi biết. Tôi đợi một người ở đây.

— À, chắc là.

Tôi gật đầu, dúi vai khỏi bờ tường, bước ra khoảng trống.

— Cô Liên.

Tôi không trả lời. Đó là một người đàn bà. Trong bóng tối tôi không nhận ra đó là ai, trong số những người cư ngụ tại dãy nhà này. Thấy tôi im lặng, bà ta bỏ đi ngay, sau khi gắng gượng nhìn kỹ khuôn mặt tôi. Bị đánh thức đột ngột, như bị lật khỏi chân, tôi bước hẳn ra khoảng đường ngoài mái hiên. Mưa đã rơi nhẹ nhẹ trở lại từ lúc nào, những hạt nhỏ dịu dàng, li ti. Không còn chờ nổi nữa, tôi bắt đầu đi lại trước dãy nhà. Một lát, thấy tiếng động do mình gây ra mỗi lúc một rõ trong con ngõ đã tối xăm, giữa những mặt nhà ngủ im, tôi bỏ đi. Tôi tin là Liên không về kịp sự chờ đợi của tôi nữa. Đêm nay tôi không được gặp nàng.

Bấy giờ, từ ngoài đường chính, một chiếc xe hơi dẹt đèn chạy qua. Động cơ ào đi làm tôi tỉnh táo trở lại. Tôi mỗi một điều thuốc, thở phào. Đã chín giờ tối trên kim đồng hồ tay. Thời khắc trôi qua chỉ một mình tôi hiều thấu, dẫu rằng Liên vẫn đợi chờ tôi chia sẻ với nàng.

Người đàn bà xuất hiện làm tôi bực bội. Có lẽ tôi chưa bỏ đi nếu bà ta không tạt vào hỏi những câu không đầu, không tiến sát gần tôi để gắng gượng nhìn xem tôi là ai. Những người không danh tính dọc đường đôi khi gọi trong tôi những ám ảnh cũ kỹ tưởng đã phai mờ. Thế nhưng tôi bỗng nghĩ trở lại người đàn bà trên xe buýt. Tôi hình dung lại nàng, cố nghĩ xem nàng đã làm gì khi thấy tôi ngó ở phía sau. Nàng đã mặc vào chiếc áo tơi màu đỏ khi còn ở trong xe, đã đổi chỗ ngồi từ phía tay mặt sang bên hàng ghế phía tay trái. Bàn tay nàng có những cái móng sơn đỏ thô kệch. Thế kệch, tôi đã có cảm tưởng đó khi chăm chú nhìn nàng.

Tự nhiên tôi bực bội với chính mình. Những cái không đầu vẫn lẩn quất quanh mình. Tôi ngửa cổ, hắt trên da mặt những giọt nước mưa rơi xuống từ tàng cây trên đầu và nhận ra tôi đang đi ngang qua khu nghĩa địa. Lúc này khu nghĩa địa nằm ở tay phải, âm u, rả rích tiếng côn trùng inh inh trong tai. Tôi nhìn thấy thấp thoáng một cây thánh giá thấp trên một nấm mộ và rảo bước hơn. Một tiếng xoạt làm tôi né ngang. Liên ngồi solex trở về. Nàng chống chân xuống đất bùn vội vàng như không biết. Tôi đỡ kịp chiếc xe, chiếc nón lộc cộc va chạm vào ghi-đông. Liên ôm lấy cổ tôi, oà khóc.

VIÊN LINH

# VŨ KHẮC KHOAN

## Ngộ nhận

LỘNG NGÔN  
(tiếp theo)

Dịch hươu thái cực, thị sinh  
lương nghi, lương nghi sinh tử  
tượng, tử tượng sinh bát quái

DỊCH: HÊ TỬ THƯỢNG

Thái cực bời vậy mà khổ quá  
CHỈ QUA KHẮC KHOAN

*Tiếng cười của Cuội làm đảo lộn  
cả không gian. Thời gian trở lại  
hiện tại. Tiếng cười vừa dứt thì  
Trời xuất hiện, đứng cạnh Cuội.*

TRỜI

(đập vào vai Cuội)

Ê. Cười gì mà cười dữ thế này!

*Cuội giật mình, nhìn Trời,*

Mày đang kể chuyện. Chuyện chưa hết mà.

CUỘI

(bàng hoàng)

VẤN ĐỀ 6

Chuyện gì... hở cụ?

TRỜI

Chuyện thằng Ngưu với con Chừ chứ còn chuyện gì nữa?

CUỘI

À.

TRỜI

Thế sau ra sao?

CUỘI

Nam yêu Nữ. Và lệnh sinh sản của cụ được thi hành.

TRỜI

Được thi hành! Chúng nó làm như là thi hành cho tao ấy!

CUỘI

Thì lệnh của cụ mà!

TRỜI

Thế mày cho rằng lệnh đó là vô lý lắm sao?

CUỘI

Đâu có? Có điều là... vô lý hay hợp lý thì cũng là cái  
lý của cụ.



TRỜI

Lý nào của tao ? Lý tự nhiên, mây nghe chưa ? Hễ có được thì phải có cái. Mà hễ có được có cái là phải sinh sinh hóa hóa. Mây nghĩ xem, chẳng nhẽ cứ để chúng nó được mặt mà nhìn nhau hoài à ? Mà nếu... vô lý thì tại sao tất cả muốn loài muốn vật lại theo tâm tập ?

CUỘI

Ai dám cãi lại cụ ?

TRỜI

Thì đấy !

CUỘI

Người khác.

TRỜI

Khác, khác cái con khỉ ! (Một lát.) Lại còn mây nữa. Mây cũng không vừa.

CUỘI

Ồ hay, sao cụ lại vực con ?

TRỜI

Mây chống lại tao.

CUỘI

Con chống lại cụ bao giờ ?

TRỜI

Thì chính mồm mây vừa khai ra đấy... Hừ, tao thấy mây lủi thủi một mình, tao thương hại, thỉnh thoảng cũng để cho mây xây một vài cái mộng cho nó đỡ buồn. Ai ngờ..

CUỘI

(chua chát)

À... thì ra cụ cũng biết rằng con buồn.

TRỜI

(nói tiếp)

Ai ngờ mây lại thâm hiểm đến thế ! Ai ngờ chính lúc mây xây mộng là mây chống đối lại tao. Đã thế mây lại còn nói giáo cho giặc.

CUỘI

Nói giáo cho giặc ?

TRỜI

Thì mây không xui thẳng Ngươi thì còn ai nữa ?

CUỘI

Xui ? Con xui gì ?

TRỜI

Mây xui nó chống đối tao.

CUỘI

Thế này thì còn trời đất nào nữa !

TRỜI

Phải ! Anh cứ rửa tội đi !

CUỘI

Nhưng mà oan con lắm, cụ ơi !

TRỜI

Oan, oan cái gì ?

CUỘI

Xin cụ nhớ lại cho. Thế ai sai con đi khuyên nhủ anh Nam ?

TRỜI

Tao. Chính tao. Nhưng tao bảo mây khuyên nhủ nó, chứ tao có bảo mây vẽ voi vẽ chuột, xây mộng xây mị cho chúng nó đâu ?

CUỘI

Mộng, mộng nào ?

TRỜI

Mộng Người Đàn Bà.

CUỘI

À !

TRỜI

Mộng Tình Yêu. (nhại lại lời Cuội.) Yêu là tự do ràng buộc, là hóa giải cô đơn, là có thái độ trước ý định của cụ Trời... Cụ Trời đâu nghĩ đến tình yêu ? (Giọng thương.) Tiên sư anh, anh tưởng tôi không biết tình yêu là gì phỏng ?

đời

CUỘI

(lướt cưỡi)

Có chứ. Có chứ. Cụ biết chứ. Gì mà cụ không biết ? (Một lát.) Có điều là... yêu thì phải là yêu nhau. Cụ yêu ai nào ?

TRỜI

Không nói chuyện nhảm nhí.

CUỘI

Ấy chết. Yêu đâu phải là chuyện nhảm nhí ? Tình yêu là điều kiện để người Nữ thăng hoa.

TRỜI

Đó chỉ là một thứ mộng ảo của mây. Nghĩa là



một ảo ảnh. Ai nắm giữ được ảo ảnh trong vòng tay? (Một lát.) Nguy hiểm... nguy hiểm...

CUỘI

Nhưng cần thiết. Để cho cuộc sống đỡ buồn. Để lệnh sinh sản của cụ được thi hành đến nơi đến chốn. Cụ xem... anh Nam, chị Nữ... (Một lát.) Cụ xem... lũ con của hai anh chị...

TRỜI

(cười)

Ờ... Ờ... lũ con chúng nó trông kháu nhỉ... Làm gì mà chúng nó chả quần quít nhau suốt ngày. (Chợt.) Thôi tao hiểu rồi.

CUỘI

Cụ hiểu gì nào?

TRỜI

Tao hiểu tất cả đầu đuôi câu chuyện rồi. Tao đuổi thằng Nam và lũ con xuống hạ giới rồi con Nữ nó nhỏ, nó xuống theo, có đúng không?

CUỘI

Đúng một phần.

TRỜI

Sao lại một phần? Phần nào?

CUỘI

Phần chị Nữ.

TRỜI

Thế còn thằng Nam? Chính tao đuổi nó mà.

CUỘI

Chính cụ?

TRỜI

Thì tao ra lệnh, cũng thế. Chính mày mách tao...

CUỘI

Con mách cụ rằng anh ấy bỏ bê công việc, rồi con lại đề nghị với cụ rằng phải đuổi anh ấy với lũ con xuống hạ giới...

TRỜI

Đúng.

CUỘI

Thưa cụ, không đúng.

TRỜI

Không đúng thì không đúng ở chỗ nào? Nói lại.

CUỘI

Thưa cụ, đầu đuôi như thế này ạ. Ànà Nam tự nhiên ðùng ðùng bỏ ra đi với lũ con. Có thể thôi.

TRỜI

Đi, đi đâu ?

CUỘI

Xuống hạ giới chứ còn đi đâu nữa ? Thưa cụ, đầu đuôi là như vậy, nhưng vì sợ cụ buồn nên con mới phải bịa ra cái chuyện bẻ bối của anh Nam, con mới phải bày ra cái trò ðề nghị ðuổi anh ấy xuống hạ giới...

TRỜI

Nhưng còn con Nữ ?

CUỘI

Chị ấy nhớ anh ấy quá. Cụ giao cho công việc ðệt vải nhưng có ðệt ðược tấm nào đâu ? Cứ khóc lóc tối ngày. Thế rồi... một hôm, cũng bỏ đi nốt. Chắc là xuống hạ giới, tìm ànà Nam. Chuyện này con cũng không dám trình cụ, cho nên mới kéo dài cái tình trạng ngộ nhận Ngưu lang Chức nữ, cho nên tất cả mới ðình ninh rằng chị Chức vẫn ngồi ðệt vải ở trên trời, cho nên hằng năm cứ ðến ngày này là con cháu Ngưu lang lại kéo nhau ðến ðồi lên gặp chị Chức, cho nên hàng năm con mới phải bày ra cái trò mưa ngâu ðể tránh việc bắc cầu cho nên...

TRỜI

(sốt ruột)

Cho nên cái tiên sư mày. Liền thoãng nó vừa vừa chứ. ðể tao nghĩ xem nào.

Yên lặng.

Thế mày có biết rõ tại sao thằng Nam tự nhiên lại ðùng ðùng bỏ ra đi không ?

CUỘI

Không ạ.

TRỜI

Hai ðứa có cãi cộ gì nhau không ?

CUỘI

Con ðâu có tò mò ðến việc riêng của anh chị ấy ? (Một lát.) Nhưng nếu có chuyện gì... thì... con chắc... có người biết...

TRỜI

Ai ?

*Cuội lại gần nói với Trời. Trời sùng sốt.*

Thế nó ðâu ?

*Cuội xoa tay ra hiệu với Trời rồi ðón ðén bước ra. Trời trở mắt nhìn theo. Một lát sau, Cuội vừa cười vừa ðắt Trùm Qua vào.*



TRÚM QUẠ

(bẽn lễn)

Lạy cụ ạ.

TRỜI

Mày đứng ngoài ấy làm gì? Nghe trộm hả?

TRÚM QUẠ

(lổng cuống)

Dạ, không ạ. Con đi tìm thằng lỏi nhà con... Vừa đi qua đây thì...

Bỗng Quạ con nhảy ra

QUẠ CON

Bố ơi, bố. Bố đợi con với.

TRÚM QUẠ

Im mồm.

QUẠ CON

Bố bắt con im mồm từ nãy...

TRÚM QUẠ

(rit lễn)

Tao bảo im mồm. (Giọng thường.) Mày không lạy cụ đi

Lạy cụ ạ.

TRỜI

Hà. Thằng lỏi. Thế nào, mày với bố mày từ nãy làm gì?

QUẠ CON

Dạ, đứng ngoài kia ạ.

TRỜI

Đứng làm gì?

QUẠ CON

Dạ, đứng đề... (Với Trùm quạ.) Bố cho con nói nhà.

TRỜI

Thôi, thôi. Đứng đề nghe trộm chứ gì nữa, Rõ bố nào con nấy.

TRÚM QUẠ

Dạ... Chả cái câu chuyện này nó cũng có dính líu đến con... cho nên...

CUỘI

(với Trời)

Vâng, thưa cụ, chuyện này đầu đuôi cũng là tại bố con nhẩy cả...

TRÙM QUẠ

Ơ hay, cái anh này...

CUỘI

Anh vừa nói đấy thôi.

TRÙM QUẠ

Nhưng đầu tên là ai?

CUỘI

(vừa cười vừa chỉ Trời)

Đấy. Đầu tên đấy. Anh muốn nói gì thì nói.

TRỜI

(quát lên)

Thôi. Tao bảo thôi. Cả hai đứa. (Với Trùm Quạ.) Tao l  
mày. Thế mày có biết tại sao thằng Nam bỏ ra đi không?

CUỘI

(với Trùm Quạ)

Anh cứ nói đi. Cụ không mắng đầu mà sợ.

TRÙM QUẠ

(phát bần với Cuội)

Tôi lỗi cóc gì mà sợ.

TRỜI

(quát lớn)

Quạ!

QUẠ CON

Dạ...

TRỜI

Bố mày kia!

CUỘI

Thôi cụ tha cho anh ấy. Để anh ấy nói.

TRỜI

Cả mày nữa. Im mồm. (Với Trùm Quạ.) Nghe tao hỏi đây.  
thằng kia. Mày có thấy thằng Nam với con Nữ cưỡi cò gì  
chau không?

TRÙM QUẠ

Dạ có.

QUẠ CON

(với vâng)

Cháu cũng biết ạ. Chính cháu nói với bố cháu. Hai bác  
ý cưỡi nhau ghê lắm ạ. Chả, hai bác ấy không chịu nghe  
lệnh của cụ ạ.

TRỜI

Biết rồi khổ lắm. Chuyện ấy tao biết rồi... Tao muốn hỏi chuyện sau này cơ.

TRÙM QUẠ

(với con)

Nói nữa đi, ranh con. Có giỏi thì nói đi.

QUẠ CON

Sau này, cháu cũng biết ạ. Suốt ngày cháu chơi với lũ con bác Nam mà!

CUỘI

Giỏi lắm. Thế là mày hơn bố mày rồi đấy, lỗi ạ.

TRỜI

Thế mày thấy gì, lỗi? Hai người có cãi nhau không?

QUẠ CON

Có chứ.

TRỜI

Cãi nhau như thế nào?

QUẠ CON

Đạ, bác trai thì cứ cãi nhãi suốt ngày... rằng... (Bất chợt giọng Nam.) Tôi yêu, tôi yêu... rằng tình yêu là điều kiện để...

Ờ... (Giọng thường.) Cháu quên mất rồi. (Với Trùm Quạ.) Để làm gì bố nhỉ?

TRỜI

(với Trùm Quạ)

Mày có biết không, thằng kia?

QUẠ CON

Thì cháu mách cả với bố cháu rồi.

TRÙM QUẠ

(với Quạ con)

Thế nào? Cháu chưa ranh con? Chỉ được cái hay nói leo... (Với Trời.) Thưa cụ, anh Nam nói như thế này: Em ơi, anh yêu em. Tình yêu là điều kiện để em thăng hoa. Em không còn là Nữ. Em đã trở thành Người Đàn Bà...

TRỜI

Ờ... có thể thôi à? Thế sao lại bảo là chúng nó cãi nhau?

TRÙM QUẠ

Thưa cụ, lúc đầu thì như vậy. Nhưng không hiểu sao càng về sau, anh ấy càng trở nên ít lời, cứ lảm li suốt ngày. Rồi đến lượt chị Nữ lại nhãi. Cũng một điệu như anh Nam.



TRỜI

Nó nói gì ?

TRÚM QUA

Chị ấy bảo, (Bắt chước giọng Nữ.) Trời ơi, em yêu anh quá...

TRỜI

Hừ, lão quá. Chúng nó yêu nhau thì mặc chúng nó việc gì đến tao mà lại dám gọi tên tao ra như vậy ?

TRÚM QUA

Con cũng không được rồi.

CUỐI

Thưa cụ, đó là một cách nói đấy ạ. Bây giờ, gì người ta cũng gọi cụ ra đấy. Sung sướng cũng trời ơi. Khổ sở cũng trời ơi. Thậm chí ngứa ngứa quá cũng trời ơi ạ.

(Còn nữa)

VŨ KHẮC KHOAN

NHẮC lại tập tài liệu này gồm những cuộc phỏng vấn của đài vô tuyến truyền hình Boston năm 1963, vào lúc phong trào tranh đấu của người da đen theo đường lối bất bạo động đang mạnh mẽ. Trong số trước chúng tôi đã trình bày quan điểm của James Baldwin — một nhà văn da đen — đứng giữa hai cực lập thành bởi Malcolm X — lãnh tụ Hồi giáo quá khích — và Martin Luther King — lãnh tụ Thiên chúa giáo ôn hòa — Số này chúng tôi trình bày cùng một lúc hai quan điểm của Malcolm X và Martin Luther King để độc giả tiện đối chiếu trông rõ các biến chuyển trong nội bộ phong trào Da đen cũng như nội bộ nước Mỹ.

Theo tin tức báo chí thế giới, mùa hè năm nay tại Hoa kỳ là mùa hè bức bối nhất ; cuộc nổi dậy gần như có tính cách vô trạng khởi nghĩa của người Da đen liên tiếp xảy ra tại hàng chục thành phố lớn, phát hiện tấn bi kịch chưa thấy hồi kết thúc của nước Mỹ.

Như vậy, phong trào đã biến thái. Tuy nhiên, những ý kiến nhiều khi đối lập của các lãnh tụ phong trào trình bày sau

đấy sẽ cho chúng ta thấy rõ tính cách phức tạp của vấn đề mà sự giải quyết theo ý chúng tôi còn tùy thuộc nhiều vào yếu tố thời gian.

## VẤN ĐỀ

## 2

*Malcolm X*

**M**ALCOLM X là một người rất tôn trọng giờ giấc. Đùng hẹn, ông đến phòng thu hình với hai người cộng sự thân tín nhất. Tất cả đều phục sức rất đàng hoàng, không lộ vẻ gì bề ngoài cho thấy họ thuộc giáo phái nào. Mục sư Malcolm X, (ông rất ưa tước vị này) trông cao lớn, tuổi khoảng 35 tới 40, nơi con người ông bộc lộ một tư thế đặc biệt, một thứ nghị lực tiềm tàng. Điều này dễ thấy khi ta nhận xét thái độ cung kính thiếu tự nhiên của hai người cộng sự đối với ông. Malcolm X cũng nhận thấy điều đó và người ta cảm thấy ông là một người không thích sự suồng sã trong mọi giao dịch với người khác.

Tuy Mục sư Malcolm X có vẻ lấy làm hãnh

## VẤN ĐỀ 6

diện vì chỉ học mới đến lớp tám bậc Tiểu học, (1) nhưng khi nói chuyện ông dùng ngôn ngữ và giọng điệu của một người tốt nghiệp Đại học. Mỗi lần có người đưa ra nhận xét trên, ông lấy làm thích thú và giải thích là ông đã đọc sách rất nhiều từ hồi ông gia nhập phong trào những người Hồi giáo da đen. Với tư cách phát ngôn viên chính thức của phong trào, nhiệm vụ của ông — ông nhấn mạnh ở điểm này — là gây cho đoàn viên tinh thần kiêu hãnh về họ và ý chí tự cải tiến.

Trong hai năm gần đây, có lẽ Malcolm X là người được báo chí, vô tuyến truyền thanh và truyền hình phỏng vấn nhiều hơn hết bất cứ lãnh tụ da đen nào khác. Những cuộc phỏng vấn liên miên ấy đã khiến ông thành một người rất bình tĩnh, sự tin, điều khiển được tình cảm mình tùy trường hợp. Có điều chắc chắn, là ông không cho ta cảm tưởng một người hành động theo hứng. Trái lại, người ta thấy dường như Malcolm đã tiên liệu mọi câu hỏi và đã sửa soạn sẵn câu trả lời thích ứng, đúng đường lối của phong trào những người Hồi giáo da đen do Đức Elijah Muhammad (2) chủ trương.

Chúng tôi mở đầu cuộc phỏng vấn với những câu hỏi về ông lúc thiếu thời.

(1) Tương đương với lớp Nhất Tiểu học.

M — Tôi sinh ở Omaha, Nebraska năm 1925. Hồi đó, thế lực nhóm Ku Klux Klan rất mạnh ở vùng này. Lúc nhỏ, tôi cũng có ở Michigan ít năm và bắt đầu đi học ở đó.

C — Ông ở vùng nào ?

M — Lansing. Tôi học ở đó tới lớp tám. Sau đó tôi bỏ đi Boston và New York.

C — Ông có đi Boston rồi sau đó Nueva Uớc cùng với gia đình ở Omaha chứ ?

M — Vâng. Khi sinh ra tôi được ít lâu, cha mẹ tôi nhận được tối hậu thư của bọn Ku Klux Klan bắt phải bỏ xứ và thế là gia đình tôi phải ra đi.

C — Xin ông cho biết lý do tại sao có cái tối hậu thư đó.

M — Cha tôi hồi đó theo Garvey. (3) và ông biết hồi đó người ta cấm dân da đen không được nói ra những điều họ nghĩ hay có hành động vượt khuôn khổ người ta đã vạch sẵn.

C — Tôi đã đọc rất nhiều tài liệu về ông, nhưng đây là lần đầu tôi được biết cha ông là người của phong trào Garvey,

(2) Elijah Muhammad : nhà tiên tri của người Hồi giáo da đen, được cho là người của Allah trao sứ mạng truyền đạo ở Hoa Kỳ. Nên nhớ là Elijah Muhammad đã cắt đứt liên lạc với Malcolm X khi ông này tỏ ra hân hoan về cái chết của Tổng Thống Kennedy. Lúc đó, Malcolm X có khai sinh một phong trào khác lấy tên là phong trào những người Quốc Gia da đen. Trong thời kỳ này, tuy vẫn còn theo Hồi Giáo, Malcolm X dường như có luận điệu hòa dịu và quan điểm của ông ít màu sắc chủng tộc hơn bây giờ.

(3) Marcus Garvey (1880-1940), người sáng lập chủ nghĩa Quốc Gia Da đen ở Hoa Kỳ. Đã từng đòi được gia nhập Hội Quốc liên với tư cách đại diện các dân tộc da đen — là sáng lập viên phong trào « về Phi Châu ». Garvey đã lập một hãng chuyển chở hàng hải để đưa những người Mỹ da đen về cố hương.

Xin cho biết có phải thân phụ ông có thực là người Quốc gia da đen và hoạt động công khai hồi năm 1920 không ?

M — Cha tôi vừa là người theo chủ nghĩa Garvey, vừa là mục sư dòng Báp — tít. Ông cũng rõ tình hình hồi đó ra sao bây giờ vẫn vậy ; phương tiện áp dụng có khác nhưng chung qui chẳng có gì thay đổi : khi một người da đen muốn nói điều họ nghĩ, y bị cho là một kẻ điên hay một phần tử bất hảo. Còn cảnh sát địa phương, các cơ quan tư pháp chỗ nào cũng bị các phần tử nhóm Klan xâm nhập. Bọn Klan thì được cảnh sát nâng đỡ, cảnh sát thì dựa vào bọn Klan ; tình trạng bây giờ vẫn y nguyên, chẳng khác xưa.

C — Thế nghĩa là người ta yêu cầu thân phụ ông rời xứ hay dùng áp lực. .

M — Đúng vậy — Tôi nhớ dường như vào năm 1925, họ đốt căn nhà của chúng tôi ở Omaha ; sau đó chúng tôi bỏ đi Lansing, Michigan : ở đây, tình trạng cũng chẳng khả quan hơn. Hồi đó, chúng tôi cũng ngụ ở một khu chung với người da trắng. Điều này cho thấy thời đó họ cũng chẳng kỳ thị hơn bây giờ, chỉ khác là họ ít kín đáo hơn. Bây giờ, họ lại còn khôn khéo nói là ủng hộ việc chống kỳ thị mà kỳ thực kiếm mọi cách để khiến phong trào này không sao thành tựu. Thế rồi gia đình tôi lại rời đi Michigan. Cũng lại vẫn trời ấy, đất ấy. Họ lại đốt nhà chúng tôi. Như tôi đã nói về cha tôi, ông là mục sư, một người theo Thiên chúa giáo. Ấy thế mà chính những người cũng theo Thiên chúa giáo như cha tôi đã đốt nhà ông hai lần. Họ là những người hằng ngày dạy ta thế nào là tinh thần khoan dung tôn giáo, thế nào là bác ái và còn nhiều thứ khác nữa. .

C — Lúc ông bắt đầu đi học là hồi ở Michigan phải không ?

M — Phải.



C — Ông ở đó bao lâu?

M — Tôi nhớ dường như lúc tôi học hết lớp tám tôi vẫn còn ở đó.

C — Rồi sau đó ông đi đâu?

M — Boston.

C — Ở Boston, ông có theo học ở trường Trung học không?

M — Không. Tôi chưa học ở Trung học ngày nào.

C — Thật ư?

M — Tôi mới chỉ học tới lớp tám thôi.

C — Thật là phí thường.

M — Những điều tôi học trên mức lớp tám là do... Muhammad truyền dạy. Người là thầy tôi, và theo tôi một ông thầy hơn bất cứ ông thầy nào khác của tôi nếu từ hồi đó tôi còn tiếp tục theo học.

C — Ông gặp Muhammad trong trường hợp nào?

M — Lúc tôi ở trong khám năm 1947, lần đầu tiên tôi được nghe nói về việc ngài giảng đạo. Hồi đó tôi còn là người vô thần. Tôi đã theo Thiên chúa giáo rồi tới tình thần hoài nghi triệt để trước khi trở thành vô thần.

C — Xin cho biết có phải những biến cố xảy ra lúc thiếu thời ở Nebraska và Michigan, nơi cha ông, một mục sư Thiên Chúa giáo, bị những người Thiên Chúa giáo dốt nhà là nguyên nhân chính khiến ông xa lánh Thiên Chúa giáo không?

M — Không đúng. Vì tôi đã nói tuy phải chịu nhiều khổ ải, tôi đã sống trong một cộng đồng màu da lẫn lộn. Lớn lên, tôi đã phải qua nhiều nỗi đau thương — sau này cha tôi còn bị người da trắng giết chết — Nhưng hồi đó tôi vẫn còn tin là trong bọn họ cũng còn có người tốt; và ra là một số những người tôi được tiếp xúc. Tôi cho là họ phải khác những người kia. Và từ đó không có một biến cố nào khiến tôi mở mắt, cả cho tới ngày tôi bị tì: tôi vẫn còn ở chung với người da trắng và còn tin có những

người tốt trong bọn họ.

C — Mục sư bị giam riêng hay lẫn lộn với người da trắng?

M — Tù nhân thì ở lẫn lộn nhưng những người quản ngục đều là da trắng. Đó cũng là tình trạng chung ở bất cứ nơi nào được coi là có sống chung. Sống chung chỉ thấy ở đám dân bản cũng, lên đến hàng quản trị, điều khiển, mọi quyền hành đều trong tay người da trắng.

C — Mục sư bị giam giữ bao lâu?

M — Lỗi 7 năm.

C — Hồi mục sư bị giam giữ là lúc ở Boston phải không? Phải chính nơi đây Mục sư đã tiếp xúc với....

M — Mọi người trong gia đình tôi sau này đều theo đạo Hồi. Trong đó có một người sống với tôi một thời gian khá lâu trên đường phố Nữ Ước, khu Harlem. Ở đây anh có dịp tìm hiểu rồi theo đạo Hồi. Con người anh từ đó thay đổi toàn diện. Anh có viết cho tôi hay điều đó lúc tôi ở tù. Trước đó, tôi đã hoàn toàn chối bỏ Thiên chúa giáo. Khi ở tù, có đủ thì giờ suy nghĩ tôi mới thấy sự giả dối của Thiên Chúa giáo. Cảm nghĩ này đã mạnh mẽ trong đầu tôi ngay từ lúc tôi chưa vào tù. Phần đông những người sống với tôi hồi đó đều là da trắng, họ theo đạo Do thái hay Thiên chúa, và bên nào tôi cũng thấy bộ mặt giả dối. Chẳng có một ai thực hành những điều họ khuyên dạy người khác...

C — Mục sư Malcolm.

M — Xin lỗi ông — cho tôi nói tiếp. Hồi đó tuy tôi nhận được điều ấy nhưng trí óc còn non nớt nên tôi chưa đủ sức lãnh hội toàn diện vấn đề cũng như chưa có nhận định rõ ràng về con đường phải theo. Trước khi đạt tới trình độ thức tỉnh bắt đầu suy nghĩ và tìm hiểu về đạo Hồi. Thế rồi tôi hỏi tường lại những biến cố đã trải qua, những điều mắt thấy tai nghe trong những cuộc bàn cãi với người da trắng. Rồi thêm vào những

nhận xét trên những lời giảng của Muhammad...

C — Tôi hiểu.

M — Chính Muhammad đã hướng dẫn tôi tìm giải đi cho vấn đề và từ đó không một người nào ngoài ông những lý lẽ khuất phục được tôi nữa.

C — Xin Mục sư cho biết thêm về quãng đời lúc ở tù và vì sao bị giam.

M — Tôi đã nhúng tay vào một tội phạm. Tôi là không phải họ gán cho tôi. Tôi ở tù do hành động của tôi gây ra, thế thôi. Tôi không thấy cần gì phải ngăn ngừa hay cảm thấy khó chịu khi nói điều đó. Tôi tin rằng xã hội mà người ta gọi là Xã hội Thiên chúa đã tạo tất cả những yếu tố xô đẩy vào tù biết bao nhiêu người mà người ta gọi là dân da đen. Rồi khi vào tù, cái xã hội đó cũng chẳng tiên liệu phải làm gì để cải hóa tâm địa họ. Tất cả những gì mà người ta đã thực hiện là tạo một môi trường lý tưởng để gieo rắc mầm tội lỗi trong dân da đen. Chính tôi đã thấy những nhà nghiên cứu tội phạm, những nhân viên nhà giam tỏ vẻ ghê tởm phải cải hóa tù nhân. Tôi còn thấy mỗi lần một tên họ như lời họ thường nói cố gắng ăn năn hối cải thì lại được họ tiếp nhận với vẻ ít thiện cảm hơn là lúc anh ta còn nhiều ý tưởng tội lỗi. Giả dối ở chỗ đó. Không hề cải xã hội Thiên chúa giáo giả dối, mà cả hệ thống tư pháp cả hệ thống hình sự cũng đều giả dối hết. Trong khi Muhammad đến với chúng tôi với giáo lý chân chính của người. Hồi giáo đã cho tôi thấy đâu là chân lý, công lý và tự do. Dĩ nhiên chỉ cần so sánh giữa Thiên chúa giáo và Hồi giáo tôi thấy phải chọn Hồi giáo. Và bây giờ tôi thấy Hồi giáo thay đổi con người tôi như thế nào.

C — Theo nhận xét của tôi thì những người Hồi giáo da đen đã dành rất nhiều thì giờ và cố gắng để chiêu mộ tín đồ

các khám đường.

M — Điều đó không đúng.

C — Mục sư nói sao?

M — Hoàn toàn sai sự thực.

C — Thế còn cuốn sách của Eric Lincoln?

M — Có một điều Lincoln đã nói sai sự thực. Lincoln chỉ là một người truyền giáo Thiên Chúa ở Atlanta, Georgia. Ý muốn kiếm tiền nên viết một cuốn sách và đặt tên là «những người Hồi giáo da đen ở Mỹ». Chúng tôi đâu phải là những người Hồi giáo da đen. Chúng tôi là người da đen theo Hồi giáo vì chúng tôi đã chấp nhận đạo Hồi. Chỗ khéo của Lincoln là dùng chữ «Da đen» viết hoa để làm cho người đọc tưởng đó là tên một tổ chức. Sự thực tên đó chẳng gọi cho ta ý hướng cũng như mục tiêu tôn giáo nào hết.

C — Như vậy là Mục sư không có phát động thực sự một chiến dịch tuyển mộ người nào hết phải không?

M — Đúng vậy.

C — Thế còn việc giáo dục cải tạo...?

M — Hồi giáo sơ dĩ được phổ biến nhanh chóng trong các nhà tù là vì một người da đen trung bình nào cũng đã trải qua mọi đau khổ để đủ hiểu tất cả sự giả dối của xã hội chúng ta mà mục đích không phải là cải tạo con người. Vì thế khi nghe lời giảng của Muhammad, anh ta lấy lại được lòng kiêu hãnh về giống giống mình, lòng ham muốn được sống ra người và ý tưởng muốn tự cải tạo bản thân. Khi các nhà xã hội học, tâm lý học, phạm tội học hiểu là họ bất lực trong việc cải tạo tội nhân, Muhammad đã đến với họ, đã dùng lời giảng để cải tạo họ và kết quả thật phi thường. Họ coi đó như một hiện tượng xã hội hay tâm lý và đầu đầu cũng đến việc đó ra bàn tán.

C — Như vậy là Mục sư không phải đóng vai tích cực trong việc lôi kéo tín đồ phải không?



M — Elijah Muhammad thực ra chẳng có cố gắng tích cực nào để lôi kéo hay thu phục những người trong tù cũng như với tất cả các người da đen khác. Theo tôi có một điều ông nên hiểu là hiện nay ở Hoa kỳ có 20 triệu dân da đen ở trong tù. Chẳng cần phải ở khám Sing Sing mới là ở tù. Đã sinh ra là da đen tức là sinh ở trong tù. Bây giờ dân da đen đã bắt đầu coi số phận hèn kém, khổ sở của họ như là những người ở tù. Khi ngỏ lời với vị Tổng Thống, ông này đối với họ cũng chỉ là một viên giám ngục mà họ đòi mở cửa xà lim, nghĩa là chẳng có gì khác lạ. Giám ngục không cải tạo được họ, thì vị Tổng Thống nước này cũng chẳng làm sao cải tạo hoặc làm thay đổi ý kiến quần chúng da đen. Trong khi đó Muhammad đã đến các nhà giam giải thoát họ khỏi tay những kẻ kìm kẹp bắt họ mãi mãi là những tội nhân. Hành động của ông đã có tiếng vang khắp nước: Muhammad đã mang lời giảng của mình đến đám quần chúng da đen, đã cải tạo tâm hồn họ cũng như đã giúp họ vượt lên những tội xấu, những thói quen, những đau khổ để kìm giữ họ không cho thoát khỏi nanh vuốt của xã hội người da trắng.

C — Những điều Mục sư vừa nói đã giúp tôi hiểu chủ trương của phong trào những người Hồi giáo da đen. Qua những điều người ta viết về phong trào này, tôi thấy một số điểm chính là phong trào này cổ vũ sự thù hận đối với người da trắng, đề cao vai trò độc tôn của người da đen và trên thực tế đã tuyên bố mình thị hay mặc thị là chấp nhận sự đấu tranh bằng vũ lực như một điều không thể tránh được giữa các chủng tộc khác màu da.

M — Kể cũng lạ. Ông biết không, tuần trước dân Do thái ở thành phố này đã biểu tình phản đối một đảng viên Quốc Xã. Chiều qua tôi có được nghe một buổi phát thanh trong đó bình luận gia tỏ vẻ tán thưởng hành động của đám người Do thái trên. Tuy nhiên chẳng ai dám động gì về việc những người này hành hung người Quốc Xã kia. Và chính những người

Do thái này đã chấp nhận bạo lực do họ gây ra, đã tỏ ra ghét những người họ coi là kẻ thù, đã gia nhập những tổ chức da đen lại cũng là những người đã khuyến dân da đen không nên bạo động vì khi tỏ ra chống đối những người da trắng đã ức hiếp mình, tức là làm một hành động bất công, trái đạo và ngu xuẩn. Những người Hồi giáo theo Muhammad không chủ trương bạo động. Tuy nhiên, Muhammad đã dạy chúng tôi một điều: bất cứ một cá nhân nào có lương tri đều có quyền tự vệ. Ta không thể trách cứ một người da đen là kẻ hờ hạo bạo động khi y phải chống đỡ trước dân chó cắn y. Ông thấy không, có ai đã kết tội bạo động những kẻ thả chó cắn dân da đen chưa? Khi bàn đến vấn đề này, bao giờ người ta cũng làm lơ. Khi người da đen bị áp chế chịu hết nổi và phải ứng lại, chỉ lúc đó người ta mới bảo dân da đen là hung bạo. Trong khi đám da trắng đưa ra lý lẽ bao chữa cho hành động đối xử tàn nhẫn của họ với dân da đen, người ta lại không coi đó là một sự thù ghét. Cứ mỗi khi dân da đen vạch ra những xấu xa của người da trắng đã đối xử với họ từ trước đến giờ là người da trắng giáo quyết lại rêu rao bằng đường lối tuyên truyền mà họ nắm độc quyền là dân da đen có chủ trương thù ghét. Muhammad đã dạy chúng tôi phải thương yêu lẫn nhau. Ý tôi muốn nói là thương những người cùng chủng tộc như chúng tôi. Phần lớn dân da đen mà người ta thấy ba hoa tuyên bố là phải « yêu thương mọi người » thực sự họ chẳng có chút tình thương nào với người đồng chủng. Khi họ nói « hãy yêu thương mọi người » họ đã xui chúng tôi thương những người da trắng. Khi họ nói « hãy nhẫn nhục chịu đựng », ý họ muốn là hãy can răn chịu cho người da trắng hành hạ vì chính những người da đen bất



bạo động là những người chủ trương chính sách bắt bạo động. Nếu có một người da đen nào động tới họ, lập tức họ đánh đuổi y. suốt dọc khu phố Harlem. Chỉ khi nào có người da trắng đánh họ bấy giờ họ mới tía ở chủ nghĩa bắt bạo động.

C — Có phải ý mục sư muốn chỉ trích Mục sư Martin Luther King ?

M — Cần gì phải chỉ trích. Hành động của ông ta cũng đủ tố cáo ông ta rồi.

C — Ý mục sư muốn nói sao ?

M — Một người da đen nào khuyên những người đồng chủng mình bị người ta đánh đũa mà kìa cho kẻ thù tức là đã bắt những người này từ bỏ cái quyền thiêng liêng, hợp tình, hợp lý, đó là quyền được phép tự vệ. Mọi sinh vật trên trái đất này đều có thể tự vệ, đều có lý do để hành động như vậy, trừ dân Mỹ da đen. Và công việc của những kẻ như King là đi nói với những người da đen : « đừng chống cự gì hết » chứ không nói « đừng đánh lẫn nhau ». Ý họ muốn nói là « đừng đánh nhau với người da trắng ». Những người theo King đâm chém khích bác nhau nhưng lại bắt động khi người da trắng tấn công họ. Tuy nhiên, chính sách của King chỉ gây được ảnh hưởng trong một nhóm thiểu số. Đa số dân Mỹ da đen bây giờ ngả về Elijah Muhammad.

C — Nhưng có phải đúng là...

M — Chính người da trắng đã ủng hộ King. Họ đã thuê King, giúp đỡ King về tài chánh... Nhưng đa số dân da đen không theo King. King là khi giới hữu hiệu nhất trong tay người da trắng. Vì King mà mỗi lần người da trắng muốn tấn công người da đen, những người này không thể chống trả lại vì King đã dạy họ cái đường lối ngu xuẩn là đừng có chống

trả, tự vệ gì hết.

C — Nhưng mục sư có nhận là phong trào của mục sư King là thành công ở Montgomery.

M — Xin lỗi, phải ý ông muốn nói là các ông đã thành công không ?

C — Tôi muốn nói là cái vụ ở Birmingham có phải là một hành công của King không ?

M — Thành công cái nổi gì. Được ngồi trong một « snack » uống cà phê, ăn bánh, như vậy gọi là thành công ư ? Những người bị tù đày có phải bỗng nhiên mà được thả ra đâu. King phải nộp tiền tại ngoại cho họ. Như thế là họ phải trả tiền mới được ra tù thì còn nói hành công, tiến bộ ở chỗ nào ?

C — Theo quan điểm của người Hồi giáo, thế nào được gọi là một sự tiến bộ ?

M — Mỗi khi một đàn chó cắn đàn bà, trẻ con da đen — tôi muốn nói đây là những con chó bốn chân cũng như hai chân đã hành hạ dân da đen — nếu có một kẻ nào tự xưng mình là lãnh tụ chịu chấp nhận một thỏa hiệp hay một sự mặc cả với bọn đã đánh đập người của mình miễn chúng sẵn lòng kiếm việc làm cho « Một » người da đen, và việc đó đối với tôi chẳng có gì gọi là một thành công, vì tôi còn cho đó là một sự phản bội. Tình cảnh dân da đen ở Birmingham bây giờ còn tệ hơn trước. Rồi bây giờ người ta lại bảo tôi là tình hình bây giờ đã khá hơn vì hiện nay đã có một người da trắng khác, một người da trắng miền Nam lên cầm quyền. Nói thế chẳng khác gì bảo tôi là nên chơi với chồn còn hơn là với chó sói. Trước kia, những kẻ chúng tôi phải đương đầu là chó sói nhưng họ tự nhận là chó sói. Bây giờ chúng tôi lại gặp một kẻ chồn nhưng chồn này cũng chẳng hơn gì chó sói kia. Có

hơn là chỉ ở cái tài ru ngủ dân da đen. Y sẽ cứ tiếp tục làm việc đó chừng nào họ còn nghe theo Martin Luther King.

C — Xin Mục sư cho biết mục tiêu hiện thời của người Hồi giáo da đen và phong trào Hồi giáo da đen đòi hỏi những gì ở Birmingham, Montgomery, Jackson và Mississippi.

M — Trước hết, Elijah Muhammad dạy chúng tôi là những chính trị gia chẳng khi nào giải quyết nổi vấn đề. Chỉ Thượng Đế mới đem đến giải thoát và bây giờ người da đen xứ này chỉ còn cách tranh đấu cho mình nếu muốn kẻ khác phải nể sợ, thừa nhận mình, tranh đấu để dành chỗ đứng cho mình. Đường lối giải thoát của Thượng đế đưa ra cho Muhammad chẳng khác nào đường lối Thượng đế truyền cho Moïse lúc dân Hébreux trong thánh kinh đang phải chịu đau khổ như dân Mỹ da đen ngày nay vì nói cho cùng họ chỉ là một thứ dân nô lệ mới ở một xứ Ai cập, một thành Babylone kiểu mới. Và giải pháp của Moïse là tách dân nô lệ khỏi đám chủ mới. Và hướng dẫn họ đi tìm một giải đất cho riêng họ. Ở đó họ được tự do thờ Chúa của họ, theo tôn giáo của họ và được quyền sinh sống chẳng phải nhờ đến ai.

C — Nói như vậy tức là phong trào của những người theo Hồi giáo da đen.

M — Không, đó không phải là một phong trào của người Hồi giáo da đen.

C — Nếu vậy thì...

M — Chúng tôi là những người da đen theo Hồi giáo và chúng tôi tin ở nơi giáo lý đạo Hồi.

C — Có phải phong trào dưới sự lãnh đạo tài ba của Mục sư chủ trương ly khai thật sự không?

M — Phải. Một sự ly khai chẳng những về chung đụng thể xác mà còn về tinh thần nữa. Chính vì thế mà Muhammad đã dạy dân da đen xứ này phải chừa uống rượu, hút xách, những thú vui nhục dục, chừa bài bạc, gian lận, cư xử đàng

đang với phụ nữ, tu sửa tư cách làm phụ huynh để nêu gương tốt cho con em. Có bỏ được những tật hư thói xấu đó con người mới trở nên thành thiện, công bằng chính trực. Và như thế có nghĩa là bây giờ chúng tôi mới đủ tư cách đứng bên Thượng đế. Thượng đế sẽ che chở chúng tôi và bây giờ việc đạt mục tiêu không có gì khó.

C — Tóm lại là phong trào của Mục sư không theo đuổi những mục tiêu hòa đồng của những hội như N. A. A. CP (Hiệp hội Quốc gia cải thiện đời sống dân da màu), C.O.R.E (đại hội tranh đấu cho bình đẳng giữa các chủng tộc) và phong trào bất bạo động của các trường Đại học, có phải như vậy không?

M — Muhammad đã dạy chúng tôi là Hòa đồng chỉ là một mưu mô của người da trắng để ru ngủ dân da đen bằng cách làm cho họ tin là thái độ người da trắng đã thay đổi và thực sự muốn họ ở lại đất nước này. Nhưng đã đến lúc Mỹ Quốc xưa kia gieo gió cho dân da đen bây giờ sắp phải gặt bão. Cũng như Ai Cập đã phải đền tội vì đã cùm kẹp dân Hébreux trong vòng nô lệ, Muhammad bảo chúng tôi Mỹ Quốc cũng phải trả nợ máu vì đã phạm tội bắt dân da đen phải sống trong nô lệ.

C — Có một nghi vấn làm tôi thắc mắc nhiều về phong trào của ông. Đó là vụ Rockwell đã tuyên bố y là người Mỹ Quốc xã chủ trương thuyết da trắng độc tôn thể mà lại được đề cao trong một buổi.

M — Điều đó sai sự thực

C — Hay là tôi lầm chăng?

M — Báo chí đã tường thuật sai lầm về vụ đó. Và người Do thái đã lợi dụng việc này để tuyên truyền chống người Hồi giáo xứ này. Sự thực như sau: Muhammad có tổ chức một đại hội và mời rất đông người tham dự, kể cả người da trắng (cũng chính vì lý do này mà từ giờ chúng tôi không cho người da trắng dự các buổi hội của



chúng tôi nữa). Trong buổi hội đó, Rockwell cũng đến như những người da trắng khác. Khi chúng tôi cho mở cuộc quyền tiền, chúng tôi có kê tên những người đóng góp trong đó có Rockwell. Thế là người ta đã lợi dụng vụ này để cho người ngoài có cảm tưởng là Rockwell giúp đỡ tiền bạc cho những người Hồi giáo. Trong một buổi hội khác, Rockwell lại đến dự. Lần này Muhammad cho phép mọi người được lên diễn đàn bày tỏ ý kiến. Rockwell có phát biểu tuy ý không được người ta gọi lên diễn đàn. Ý đã nói trước mấy phóng thanh của đám người da trắng dùng trong buổi họp đó. Thế rồi báo chí Do Thái đã lợi dụng vụ này để tuyên truyền gây cảm tưởng là Rockwell cũng một phe với người Hồi giáo. Nhưng phải công bình mà nói, Rockwell đã thực hành những điều y nói. Còn những người da trắng khác đang múa may, ba hoa là mình có óc tiến bộ và tỏ ra thân mật với dân da đen nhưng trong thâm tâm họ cũng nghĩ như Rockwell, chỉ khác y ở luận điệu mà thôi.

C — Mục sư thường đề cập nhiều về người Do Thái, về báo chí và tuyên truyền của họ trong buổi thảo luận hôm nay. Người ta còn thường nói là tinh thần bài Do Thái là một yếu tố chính trong phong trào của Mục sư và rồi tôi lại thấy Mục sư cải chính điều đó.

M — Không, chúng tôi...

C — Mục sư có thể giải thích quan điểm của Mục sư về vấn đề này không?

M — Những người theo Muhammad chẳng chống đối gì hết ngoài bất công, bóc lột và áp bức. Nhiều người Do Thái có mặc cảm phạm tội khi người ta nói tới bóc lột bởi vì họ biết mình nắm trong tay 90% những hoạt động buôn bán trong đám dân da đen từ Đại Tây Dương đến bờ Thái Bình Dương và số lời lãi họ kiếm được còn lớn hơn cả những

phần da trắng khác. Khi có ai nói đến vụ dân da đen bóc lột, người Do Thái có cảm tưởng là người ta ám chỉ họ. Để khỏi bị cái mặc cảm ấy ám ảnh, họ liền kết tội người ta là bài Do Thái.

C — Mục sư có cho là người Do Thái bóc lột hơn...

M — Trong hầu hết tổ chức của người da đen nào cũng có một người Do Thái. Arthur. T. Spingarn, chủ tịch hội N.A.A.C.P. cũng là người Do Thái. Nhưng ngược lại họ có bao giờ để cho người ngoài vào làm chủ tịch hội B'nai B'rith hay những tổ chức khác của họ.

C — Xin cảm ơn Mục sư rất nhiều, Mục sư đã trình bày cho tôi biết những nét quan trọng của phong trào cũng như quan điểm của Mục sư. Bây giờ chúng tôi đã hiểu rõ hơn một số mục tiêu của phong trào. Nếu còn dư chút thì giờ và nếu có thể được, xin mục sư cho biết có ý nghĩ gì về tương lai của dân da đen ở Hoa Kỳ, ngoài viễn tượng ly khai?

M — Tôi sẵn lòng chiều ý ông. Chúng nào những người da đen còn cứ đến gặp thảo luận với viên Bộ Trưởng Tư pháp, chúng nào họ còn dính liú liên lạc với người da trắng, để chủng tộc sẽ mãi mãi còn được đặt ra. Khi Baldwin dẫn đám người đó đến gặp Kennedy, ông đã chọn làm người. Chúng nào vẫn còn loại người đó đến nói chuyện với viên Bộ Trưởng kia, khó lòng mà tìm được giải pháp cho vấn đề chủng tộc ở Mỹ.



## Martin Luther King

ĐỐI với tôi, rõ ràng triết lý thương yêu kẻ áp chế mình của Martin Luther King là sắc thái chân thật của bản chất con người ông. Chính ông cũng không cho là có sự khác biệt giữa triết lý đó với phương pháp hữu hiệu của hành động trực tiếp bất bạo động đòi công lý giữa các chủng tộc mà ông là linh hồn và lãnh tụ... Với ông, triết lý này không phải chỉ là một chiến lược mà đó là một chân lý, một phương thế để củng cố quan điểm triết học của ông chủ trương người ta không thể nào tách rời cánh khỏi phương tiện. Giọng nói bình tĩnh, trầm trầm, thông thái lắm khi đến làm người nghe khó chịu là phản ảnh trung thành của con người ông. Ông đã dung hòa được cái mâu thuẫn của con người của sách vở và con người hành động.

Martin Luther King hãy còn trẻ, về người đáng mến và trầm tĩnh. Trông bề ngoài, ông chẳng có gì một lãnh tụ can trường của biết bao nhiêu cuộc biểu tình. Khó có thể tưởng tượng một người như ông đã nhiều lần liều mạng sống, một người chỉ dựa vào sức mạnh của tư thế mình và của niềm tin sắt đá đã làm rung động cả nước Mỹ. Ông chính là hiện thân của cái sĩ khí cần cho kẻ muốn xứng đáng là người,

CLARK — Tháng chạp năm 1955 một biên cố ở Montgomery Alabama đã đưa một người trẻ tuổi lên sân khấu chính trị quốc gia và quốc tế: Mục sư Martin Luther King đã thành công trong việc tổ chức một cuộc tẩy chay xe buýt ở Montgomery. Nhờ hành động đó, dân da đen ở thành phố này đã tỏ cho thế giới biết là họ không còn cam phận chịu làm một thứ công dân hèn kém nữa. Từ ngày ấy, King trở thành tượng trưng của nhân phẩm của sự kiên trì và quyết tâm đòi được hưởng quyền của người công dân Mỹ, một đòi hỏi căn bản của phong trào dân da đen hiện nay. Thừa mục sư, tôi biết rằng khắp nước Mỹ mọi người đang theo dõi đường lối đấu tranh của ông ở Birmingham. Nhưng trước khi bàn đến vấn đề này đang sôi động trên sách báo, đài phát thanh, tôi muốn được hiểu thêm về cá nhân mục sư như sinh quán, gia đình v.v...

KING — Xin chào ý ông. Tôi sinh ở Atlanta, Georgie và sống ở đó suốt thời niên thiếu, từ tiểu học đến đại học cũng ở đó.

C — Mục sư theo học trường Đại học nào?

K — Phân khoa Morehouse ở Atlanta.

C — Có phải thuộc trường đại học Atlanta không ạ?

K — Phải. Tôi lớn lên trong một gia đình có đạo. Cha tôi làm mục sư ở nhà thờ Ebenezer ở Atlanta từ hồi ông 33 tuổi. Bây giờ ông cũng ở giữ chức đó với cha tôi ở nhà thờ đó. Gia đình tôi tất cả có ba anh em, một em trai và một em gái.

C — Người em trai có làm mục sư không?

K — Có, em trai tôi cũng làm mục sư ở nhà thờ Birmingham, Alabama.

C — Thế còn người em gái?

K — Hiện nay em tôi làm giáo sư đại học Spelman ở Atlanta.

C — Tôi nhớ hồi gặp mục sư ở Montgomery có phải

Mục sư có thêm một con trai mới sinh ngay trước lúc vụ bạo động xảy ra không?

K — Phải, nhưng là con gái. Đứa thứ hai mới là con trai. Đến nay, tôi có thêm hai đứa nữa và bây giờ cả thấy là bốn hai trai, hai gái, đứa sau này là gái mới sinh được chín tuần.

C — Kề cũng lạ. Phải nói là mấy đứa con của mục sư chào đời đúng vào những lúc có những biến động lớn lao.

K — Ông nói đúng. Mỗi lần có con là tôi lại có thêm một sinh lực mới.

C — Xin cho biết có phải mục sư rời Morehouse đi theo môn Triết ở trường Đại học Boston không?

K — Không đúng hẳn. Trước khi đi Boston tôi có qua học Chứng viện Thần học Crozer ở Pensylvanie.

C — Nếu tôi không lầm thì mục sư đã đậu bằng Tiến sĩ Triết học ở Đại học Boston.

K — Đúng. Tôi đậu về Thần Học.

C — Bây giờ xin phép mục sư qua tới vai trò giáo sư của mục sư trong quần chúng. Đọc báo tôi thấy rằng những mục sư đóng vai tích cực trong nhiều cuộc biểu tình mà còn phải chịu nhiều khổ cực vì vào tù ra khám. Tôi tự hỏi không biết Mục sư đã bị tù mấy lần sau những vụ tham gia phong trào bất bạo động để tranh đấu cho quyền công dân của người da đen.

K — Tôi bị bắt mười bốn lần kể từ vụ Montgomery. Có khi tôi bị giam nhiều lần ở cùng một khám đường. Tôi không nhớ rõ đã qua bao nhiêu khám, có lẽ con số đó là tám thì phải. Tôi nhớ có lần chỉ trong có tám ngày tôi đã vào ba khám khác nhau ở Georgie.

C — Đã có lần nào Mục sư thử tìm hiểu về một khám đường, với những người quản ngục diễn hình mà Mục sư đã gặp chưa? Họ thuộc loại người nào hay thuộc nhiều loại khác nhau?

K — Tôi đã nghĩ đến việc so sánh những khác biệt giữa các nhà tù, điều này dễ hiểu vì như vậy cũng là cách để tiêu thời giờ cho đỡ buồn. Tôi thấy có sự khác biệt. Có những khám đường tối tăm nhưng cũng có những khám rất xua. Hồi tôi bị giam gần đây ở Birmingham, tôi được ở một khám đường mới. Năm ngoái ở Georgie tôi nằm ở một khám đường xây không biết từ hồi nào.

C — Những viên quản ngục thuộc loại người như thế nào? Họ đối với mục sư ra sao?

K — Có những nơi họ tỏ ra lễ phép đặc biệt và tìm mọi cách giúp tôi bớt nỗi cực. Ngược lại, tôi thấy ở những chỗ khác quản ngục rất là bạo ngược, hống hách trong lời nói, cử chỉ. Tôi chưa bị họ hành hạ đánh đập nhưng đã bị họ xỉ vả gay gắt. Ngay ở Birmingham mới có mấy ngày đầu mà một số quản ngục đã tỏ ra rất tàn bạo.

C — Mục sư đã có lần nào ở một khám đường chung với người da trắng chưa?

K — Chưa.

C — Khi các nơi công cộng đã mở rộng cho mọi chủng tộc, Mục sư có cho là giai đoạn cuối cùng phải thực hiện là xóa bỏ chính sách phân chia kỳ thị trong các nhà tù không?

K — Dĩ nhiên.

C — Tôi rất thường hay tìm hiểu chủ trương bất bạo động và đặc biệt tôi muốn biết rõ thêm về những tương quan giữa kỹ thuật mà mục sư đã áp dụng rất hiệu quả với cái triết lý mà tôi tạm gọi là « tình thương kẻ áp chế mình ».

K — Một bên là phương pháp hành động: hành động trực tiếp bất bạo động là một cách để cải tạo một xã hội bất công. Nó bao hàm một kỹ thuật thực tiễn gạt bỏ sự bạo động bất cứ trường hợp nào. Còn về triết lý tình thương thì lại ở vào một phạm trù khác. Nó đòi hỏi phải chấp nhận bất bạo động như một phương châm chỉ đạo trong đời sống.



Nhiều người chấp nhận bất bạo động trên khía cạnh kỹ thuật nhưng họ chưa đi đến chỗ coi nó như là một qui luật sống cần thiết. Đối với tôi, tôi chấp nhận cả hai. Tôi cho rằng sự phản kháng bất bạo động là khí giới hữu hiệu nhất của những người bị áp bức trong cuộc đấu tranh đòi tự do và nhân phẩm. Đường lối đó sẽ biến kẻ thù trở nên bất lực, làm y mất tinh thần và đồng thời khiến y bị lương tâm cắn rứt, không biết phải phản ứng ra sao. Tôi đã nhận thấy rõ điều này trong thời kỳ chúng tôi đấu tranh ở miền Nam. Trở lại vấn đề tình thương tôi thấy đó cũng là một điều rất quan trọng vì sự oán thù gây tổn thương chẳng những cho kẻ chủ động mà cả cho kẻ là đối tượng của nó nữa. Nhiều bác sĩ về thần kinh đã nói trong tiềm thức có nhiều những gì bí ẩn, với những dẫn vật nội tâm bắt nguồn từ sự oán hờn. Và họ kết luận « Hãy yêu thương hoặc là chết ». Eric Fromm đã viết một cuốn sách về « Nghệ thuật yêu » và chứng minh tình thương là nguyên lý hội nhập tốt cùng của cuộc sống, vì thế tôi cố gắng chứng minh là trong lúc này phải theo đường lối bất bạo động, khí giới hữu hiệu nhất của chúng tôi. Nhưng hơn nữa phải tuân theo triết lý bất bạo động là nguồn sinh lực để kéo mình trở về với con người của mình.

C — Nhưng như vậy có phải là đòi hỏi một sự hi sinh quá mức không? Liệu cơ thể tin được là những nạn nhân của sự tàn bạo và bất công có thể nào còn tình thương đối với kẻ hành hạ mình và đồng lõa của chúng không? Làm sao có thể tin tưởng là những người da đen ở Birmingham từng biết Bull Connor (1) lại có thể miễn hẳn thực sự được?

K — Ông ạ, tôi nghĩ bây giờ ta nên tìm hiểu nghĩa chữ « tình thương ». Thực sự đây không phải là một thứ tình cảm

(1) Bull Connor: Cảnh sát trưởng ở Birmingham nổi tiếng về thái độ khắc nghiệt đối với dân biểu tình da đen.

triu mến. Tôi cho là một điều khôi hài khi hô hào những người bị áp bức yêu kẻ hành hạ mình một cách tha thiết. Tôi thường tìm trong tiếng Hy Lạp đề lưu ý mình là chữ « yêu » (eros) có ba nghĩa. Nghĩa thứ nhất chỉ một thứ tình yêu cao đẹp và lãng mạn. Nghĩa thứ nhì (phileo) hay « cảm tình » chỉ sự tương thân tương ái giữa bạn bè. Nghĩa thứ ba (agapé) chỉ sự cảm thông, thiện ý cải tạo và hồi chuộc nơi mỗi người và như vậy nghĩa này không bao hàm ý tưởng thương mến. Vậy khi tôi nói đến...

C — Như vậy « tình thương » đây có nghĩa là một sự thông cảm, phải vậy không thưa Mục sư?

K — Đúng như vậy. Và người ta đi đến chỗ có thể thông cảm với kẻ làm hại mình tuy vẫn ghét hành động xấu của y gây ra cho mình. Ở đây nhất định là không có vấn đề tình bạn. Khó lòng mà tôi có thể hợp với những người như Bull Connor, Thượng nghị sĩ Eastman nhưng tôi nghĩ người ta có thể thương những người mà mình không hòa đồng được bởi vì cuộc sống bao hàm một cái gì là tình thương.

C — Tôi thường rất tán phục là Mục sư lại có thể nuôi dưỡng được cái tình cảm cao đẹp ấy và phải thú thực là khi đọc tư tưởng của Mục sư về triết lý tình thương tôi thường cảm thấy khó lòng theo kịp. Malcolm X, một trong những người chủ trương có ảnh hưởng nhất của chính sách những người Hồi giáo da đen đã nói là phong trào và chủ trương của Mục sư đã bị bọn thống trị da trắng lợi dụng và chúng rất vui mừng khi nghe Mục sư thuyết về tình thương đối với kẻ áp chế. Malcolm cho như vậy tức là làm nhục nhuệ khí của người da đen, là khép họ lại trong cái khuôn khổ đã chấp nhận sẵn về một thứ người khúm núm, quỳ lụy, sẵn sàng đưa má kia cho kẻ tấn công mình. Xin Mục sư cho biết ý kiến về quan điểm của Malcolm X.

K — Ở đây tôi không coi tình thương như một thứ tình cảm ủy mị. Tôi không cho đó là một động lực yếu hèn mà



trái lại một cái gì vững mạnh, đầy tính sáng tạo, với một sức tác động mãnh liệt. Đó là điều tôi đang cố gắng chứng minh trong cuộc đấu tranh của chúng tôi ở miền Nam. Đấu tranh của chúng tôi không có nghĩa là ngồi yên một chỗ rồi chẳng làm gì cả. Nên nhớ là giữa sự không phản ứng chống đối bạo quyền và sự chống đối bất bạo động có một sự khác nhau nhiều lắm. Khi ta không phản ứng ta ở trong một tình trạng thụ động, tri trệ, cầu an rất nguy hiểm. Trái lại phản ứng bằng đường lối bất bạo động có nghĩa là chúng ta quyết tâm chống đối thật sự. Tôi nghĩ rằng những người chỉ trích chúng tôi đã không thấy cái mãnh lực của sự chống đối bất bạo động vì đã lầm chủ trương này với đường lối thụ động.

C — *Malcolm X* Còn nói nhiều nữa trong những lời ông ấy tuyên bố với tôi. Ông ta cho rằng cái triết lý thương kẻ áp chế của Mục sư với phong trào bất bạo động chỉ là một vớ vẩn dĩ người da trắng ủng hộ phong trào vì nhờ đó họ cảm thấy yên tâm hơn và càng tin tưởng là dân da đen chỉ là những người mang sẵn bản chất nô lệ và lười biếng.

K — Tôi thấy hiểu như vậy là sai. Ai đã từng tham dự phong trào bất bạo động ở miền Nam kể từ ngày có vụ Montgomery cho tới những tổ chức « hành trình tranh đấu tự do » « nằm vạ tại các nơi công cộng » (1) rồi tiếp đến vụ Birmingham mới đây và nhận những dịp đó đã thấy phản ứng của giới quá khích, phản động da trắng đều không thể nào nói là đường lối của chúng tôi đã làm người da trắng yên tâm. Tôi đã mục kích nhiều lần họ tỏ vẻ hồ thẹn. Tôi nghĩ là phong trào đã làm xúc động lương tri của họ, đã gởi cho họ một thứ mặc cảm tội lỗi tuy bên ngoài họ tỏ ra hung hăng

quyết liệt mà thực tình làm vậy chỉ để cố quên cái mặc cảm đó.

C — *Jame Baldwin* có nêu lên vấn đề kỹ thuật áp dụng trong chủ trương bất bạo động. Tuy không chối bỏ chủ trương này như *Malcolm X* song ông có đưa ra thắc mắc là liệu có thể duy trì đường lối đó được lâu không nếu còn có những cuộc biểu tình như ở Birmingham, nơi cảnh sát đã xưa chó đàn áp người da đen. Xin Mục sư cho biết ý kiến về điểm thắc mắc này của Baldwin.

K — Dĩ nhiên là những hành động dã man của cảnh sát ở Birmingham và ở những nơi khác gây cảm phần trong đám người da đen. Rồi đến một lúc nào đó bị khiêu khích quá đáng họ sẽ có phản ứng lại bằng vũ lực. Tuy nhiên tôi vẫn tin chắc là đa số dân chúng da đen tham dự vào các cuộc biểu tình đều hiểu rõ chủ trương bất bạo động và họ sẽ không đáp lại vũ lực bằng vũ lực vì biết rõ nguyên tắc căn bản của bất bạo động là phải sẵn sàng chịu đựng vũ lực mà không sử dụng nó để chống lại kẻ khác. Trong vụ Birmingham không một người biểu tình nào đã tỏ ra có hành vi bạo động. Nếu có chăng cũng chỉ là một số ít không thuộc phong trào, không dự biểu tình hay những cuộc họp và chưa qua một thời gian huấn luyện về bất bạo động. Vấn đề của chúng tôi bây giờ không phải chỉ phổ biến chính sách trong đám người biểu tình mà mở rộng phạm vi ra đến quảng đại quần chúng.

C — Xin cho biết Mục sư đã làm thế nào để duy trì được kỷ luật, tinh thần tự chủ cũng như phẩm cách đáng kính trọng làm người tham dự cuộc biểu tình. Điều làm tôi thần phục là làm quần chúng đó không dưới sự chỉ huy có hệ thống chặt chẽ của một tổ chức nào.

K — Chúng tôi cố gắng rất nhiều trong việc huấn luyện đường lối bất bạo động trên khía cạnh lý thuyết cũng như thực hành. Chúng tôi còn tổ chức những lớp để dạy cho nhau

(1) Đây là những phương sách bất bạo động dưới hình thức nộ đấu đông tràn vào những xe cộ nay những nơi dành cho người da trắng.

hiều một cuộc đàn áp sẽ xảy đến như thế nào. Lối huấn luyện này đã tỏ ra rất hữu ích để sửa soạn quần chúng tham dự biểu tình.

C — Trẻ con được huấn luyện như vậy không?

K — Trẻ con cũng vậy. Ở Birmingham có rất nhiều giới trẻ tham dự. Có đứa mới lên 7 đã theo học lớp huấn luyện. Trên thực tế, bất cứ người nào tham dự biểu tình đều đã được học hỏi trước. Nhờ phương pháp giảng dạy này mà chúng tôi đã gây được ý thức về đường lối bất bạo động trong quần chúng. Phong trào mỗi ngày thêm lớn rộng. Dân địa phương cũng bàn về đường lối đó và tỏ ra hãnh diện từ tưởng đối với chân lý đó. Tư tưởng của chúng tôi sẽ đi đến phổ biến sâu rộng vì danh từ bất bạo động đã trở thành một thứ ngôn ngữ gắn liền với đời sống chúng tôi.

C — Thừa mục sư, tôi muốn biết giữa phong trào của mục sư và những tổ chức như N.A.A.C.P., C.O.R.E và Ủy ban đoàn kết các sinh viên chủ trương bất bạo động có liên lạc gì với nhau hay có những hoạt động phối hợp không?

K — Có. Tuy đó là những tổ chức tự trị nhưng tất cả chúng tôi hợp tác trong nhiều lãnh vực. Năm ngoái chúng tôi đã cùng phát động một chiến dịch mạnh mẽ cho việc danh bầu cử. Có khi hai hay ba tổ chức cùng làm việc trên một khu vực ở Birmingham chúng tôi được sự trợ lực của ban sinh viên chủ trương bất bạo động, C.O.R.E. và N.A.A.C.P. Họ gửi giúp chúng tôi nhân viên: Roy Wilkins, tổng thư ký N.A.A.C.P. đã tới phát biểu ý kiến trong một cuộc họp: chúng tôi và tuyên bố ủng hộ chúng tôi. Tóm lại, chúng tôi đã cộng tác chặt chẽ và sau này còn sẽ phối hợp hành động chung tích cực hơn nữa.

C — Hiện thời đã có một hệ thống phối hợp hoạt động nào chưa?

K — Chúng tôi đã tổ chức được một ủy ban phối hợp hoạt động. Tuy chương trình nhiều khi quá bề bộn chúng tôi cũng tổ chức thường xuyên những phiên họp để các lãnh tụ phong trào hoạch định các công tác hoạt động chung.

C — Mục sư đã lần nào với tư cách cá nhân hay nhân danh phong trào lên tiếng kêu gọi chánh phủ liên bang hãy lưu ý nhiều hơn nữa trong vấn đề dân quyền của người da đen chưa?

K — Có. Tôi và một số hội viên trong Đại hội các nhà lãnh đạo Thiên chúa Giáo miền Nam (1) đã kêu gọi Tổng Thống và tân chánh phủ nên tích cực giải quyết vấn đề bất công giữa các chủng tộc. Tôi nghĩ là ông Kennedy đã cố gắng và thảo luận được một vài kết quả quan trọng trong lãnh vực dân quyền nhưng tôi vẫn có cảm tưởng ông vẫn chưa tỏ ra có thái độ cương quyết xét ra rất cần để đối phó với một vấn đề trọng đại như vậy.

C — Phải ông Kennedy mà Mục sư đề cập ở đây chính là Tổng Thống không?

K — Phải. Tôi đang nói về Tổng thống Kennedy nhưng những điều đó cũng đúng với ông Kennedy Bộ trưởng Tư Pháp. Tôi cho cả hai đều là những người có thiện chí nhưng chưa ý thức được tầm rộng lớn của vấn đề mà tôi thấy là vô cùng khẩn thiết trong lúc này. Không thể trì hoãn lâu được nữa. Biến cố mỗi lúc một dồn dập và đâu đâu người da đen cũng đang lên tiếng đòi hỏi phải công nhận ngay bây giờ quyền công dân của họ.

C — Quan điểm này có bị một số người cho là quá cực đoan nghĩa là thiếu thực tế không?

K — Tôi chắc là có một số người nghĩ như vậy nhưng tôi thấy họ cần phải hiểu rõ tình hình hơn. Cuộc sống hiện

(1) Phong trào này do Martin Luther King và một số mục sư khởi xướng sau vụ Montgomery.



tại trên thế giới này không cho phép chúng ta quá ư tự trọng chậm chạp trong hành động, nhất là giữa lúc phong trào người da đen khao khát đòi nhân phẩm đang lên cao.

C — Thưa Mục sư, theo ý Mục sư thì phong trào hiện tại của người da đen quyết liệt đòi hỏi quyền công dân có thể thực công được không ?

K — Tôi tin như vậy, tuy trên thực tế phải nhận chúng tôi còn phải qua nhiều thử thách cam go nhất ở miền Nam. Ngay cả ở miền Bắc cũng còn một số vấn đề khó khăn, nhất là vấn đề kỹ thi về việc làm và nhà ở. Nhưng tôi tin là sẽ không có những tranh chấp, xung đột lớn vì hiện nay có nhiều động lực mới thuận lợi cho chúng tôi: ở luận thế giới, sự thức tỉnh trong số đông người da trắng Mỹ và của những tổ chức tôn giáo, ý chí quyết liệt của người da đen; sự phát triển kỹ nghệ ở miền Nam, tất cả những yếu tố đó chắc chắn sẽ giúp chúng tôi đạt được mục tiêu.

C — Như vậy, có nghĩa là mục sư tin tưởng ở tương lai.

K — Phải.

C — Tôi xin cảm ơn Mục sư vì đã tin tưởng và hành động như vậy.

K — Cảm ơn ông.

TRẦN CAO LUẬN dịch

# TRIỂN LÃM TRANH NGUYỄN ĐỒNG, ĐÌNH NGỌC MÔ, NGUYỄN HỮU CẦU.

NÓI về tranh là làm một việc hơi lẩn át hội họa, vốn tự nó đã nói lên được rất nhiều — ít nhất là đối với một người thưởng ngoạn biết nhìn, hay chịu khó nhìn. Nói về tranh của ba họa sĩ Nguyễn Đồng, Đình Ngọc Mô và Nguyễn Hữu Cầu là nói về tiếng nói của ba thế giới gần gũi nhưng riêng biệt, được xác định bằng những cá tính mạnh mẽ. Với 18 bức sơn dầu, gồm đủ loại, hình dung, vô hình dung (1) trong số có một hai bức đã được trưng bày lần trước, thứ ánh sáng mà màu sắc đã đem lại trong phòng triển

lãm của Trung Tâm Văn Hóa Pháp là một thứ ánh sáng đuổi mất bóng tối và kéo dài buổi ban ngày, nói theo kiểu Kandinsky. Nhưng điều đáng nhắc đến hơn hết về phòng tranh không phải ở thứ ánh sáng đó, mà ở cái cảm tưởng đầu tiên của người xem, ở bước tiến thật dài của ba họa sĩ so với kỳ triển lãm trước, ở một công trình tìm kiếm lâu dài, chân thật, không phải chỉ tìm kiếm

(1) Có thể nói đến một bức tranh trừu tượng hay không ?

một hình thể mà còn là một tác dụng, một cơ năng, là điều đã giúp các họa sĩ thoát khỏi tình thần *formaliste* (2).

Nguyễn Đồng thường dùng các màu tối và dịu, nhất là trong những tĩnh vật. Trái với phần đông, nếu không bảo là hầu hết các họa sĩ ở đây, Nguyễn Đồng vẽ hoa thường dùng *monochrome*, do đó cũng với một ước muốn biểu lộ rõ rệt ở bức Hoa (số 5) nhằm gạt bỏ những chi tiết nhảm chán không quan trọng, chủ tâm dùng *monochrome* đã tạo cho các bức hoa và một số tĩnh vật của anh một trọng lượng vững vàng, chắc chắn, mà ta ít thấy được ở các họa sĩ nhà nghề khác. Nếu lon xanh và xanh lá cây ở các bức Bè (số 7) và Trăng (số 9) đã làm cho cánh vật dịu hơn, trầm hơn, và có chiều sâu hơn, thì bức Trung Hồ Cầm (số 11) với những màu cực kỳ tối sẫm, đã gợi được (nơi những người xem có cái nhìn ít

hiều ý thức) một rung động tâm linh (*vibration psychique*). Chiều sâu và sự rung động này đôi khi bị mất đi bởi những đường nét thật đậm mà ta có thể đoán được là đã không đáp ứng chủ tâm của họa sĩ, như ở bức Người Và Mặt Trời Lam (số 15), nhưng trái lại cũng chính những đường nét này ở các bức khác, như Phố Mưa Dalat (số 6) và Trung Hồ Cầm (số 11) của anh (ở đây ta có thể thêm Phong Cảnh (số 1) của Nguyễn Hữu Cầu thì thoát từa có lẽ bắt đầu bằng một cố gắng nhằm liên kết một ý tưởng nào đó về đối tượng (*objet*) với sự trình bày thật thuần túy cái mà Paul Klee gọi là yếu tố « *ligne* » — những đường nét đôi khi dè dặt cho người xem lạc hướng

(2) Đầu đó trong các bài giảng về Nghệ Thuật Mới của ông, Paul Klee có cho rằng hình thể mà không có tác dụng (*forme sans fonction*) đưa đến *formalisme*.

nhưng lại hàm súc vô cùng. Người ta không cần nghĩa nghệ thuật (3) dĩ nhiên, nhưng quả tình trường hợp bức Búp Bê, Trăng và Ngã Tư (số 13) — dù chắc hẳn đã có những tác dụng đặc biệt khác nhau ở cái nhìn của mỗi người, và của luôn cả họa sĩ — có thể được giải thích như quan niệm của Kandinsky về chiều hướng (*orientation*) của hình tam giác trên một bức tranh (4), và như vậy ý nghĩ cho rằng cái *poétique* của tác phẩm nay nằm trong *mouvement* tạo được do chiều hướng của hình thể có lẽ sẽ được chấp nhận như một cái nhìn nghệ thuật có căn cứ. Với chu tam nghiên cứu về màu sắc, đường nét và bố cục, nỗ lực của Nguyễn Đồng có thể được xem như một nỗ lực đồng phương được suy niệm bằng những vấn đề tây phương, và những tác dụng vật chất (*effet physique*) ở tranh của anh tất nhiên là con đường dẫn tới tâm hồn.

Nếu trên kia tôi đã có nhắc tới bức Phong Cảnh của Nguyễn Hữu Cầu (số 1) như một cố gắng liên kết một ý tưởng về đối tượng với sự trình bày thuần túy yếu tố « đường nét », thì với bức Sơn Dầu (số 3) họa sĩ đã mang lại một không khí khác, ở đó lẫn lộn hình dung và vô hình dung — tình cách *plastique* phát hiện ở trạng thái mâu thuẫn giữa hai giá trị, cái thực và cái tưởng tượng — tất cả đều như tự tiềm thức vật hiện ra mà chính họa sĩ cũng không ngờ tới, luôn cả linh hồn và biểu

(3) On n'explique pas l'art. C'est du domaine de la sensibilité qui peut et doit se développer (Fernand Léger)

(4) Kandinsky cho thí dụ về sự kiện chiều hướng thay đổi hình thể và bảo rằng khi đặt một hình tam giác được đặt nằm ngang và ở phía dưới đỉnh, thì người xem thấy bức tranh có không khí trầm tĩnh, bất động.



ý tây phương (làm tác giả đến gần với Ecole française) cũng đã phát hiện như một sự tình cờ. Bức số 2 của Nguyễn Hữu Cầu mang tên Bức Cục là một bức vô hình dung, tuy được thành hình một cách chắc hẳn là rất dễ dàng và cũng rất tình cờ, nhưng cũng nói lên được phần nào cái uyển chuyển cực kỳ lãng mạn của tâm hồn anh; tranh được vẽ nên, như một thí nghiệm (hay đúng hơn là một kinh nghiệm hoàn tất nhờ những khám phá hình như có sẵn trong tiềm thức), như một sự đề dành đặc biệt cho người xem cùng tham dự. Người ta không giải thích nó, cũng như ta không giải thích một « buổi hoàng hôn đẹp ».

Tranh Đinh Ngọc Mỏ thoát ra một điều mà gần như ai cũng nhận thấy được, là cả con người của anh, là cái ước muốn hóa thân vào đại thể (aspiration à la totalité), cái ước muốn bay bổng đôi khi

vẫn thấy chịu khuất phục vào nhân tính — cái nhân tính rồi cuộc đời kéo anh lại một phần nào với con người. Bay bổng, kích động, dữ dội là những gì đã phân biệt anh với những họa sĩ bạn anh. Tranh anh mang một không khí khác, một rung động khác, một chuyển động khác. Màu sắc trong bức « Vợ Chồng Kịch Sĩ » của anh (số 17) chuyển từ *rouge* sang *violet* (về phương diện vật chất cũng như tâm linh *violet* đều có nghĩa là *rouge refroidi*), nghĩa là từ một cái gì nóng nần, lay động, sang một cái gì buồn bã, bệnh hoạn. Những bức chân dung của Đinh Ngọc Mỏ (số 16 và 18) trình bày con người không phải như con người là mà như con người có thể là, bởi vì với anh, có lẽ người không con là một giống, một loại, mà là một điểm trong vẽ trạ, con mắt của người họa sĩ nơi anh nhìn và phải luôn

luôn nhìn vượt qua cái thực — dù đó là những cái gì đẹp nhất. Mãnh liệt, đó là chữ mà tôi đã quên nhắc tới. Bàn tay của Chân Dung Một Họa sĩ (số 18) dĩ nhiên không có được cái mãnh mãnh, thon dài và hoàn tất như bàn tay Venus đề trên ngực của Boticelli (5) nhưng chính bàn tay này đã diễn tả mạnh mẽ cá tính anh, vì nó đã nói lên được cái mãnh liệt, cái *pouvoir de choc* trong nét vẽ của anh.

Nghệ thuật không phải là một khoa học (6), bởi vậy những tìm tòi cần phải có cá tính, những sự lặp lại, nhất là về kỹ thuật — vì kỹ thuật nói cho cùng vẫn thường dễ được bắt chước — cũng cần phải diễn tả được những hình thức mới lạ, chưa bao giờ phô bày (*inédites*) của cái tôi (*le moi*). Nghệ thuật lại không phải ở chỗ chép lại y nguyên (*copier* mà ở chỗ phát minh (*inventer*) (7). Bởi vậy nếu phóng tranh của ba họa sĩ

Nguyễn Đồng, Đinh Ngọc Mỏ, Nguyễn Hữu Cầu không phải là một thành công về hội họa thì nhất định nó đã đánh dấu một sự trưởng thành ý thức và những nỗ lực tạo hình (riêng đối với sinh hoạt về lãnh vực này ở Việt Nam) là điều mà từ trước đến nay ta vẫn lầm tưởng chỉ có thể có nơi các họa sĩ nhà nghề, nơi những người được bẩm sinh có đôi tay xảo diệu. Nếu cả ba họa sĩ đã tránh được cái tinh thần tối kỵ mà Cézanne gọi là tinh thần văn chương (*esprit littéraire*), nếu những tìm kiếm trong lãnh vực *plastique* của họ đã hoàn thành được với vai chạng dương đường kẻ mà không nệ kỹ thuật, thì có một điều mà người xem không thể không nhắc đến, là có lẽ vì thời gian thực hiện quá gấp rút, hầu hết các bức tranh còn ở trong

(5) Le Naissance de Venus

(6) Paul Klee

(7) Fernand Léger

trình trạng *études*. Một tác phẩm quá hoàn tất đôi khi có vẻ là một vật trang trí khó khan và cứng đờ, nhưng một *étude* luôn luôn vẫn là một *étude*, nghĩa là nó đang chờ đợi nhiều nỗ lực khác của người khai sinh ra nó. Nguyễn Đồng, Đinh Ngọc Mỏ, Nguyễn Hữu Cầu chắc chắn chỉ mới bước một số bước

khởi hành đi vào hội họa. Nhưng ta cũng có thể nại theo René Huyghe (8) mà bảo rằng hội họa đã biết đi xuống tận những vùng tối mù nhất của tâm hồn ba họa sĩ đó.

HOÀNG NGỌC BIÊN

(8) Puissance de l'Image

## HAI CÁI TANG CHUNG CHO GIỚI VĂN HÓA

Trong tuần lễ cuối tháng 8 vừa qua, giới văn hóa Saigon đã mất một lúc hai người. Trước tiên là giáo sư Nguyễn Thiệu Lâu, một nhà sử học, và ít ngày sau là thi sĩ Đinh Hùng, tác giả *Mê Hồn Ca* và *Đường vào tình sử*.

Tòa soạn VẤN ĐỀ thành thật phân ưu cùng tang quyến giáo sư Nguyễn Thiệu Lâu và tang quyến thi sĩ Đinh Hùng.

## THƯ TÒA SOẠN

ĐẾN số báo thứ 6 này, VẤN ĐỀ đã được nửa năm. Trong nửa năm ấy, thư từ bài vở độc giả gửi về tòa soạn cũng gọi được là đôn đáo. Nhưng qua 5 số liền, tòa soạn không hề mở mục thư tín trả lời bạn đọc khiến nhiều bạn tỏ ý bất mãn vì sự im lặng của chúng tôi. Chúng tôi xin thành thật nhận lỗi.

Sở dĩ VẤN ĐỀ không có mục thư tín vì lý do : báo một tháng một kỳ, số trang lại quá mỏng, nếu mở mục này ít nhất cũng mất một trang báo. Do đó tòa soạn quyết định không phí phạm : trong báo ấy nếu có quảng cáo đỡ được phần nào chỉ tiêu cho tòa soạn (chắc bạn đọc cũng thông cảm và cũng mong cho tờ báo của các bạn còn sống được lâu dài) nếu không thì dành cho bài vở cần thiết hơn.

Đề bạn đọc khỏi thắc

mắc khi gửi thư từ bài vở về cho VẤN ĐỀ, chúng tôi xin thông báo cùng các bạn cách thức làm việc của tòa soạn. Bài vở các bạn gửi về chúng tôi đều đọc cẩn thận và luôn luôn mong mỗi được đăng bài của các tên tuổi mới — đối với chúng tôi càng mới bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Nếu bài đăng được chúng tôi sẽ đăng ngay vào số gần nhất, VẤN ĐỀ không bao giờ chọn bài theo nguyên tắc để dành «trám chỗ» khi thiếu bài. Cho nên sau hàng số bạn thấy bài không đăng có nghĩa là không đăng được.

Ngoài ra bạn đọc từng theo dõi đều đặn VẤN ĐỀ chắc cũng đã nhận thấy đường lối đại cương của tờ báo trong việc đăng bài. Chúng tôi không đăng thơ lẻ tẻ từng bài của nhiều người trong một số, cho nên nếu bạn gửi thơ về cho chúng tôi xin gửi một lúc càng nhiều



bài càng tốt và chúng tôi sẵn sàng dành từ mười trang trở lên trong một số cho riêng bạn. Nhưng nếu bạn có hảo ý muốn đóng góp tích cực với VẤN ĐỀ thì điều chúng tôi mong mỏi trông đợi ở bạn là hãy gửi về cho chúng tôi những luận văn, những bài phê bình và truyện ngắn, đó là những bài cần cho tờ báo chúng ta — Bài đăng được đều trả nhuận bút.

Thêm nữa để gây những mối quan hệ mật thiết giữa người viết và người đọc, chúng tôi cũng mong nhận được thư phát biểu ý kiến của bạn về những bài viết

trong tờ báo. Từ số này chúng tôi mở mục « Diễn đàn bạn đọc » để đăng tải ý kiến của các bạn, chúng tôi nghĩ trong cái không khí trống trải lạnh lẽo của phê bình ở đây ý kiến của bạn đọc — dù chê hay khen là sự trao đổi quan điểm về các vấn đề nêu xướng thật cần thiết đối với người viết.

Nếu các bạn có điều gì cần trực tiếp thảo luận với tòa soạn, chúng tôi sẵn sàng tiếp đón các bạn mỗi chiều thứ 4 trong tuần từ 16 g đến 18g.

Thân ái,  
VẤN ĐỀ

## DIỄN ĐÀN BẠN ĐỌC

Có những người mà tác phẩm của họ chưa bao giờ được xuất bản vì thiếu phương tiện hay những lai cảo của họ gửi cho các tạp chí mà không bao giờ thấy bài của mình lên khuôn

vì một lý do nào đó ngoài ý muốn của họ, họ vẫn nhẫn nại cố gắng chịu đựng. Họ tự an ủi họ rằng đó là những « thất bại chưa thất bại »

Thật tội nghiệp cho những con người ngu dốt có

## CÁO LỖI

Vì lý do đặc biệt, chúng tôi buộc phải bỏ hai trang cuối (127 và 128). Xin cáo lỗi bạn đọc và xin bạn Hoàng-lạc-Chương (Đà-Nẵng) thông cảm.

VẤN ĐỀ

## GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

VẤN ĐỀ đã nhận được :

- \* Tập thơ «Neo Tuổi vàng» của Hữu Phương.
  - \* Tập khảo luận «Đạo diễn và diễn viên sân khấu» của Ngọc Linh — Phú Sa xuất bản. Tập khảo luận cần thiết cho các sinh viên kịch nghệ cũng như cho các diễn viên.
- Trân trọng cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản.

TƯ - THỰC TRUNG - HỌC ĐỆ - NHỊ - CẤP

## TRƯỜNG - SƠN

129--131, Lê văn Duyệt Saigon

### LỚP TỐI TỬ - TÀI

- Đệ Nhị C<sub>3</sub> đặc biệt đủ 2 ban  
Anh — Pháp.
- Đệ Nhị AB<sub>4</sub> đặc biệt.
- Đệ Nhất C<sub>2</sub> đủ 2 ban  
Anh — Pháp.
- Đệ Nhất AB<sub>2</sub>.

Hiệu trưởng : NGUYỄN SỸ TẾ